TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Số: 626 /TB-GTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 04 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Căn cứ Nghị quyết số 413/NQ-HĐQT ngày 03/3/2022 của HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty như sau:

1. Thời gian: Từ 13h30', ngày 25 tháng 4 năm 2022 (thứ hai).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty như sau:

2. Địa điểm: Hội trường tầng 2 – Nhà ăn ca Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng. (*Km7, QL4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng)*

3. Thành phần tham dự Đại hội

- Đại biểu, khách mời tham dự Đại hội.
- Là cổ đông của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng có tên trong danh sách cổ đông chốt đến thời điểm ngày 25/3/2022 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận hoặc người được ủy quyền tham dự hợp pháp.
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty.
- Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty.

4. Nội dung, chương trình, tài liệu họp ĐHĐCĐ đăng tại địa chỉ website http://gtcb.com.vn

5. Xác nhận tham dự

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông gửi giấy xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự (theo mẫu gửi kèm) tới Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông qua đường bưu điện, fax, email trước **16h00 ngày 22/4/2022** theo địa chỉ sau:

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
Ký ngày: 4/4/2022 16:54:36

Văn phòng, Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại: 0206 3953 369.

Người liên hệ trực tiếp bà Lê Thị Linh Đa - Thư ký Công ty. Số điện thoại: 0989789503. Email: linhda.le3@gmail.com

*** Ghi chú:** *Các cổ đông đã gửi giấy xác nhận tham dự hoặc giấy ủy quyền tham dự tính đến thời điểm 14h00 ngày 25/4/2022 theo Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 626 /TB-GTCB ngày 04/4/2022 sẽ vẫn còn hiệu lực.*

Quý vị cổ đông vui lòng đến tham dự đúng giờ. Khi đến tham dự Đại hội, Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự hợp pháp phải xuất trình các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu;

b) Giấy đăng ký tham dự/ ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 (bản gốc trong trường hợp đã gửi chuyển fax hoặc email);

c) Lưu ý: Các cá nhân khi đến dự Đại hội bắt buộc phải thực hiện xét nghiệm Sars-cov-2 (test nhanh kháng nguyên) tại Công ty .

Thông báo này thay cho Giấy mời họp.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 4800162247-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
TP.CAO BẰNG-T.CAO BẰNG

Bùi Tiến Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Tên cổ đông/đại diện cổ đông: .....
Số CMTND/ CCCD/HC/ĐKDN:.....
Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....
Xác nhận tham dự ĐHĐCĐTN năm 2022 của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng vào ngày...../...../2022 với số cổ phần biểu quyết là:.....cổ phần.
Trong đó:
- Số cổ phần sở hữu:.....cổ phần phổ thông.
- Số cổ phần được ủy quyền (nếu có):.....cổ phần phổ thông.

(Kèm theo giấy ủy quyền tương ứng với số cổ phần nhận ủy quyền)

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, xác nhận vào danh sách cổ đông đại diện cổ đông tham dự họp.

Cao Bằng, ngày..... tháng .... năm 2022
CỔ ĐÔNG
(Ký, họ tên – Đóng dấu nếu là tổ chức)

**** Lưu ý:***
- Nếu cổ đông là pháp nhân phải có giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ.
- Cổ đông xin vui lòng gửi giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ về Ban Tổ chức ĐHĐCĐ theo địa chỉ trên Thông báo trước 16h00 ngày 22/4/2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

1. Bên ủy quyền:
Tên cổ đông/đại diện cổ đông: .....
Số CMTND/ TCCCD/HC/DKDN:.....
Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....
Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
(Bằng chữ: .....)

2. Bên nhận ủy quyền:
Ông/(bà):.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Số cổ phần được ủy quyền:..... cổ phần
(Bằng chữ: .....)

3. Nội dung ủy quyền:

Thay mặt người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng tương ứng số cổ phần được ủy quyền theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Điều lệ Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng và quy định của pháp luật.

4. Thời hạn ủy quyền:

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

5. Trách nhiệm của các bên:

Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho bên thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

Các bên cám kết chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

Cao Bằng, ngày..... tháng .... năm 2022

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN	**BÊN ỦY QUYỀN**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên - Đóng dấu nếu là tổ chức)*

** Ghi chú: 1. Cổ đông là pháp nhân thì có văn bản ủy quyền/giao người đại diện thực hiện quyền, nghĩa vụ cổ đông tại ĐHĐCĐ. Tổ chức là cổ đông của Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 3 người đại diện. Trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện. Bản sao giấy ủy quyền xin vui lòng gửi cho Ban Tổ chức ĐHĐCĐ theo địa chỉ trên thông báo và giấy mời họp trước 16h00 ngày 22/4/2022.*
2. Trường hợp bên ủy quyền là nhóm cổ đông thì Mục I ghi là "Nhóm cổ đông" và bổ sung thêm danh sách cổ đông ủy quyền theo mẫu kèm theo.
Người được ủy quyền khi đi tham dự ĐHĐCĐ cần mang theo CMND/Hộ chiếu, thư mời, tài liệu dự họp và giấy ủy quyền bản chính.

DANH SÁCH NGƯỜI ỦY QUYỀN KÈM THEO GIẤY ỦY QUYỀN

STT	Họ và tên	Số CMND/HC	Ngày cấp, nơi cấp	Số CP sở hữu	Số CP ủy quyền	Ký tên
1						
2						
3						
4						
5						
6						
	Tổng số					

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
CAO BANG CAST IRON & STEEL JCC (CISCO)

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Thời gian: 13h30'ngày 25 tháng 4 năm 2022.

Địa điểm: Hội trường tầng 2 - Nhà ăn ca Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng. *(Km7, QL4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng).*

Chủ tọa Đại hội: Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tịch HĐQT Công ty.

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
13h30-13h45	1	Tiếp đón Đại biểu và cổ đông	Ban tổ chức
	2	Đăng ký và kiểm tra thông tin cổ đông	Ban Thẩm tra thông tin cổ đông
	3	Báo cáo kết quả thẩm tra thông tin cổ đông tham dự Đại hội	Ban Thẩm tra thông tin cổ đông
13h45-14h10	4	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
	5	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	Ban tổ chức
	6	Giới thiệu và mời Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa	Ban tổ chức
	7	- Thông qua Ban thư ký - Thông qua Ban kiểm phiếu	Chủ tọa Đại hội
	8	Thông qua chương trình Đại hội	Chủ tọa Đại hội
14h10-17h00	9	Báo cáo kết quả SXKD thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021, Kế hoạch SXKD năm 2022.	Chủ tọa Đại hội
	10	Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2022-2027	Chủ tọa Đại hội
	11	Báo cáo hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2017-2022 và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2017-2022	Ban kiểm soát
	12	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán	Kế toán trưởng
	13	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022	Chủ tọa Đại hội
	14	Tờ trình chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2022	Chủ tọa Đại hội

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
14h10-17h00	15	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022	Ban kiểm soát
	16	Tờ trình thông qua việc gia hạn Hợp đồng mua bán phôi thép	Chủ tọa Đại hội
	17	Tờ trình phê duyệt quyết toán Dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng	Chủ tọa Đại hội
	18	Tờ trình Bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027	Chủ tọa Đại hội
	19	Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung các báo cáo và tờ trình nêu trên	Chủ tọa Đại hội
	20	**Đại hội nghỉ giải lao**	
	21	Công bố kết quả bầu cử Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027	Ban kiểm phiếu
	22	HĐQT, BKS tiến hành họp phiên thứ nhất, bầu chức danh chủ tịch HĐQT, TBKS nhiệm kỳ 2022-2027	
	23	Công bố biên bản kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
	24	Thông qua Biên bản Đại hội	Thư ký Đại hội
17h00-17h05	25	Tuyên bố bế mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội
	26	Chào cờ kết thúc Đại hội	Ban tổ chức

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

Cao Bằng, Tháng 03/2022

PHẦN I
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

I. Đặc điểm tình hình

Bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, Công ty có những thuận lợi và khó khăn cơ bản như sau:

1. Thuận lợi

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, ủng hộ của lãnh đạo Tập Đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản – TKV, các đơn vị bạn và chính quyền địa phương tỉnh Cao Bằng. Cùng với tinh thần Đoàn kết - Kỷ luật - Đồng tâm, chịu khó, nỗ lực phấn đấu khắc phục mọi khó khăn hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Giá bán sản phẩm phôi thép trên thị trường duy trì ở mức cao, bình quân năm đều cao so với giá kế hoạch, cụ thể giá bán phôi thép đạt 14,5 tr.đồng/tấn tăng 12% so với KH và tăng 48% so với cùng kỳ năm 2020.

2. Khó khăn

Bên cạnh thuận lợi, hoạt động SXKD trong của Công ty còn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, đặc biệt là tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước và trên thế giới diễn biến phức tạp và chưa có dấu hiệu dừng lại, ảnh hưởng đến khả năng cung ứng vật tư phục vụ sản xuất (chi phí dịch vụ logistics tăng, tiến độ kéo dài, vv...).

Biến động cùng với sự tăng giá kim loại trên thị trường là sự gia tăng không ngừng của các loại nguyên nhiên vật liệu (quặng sắt các loại, thép phế, gang cục, than cốc vv...) và các chủng loại vật tư phục vụ sửa chữa so với kế hoạch đầu năm gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD chung của Công ty.

Khâu khai thác mỏ không đáp ứng đủ nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất do khu Nam mỏ sắt Nà Rụa đã bước vào giai đoạn tận thu, cùng với đó công tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa tiến độ triển khai còn chậm, thủ tục phức tạp.

Trình độ chuyên môn và năng lực quản lý, điều hành của một số cán bộ phòng chức năng Công ty và các Phân xưởng còn hạn chế nên một số hạng mục, nội dung công việc triển khai chậm và chưa theo kịp yêu cầu quản lý, điều hành sản xuất.

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2021

1. Các chỉ tiêu chính

- Doanh thu thực hiện cả năm đạt 2.900 tỷ đồng bằng 99%KH năm và bằng 134% so với thực hiện năm 2020.

- Lợi nhuận thực hiện cả năm đạt 355,3 tỷ đồng bằng 295%KH năm và tăng 284 tỷ đồng so với thực hiện năm 2020.

- Nộp ngân sách thực hiện cả năm đạt 134,6 tỷ đồng bằng 197%KH năm và bằng 213% so với thực hiện năm 2020.

- Tổng quỹ lương thực hiện cả năm đạt 115 tỷ đồng bằng 117%KH năm và bằng 135% so với thực hiện năm 2020.

- Lao động sử dụng bình quân thực hiện cả năm đạt 832 người bằng 98%KH năm và bằng 98% so với thực hiện năm 2020.

- Tiền lương bình quân thực hiện cả năm đạt 11,5 tr.đ/ng-thg bằng 118%KH năm và bằng 137% so với thực hiện năm 2020.

2. Sản phẩm, bán thành phẩm sản xuất, tiêu thụ

2.1. Sản phẩm sản xuất

- Phôi thép sản xuất cả năm đạt 200.006 tấn bằng 91%KH năm và bằng 98% so với thực hiện năm 2020.

2.2. Bán thành phẩm sản xuất

- Quặng sắt nguyên khai sản xuất cả năm đạt 102.385 tấn bằng 111%KH năm và bằng 49% so với thực hiện năm 2020.

- Quặng 0-8mm sản xuất sản xuất cả năm đạt 9.081 tấn bằng 101%KH năm và bằng 33% so với thực hiện năm 2020.

- Quặng 8-38mm sản xuất sản xuất cả năm đạt 7.662 tấn bằng 109%KH năm và bằng 17% so với thực hiện năm 2020.

- Tinh quặng sắt sản xuất cả năm đạt 81.086 tấn bằng 90%KH năm và bằng 110% so với thực hiện năm 2020.

- Quặng thiêu kết sản xuất cả năm đạt 304.751 tấn bằng 87%KH năm và bằng 93% so với thực hiện năm 2020.

- Gang lỏng sản xuất cả năm đạt 190.245 tấn bằng 89%KH năm và bằng 93% so với thực hiện năm 2020.

2.3. Sản phẩm tiêu thụ

- Phôi thép tiêu thụ tiêu thụ cả năm đạt 197.775 tấn bằng 88%KH năm và bằng 91% so với thực hiện năm 2020. Trong đó phôi thép CT5 tiêu thụ đạt 91.008 tấn bằng 101%KH năm và bằng 107% so với cùng kỳ.

3. Giá thành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Giá thành sản xuất phôi thép thực hiện cả năm 12,6/12,2 tr.đồng/tấn bằng 103%KH năm và bằng 145% so với thực hiện năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu khiến giá phôi thép tăng so với kế hoạch và thực hiện năm 2020 do giá bình quân than cốc đầu vào tăng 8% so với kế hoạch và tăng 64% so với bình quân năm 2020. Giá thành tiêu thụ bình quân phôi thép thực hiện cả năm 12,7/12,5 tr.đồng/tấn bằng 102%KH năm và bằng 135% so với thực hiện năm 2020.

4. Giá bán sản phẩm

- Giá bán bình quân phôi thép năm đạt 14,5/12,9 tr.đồng/tấn bằng 112%KH năm và bằng 148% so với thực hiện năm 2020. Trong đó: Giá bán phôi CT5 đạt 15,4/13,4 tr.đồng/tấn bằng 115%KH năm; Phôi SD295A+Q235A đạt 13,7/12,68 tr.đồng/tấn bằng 109%KH năm.

5. Công tác Đầu tư xây dựng

- Trong năm 2021 Công ty đã ký kết Hợp đồng với các Nhà thầu để thực hiện các Dự án nhưng tiến độ thực hiện các Dự án còn chậm tiến độ nguyên nhân chính do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 dẫn đến việc nhập khẩu thiết bị gặp nhiều khó khăn, con người bị hạn chế di chuyển, bị cách ly dẫn đến công việc bị ngừng trệ. Một số các hạng mục thực hiện còn đang dở dang chưa quyết toán như Đầu tư hệ thống cầu trục, Nhà che than cốc; Đầu tư thiết bị vận tải.

(Có biểu chi tiết các chỉ tiêu kèm theo)

III. Đánh giá kết quả thực hiện SXKD năm 2021.

Trong năm 2021 trên cơ sở những điều kiện thuận lợi về giá bán sản phẩm trên thị trường, Công ty đã hoàn thành được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đề ra cũng như xử lý toàn bộ giá trị lỗ lũy kế từ các năm trước. Công ty đã triển khai giao khoán định mức KTKT và kế hoạch sản xuất cho các Phân xưởng, hàng tháng tổ chức nghiệm thu khối lượng, chi phí nhằm kịp thời đánh giá các chỉ tiêu kế hoạch, kiểm soát việc thực hiện chi phí, đảm bảo hiệu quả sản xuất.

Công ty đã tiến hành thăm quan, học hỏi tại các đơn vị sản xuất phôi thép trong nước qua đó có những sự điều chỉnh công nghệ từ đầu quý IV như thay đổi chế độ nạp liệu, bố liệu lò cao từ mẻ quặng 5 tấn tăng lên 7,5 tấn (tăng 150%) nhằm tăng tốc độ liệu để nâng cao năng suất của lò, tăng cường công tác sử dụng liệu nguội vào sản xuất phôi thép (từ 126 kg/tấn lên 200 kg/tấn) trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh tế, kết quả đạt được trong tháng 10, tháng 11 sản lượng phôi thép đều >21.000 tấn. Tuy nhiên, sản lượng sản xuất phôi thép chỉ đạt 91%KH (nguyên nhân chi tiết trong đánh giá công tác luyện kim).

Lợi nhuận trước thuế trong năm bằng 296%KH, tương ứng tăng 235,7 tỷ đồng, cụ thể:

- Do giá bán sản phẩm tăng làm tăng lợi nhuận 299 tỷ đồng; chi phí SCL trích trong giá thành giảm làm tăng lợi nhuận 7,2 tỷ đồng; chi phí tài chính giảm 38,5 tỷ đồng; chi phí VLCL + thuê chuyên gia giảm 10,8 tỷ đồng…Tổng giá trị làm tăng lợi nhuận ~ 355 tỷ đồng.

- Bên cạnh đó cũng có những yếu tố phát sinh làm giảm lợi nhuận như: Chi phí vật tư, nhiên liệu đầu vào tăng khiến lợi nhuận giảm 64,8 tỷ đồng; Chi phí tiền lương tăng làm giảm lợi nhuận 16,3 tỷ đồng; sản lượng sản phẩm sản xuất không đạt kế hoạch khiến chi phí cố định trên tấn sản phẩm tăng làm giảm lợi nhuận 27,9 tỷ đồng…Tổng giá trị làm giảm lợi nhuận ~120 tỷ đồng (có bảng tính toán chi phí chi tiết).

Mặc dù sản lượng sản xuất trong năm chưa hoàn thành so với mục tiêu đề ra, tuy nhiên Công ty đã triển khai quyết liệt đồng thời nhiều giải pháp trong Công tác điều hành đặc biệt là quản trị chi phí và đi kèm với đó là nâng cao chất lượng, kiểm soát công tác mua sắm vật tư, nguyên nhiên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm phù hợp với từng diễn biến của thị trường nên hiệu quả SXKD chung toàn Công ty đã đạt vượt mức so với kế hoạch đề ra, đánh giá cụ thể các mặt công tác:

1. Công tác khai thác, tuyển khoáng

- Trong điều kiện tình hình thực tế trữ lượng tại khai trường khu Nam mỏ sắt Nà Rụa đã sắp hết trữ lượng, thân quặng mỏng, hình thành không liên tục tạo thành các thấu kính nhỏ, chất lượng thấp. Công ty cũng chủ động tăng cường công tác bóc thải, tập trung khai thác tận thu các vỉa quặng để đáp ứng nguồn nguyên liệu cho Khu liên hợp.

- Công ty tiếp tục triển khai vận hành hệ thống bàn đãi, đồng thời thực hiện triển khai việc tận thu tinh quặng từ quặng đuôi từ 6 tháng cuối năm. Sản lượng sản xuất tinh quặng tăng 10% so với thực hiện năm 2020 nhưng không đạt so với kế hoạch năm đề ra, nguyên nhân: Thiết bị hoạt động không ổn định, thường xuyên hỏng nên dừng sửa chữa nhiều lần đặc biệt hệ thống băng tải xích, máy nghiền côn, máy nghiền bi...nguồn cung và chất lượng nước phục vụ sản xuất còn chưa đảm bảo dẫn đến không đạt yêu cầu tính khả tuyển.

2. Công tác luyện kim

- Công tác sản xuất các khâu luyện kim trong năm 2021 chưa ổn định, kết quả sản lượng sản xuất tại các khâu đều đạt thấp hơn kế hoạch. Tình hình nguyên liệu cung cấp đủ

số lượng, tuy nhiên chất lượng ba động nhiều; Tình trạng thiết bị xuống cấp, gặp nhiều sự cố, đặc biệt là hệ thống thiết bị lò cao; Công tác vận hành đa phần đã làm chủ và thành thạo trong thao tác công nghệ, tuy nhiên một số vị trí chưa thực sự làm chủ được công nghệ vận hành cũng ảnh hưởng đến sản xuất.

- Bên cạnh những mặt đã đạt được, công tác sản xuất luyện kim trong năm gặp không ít khó khăn và tồn tại khiến sản lượng không đạt kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu: Do nguồn cung nguyên, nhiên liệu trong năm chủ yếu mua ngoài với nhiều nguồn cung cấp khác nhau; Tình trạng máy móc thiết bị trong năm xảy ra sự cố nhiều lần, đặc biệt là hệ thống lò cao.

3. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng

- Sửa chữa lớn: Công ty triển khai thực hiện sửa chữa và quyết toán với tổng giá trị quyết toán 34 tỷ đồng/33,8 tỷ đồng bằng 101%KH. Hệ thống thiết bị sau sửa chữa lớn hoạt động ổn định, tuy nhiên quá trình hồi phục hệ thống Oxy sau sửa chữa gặp nhiều khó khăn, dẫn đến bị kéo dài thời gian, lần đầu tự thực hiện công tác thay chuông to lò cao và vệ sinh tháp làm mát nước trạm oxy nên còn phát sinh một số những công việc khiến tiến độ kéo dài hơn so với dự kiến, đặc biệt là thời gian chạy khởi động lại hệ thống oxy, nito.

- Sửa chữa thường xuyên: Công tác sửa chữa thường xuyên được triển khai lập kế hoạch theo từng quý, từng tháng và giao cho các đơn vị thực hiện. Tổng giá trị sửa chữa thường xuyên trong năm là 41,7 tỷ đồng/ 40,2 tỷ đồng tr.đồng bằng 104%KH.

4. Công tác kế hoạch vật tư

- Công ty tiếp tục triển khai việc giao kế hoạch sản xuất hàng tháng đến từng Phân xưởng trên cơ sở kết quả sản xuất của tháng trước liền kề. Tuy nhiên, chất lượng công tác điều hành - điều độ - giám sát chưa cao, trong quá trình sản xuất còn nhiều biến động so với kế hoạch, các Phân xưởng chưa chưa thực sự quyết tâm phấn đấu hoàn thành kế hoạch...Kết quả đến 3 tháng cuối năm, mục tiêu sản lượng tháng mới được hoàn thành tại các đơn vị trong Khu liên hợp.

- Công ty đã chủ động thực hiện cũng như phối hợp với các Phòng chức năng Tổng công ty tổ chức cung ứng các loại nguyên, nhiên liệu phục vụ kịp thời nhu cầu sản xuất đặc biệt là than cốc, quặng sắt....Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch cung ứng và giám sát tiến độ còn chậm dẫn đến việc đôi khi không có đủ lượng dự phòng và phối trộn đối với than cốc và lưỡng dự trữ cần thiết cho sản xuất trong năm tiếp theo đối với quặng sắt.

5. Công tác Lao động - Tiền lương

- *Công tác lao động:* Công ty đã thực hiện quản lý lao động theo hướng giảm lao động gián tiếp, ưu tiên sử dụng lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao. Tổng số lao động đầu năm 818 lao động, tổng số lao động cuối năm 795 lao động.

- *Công tác tiền lương:* Công ty đã tiến hành định biên lao động theo mô hình định biên lao động tiên tiến, xây dựng lại mức lương ngành nghề cho tất cả CBCNV trong Công ty. Đảm bảo tiền lương thu nhập cho người lao động nói chung, đặc biệt là những lao động có trình độ chuyên môn tay nghề tốt yên tâm gắn bó lâu dài với sự nghiệp xây dựng và phát triển Công ty.

6. Công tác Kế toán tài chính

- Trong năm tình hình tài chính của Công ty được cải thiện, cân đối luân chuyển các khoản vay hợp lý trên cơ sở đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất, tiết kiệm chi

phí lãi vay. Kết quả thực hiện trong năm chi phí tài chính bằng 65%KH, tiết kiệm số tiền tương ứng 36,3 tỷ đồng.

- Công tác cập nhật chi phí, thu xếp vốn phục vụ cho sản xuất, đầu tư được đảm bảo. Đã phối hợp với địa phương xác định giá tính thuế, phí phù với đối tượng sản xuất của Công ty. Công tác cập nhật các chế độ chính sách của nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Tổng công ty, của TKV thực hiện kịp thời, nghiêm túc.

7. Công tác triển khai khai thác khu Bắc

- Đối với phương án sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đổ thải tại mỏ sắt Nà Rụa (11,61ha) Công ty đã tiến hành kiểm đếm được 76/76 hộ dân liên quan. Hiện tại, Công ty đang thực hiện thủ tục thuê đơn vị tư vấn lập giá đất cụ thể, là cơ sở để Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập Phương án đền bù cho người dân. Dự kiến hoàn thành GPMB hạng mục Bãi thải số 03 trong tháng 2/2022.

- Đối với triển khai thực hiện khu Tái định cư phục vụ GPMB khu Bắc, Công ty đang tích cực làm việc với UBND tỉnh Cao Bằng làm rõ việc sử dụng nguồn vốn để thực hiện dự án tái định cư. Trên cơ sở đó để UBND tỉnh phê duyệt Chủ trương đầu tư Dự án Tái định cư và thực hiện các bước tiếp theo như GPMB khu đất, xây dựng hạ tầng...tuy nhiên, tiến độ chậm so với kế hoạch đề ra.

8. Công tác quyết toán các dự án

- Năm 2021 Công ty đã thực hiện xong Quyết toán các Dự án: Dự án Nâng cao thực thu tuyển quặng sắt bằng bàn đãi, Dự án Đầu tư mua máy xúc đào bánh xích phục vụ sản xuất, Dự án đầu tư thiết bị bốc xếp phôi.

- Đối với Quyết toán Dự án Khu liên hợp Gang thép: Công ty đã hoàn thiện xong Hồ sơ quyết toán gói thầu số 4 làm cơ sở để có thể quyết toán toàn bộ Dự án.

Đánh giá chung

Mặc dù bước vào triển khai kế hoạch SXKD trong điều kiện nhiều khó khăn đặc biệt là diễn biến khó lường của tình hình dịch bệnh, tuy nhiên trên cơ sở những điều kiện thuận lợi về giá bán sản phẩm trên thị trường, Công ty đã hoàn thành được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đề ra. Công ty đã triển khai giao khoán định mức KTKT và kế hoạch sản xuất cho các Phân xưởng, hàng tháng tổ chức nghiệm thu khối lượng, chi phí nhằm kịp thời đánh giá các chỉ tiêu kế hoạch, kiểm soát việc thực hiện chi phí, đảm bảo hiệu quả sản xuất, đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động tăng đáng kể. Song bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn một số tồn tại, như: Sản lượng sản xuất còn thấp; Một số chỉ tiêu tiêu hao tăng so định mức; Xảy ra sự cố công nghệ nhiều lần tại Khu liên hợp; Công tác ATMT vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro...

PHẦN II
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. Căn cứ lập kế hoạch năm 2022

1. Cơ sở pháp lý:

- Căn cứ kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021, phương án kỹ thuật sản xuất năm 2022 và năng lực sản xuất hiện của Công ty;

- Căn cứ dự báo thị trường phôi thép trong quý I năm 2022.

2. Phân tích dự báo thị trường:

- Giá bán sản phẩm Phôi thép đang có chiều hướng tăng nhẹ trong giai đoạn đầu năm, cụ thể bình quân quý I năm 2022, các điều kiện theo diễn biến của thị trường thời điểm hiện tại và trong các tháng tiếp theo, Công ty xây dựng giá bán sản phẩm phôi thép bình quân năm 2022, cụ thể:

+ Giá bán bình quân Phôi thép CT5IIC: 16,1 tr.đồng/tấn.

+ Giá bán bình quân Phôi thép SD295A + Q235A: 15,4 tr.đồng/tấn.

3. Cơ sở, điều kiện kỹ thuật cho sản xuất:

- Theo dự kiến ban đầu với cơ sở tài liệu địa chất, tổng khối lượng quặng tận thu còn lại tại khu Nam: 44.500 tấn. Các phương án tận thu khối lượng còn lại theo điều kiện thực tế, Công ty đã và đang triển khai các giải pháp để tối đa khối lượng tại khai trường phục vụ nguyên liệu cho công đoạn nghiền tuyển.

- Tình hình hiện trạng của dây chuyền, máy móc thiết bị hoạt động trong công đoạn luyện kim tại Khu liên hợp gang thép năm 2021 với các chỉ tiêu sản lượng, định mức KTKT và các chỉ tiêu tiêu hao.

- Căn cứ vào điều kiện thực tế nguồn cung các loại nguyên liệu quặng sắt trên thị trường, cụ thể dự kiến giới hạn tiêu chuẩn %Fe>51% với quặng lomonit, %Fe>58% với quặng manhetit, %Fe>61% với tinh quặng sắt.

II. Các chỉ tiêu chính

1. Sản phẩm, bán thành phẩm sản xuất, tiêu thụ

- Phôi thép sản xuất 220.000 tấn bằng 110% so với thực hiện năm 2021.
- Phôi thép tiêu thụ 225.000 tấn bằng 114% so với thực hiện năm 2021.
- Quặng sắt nguyên khai 44.500 tấn bằng 43% so với thực hiện năm 2021.
- Tinh quặng sắt sản xuất 88.000 tấn bằng 109% so với thực hiện năm 2021.
- Quặng thiêu kết sản xuất 348.400 tấn bằng 114% so với thực hiện năm 2021.
- Gang lỏng sản xuất 214.280 tấn bằng 113% so với thực hiện năm 2021.

2. Kế hoạch doanh thu - chi phí - lợi nhuận

- Doanh thu kế hoạch năm 3.538 tỷ đồng bằng 122% so với thực hiện năm 2021.
- Lợi nhuận kế hoạch năm đạt 98,68 tỷ đồng bằng 28% so với thực hiện năm 2021.
- Nộp ngân sách 92,9 tỷ đồng bằng 69% so với thực hiện năm 2021.
- Tổng quỹ lương 115 tỷ đồng bằng 100% so với thực hiện năm 2021.
- Lao động sử dụng bình quân 832 bằng 100% so với thực hiện năm 2021.
- Kế hoạch và cơ sở tính toán chi phí giá thành:

+ Giá nhiên liệu chính cụ thể: Than cốc 14,2 tr.đồng/tấn; Quặng limonit mua ngoài: 1,45 tr.đồng/tấn; Quặng manhetit 0-8mm: 2,15 tr.đồng/tấn; Quặng manhetit 8-38mm: 2,45 tr.đồng/tấn; Tinh quặng sắt Sin Quyền: 1,65 tr.đồng/tấn Tinh quặng sắt mua ngoài khác 2,25 tr.đồng/tấn; ...

+ Đơn giá điện bình quân 1.635 đ/kwh.

+ Định mức tiêu hao căn cứ kế hoạch kỹ thuật đã được phê duyệt và tình hình sản xuất thực tế năm 2021,

+ Khấu hao TSCĐ, thuế, phí, BHXH tính theo quy định Nhà nước;

3. Giá thành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Giá thành sản xuất phôi thép 15,1 tr.đồng/tấn bằng 120% thực hiện năm 2021 chủ yếu do giá thành nguyên liệu quặng các loại, than cốc, than cám 3a và một số các mặt hàng hợp kim tăng so với năm 2021 .

- Giá thành tiêu thụ bình quân Phôi thép 15,3 tr.đồng/tấn bằng 120% so với TH 2021 do giá thành sản xuất phôi thép tăng.

4. Chỉ tiêu lao động, tiền lương

- Tổng số lao động dự kiến: 832 người bằng 100% so với TH năm 2021.
- Tổng quỹ lương: 115.623 tr.đồng bằng 100% so với TH năm 2021.
- Tiền lương bình quân: 11,6 tr.đồng/ng-tháng bằng 100% so với TH năm 2021.

5. Chỉ tiêu Đầu tư xây dựng

- Tổng giá trị đầu tư: 27.516 tr.đồng.

6. Các chỉ tiêu kế hoạch khác

- Tổng giá trị Trung đại tu: 45.414 tr.đồng bằng 133% so với TH năm 2021.
- Tổng chi phí SCTX: 35.923 tr.đồng bằng 87% so với TH năm 2021.
- Chi phí AT - BHLĐ: 6.277 tr.đồng bằng 105% so với TH năm 2021.
- Chi phí môi trường: 1.495 tr.đồng bằng 166% so với TH năm 2021.
- Lãi vay + chi phí tài chính: 80.848 tr.đồng bằng 126% so với TH năm 2021.

(Có bảng tổng hợp kèm theo)

Đánh giá chung: Công ty nhận định nhiệm vụ năm 2022 rất nặng nề, vì vậy toàn bộ CBCNV trong toàn Công ty tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được trong năm 2021 để xây dựng, điều hành kế hoạch SXKD năm 2022 đảm bảo hoạt động ổn định, liên tục và có hiệu quả trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, giá bán sản phẩm phôi thép trên thị trường trong giai đoạn hiện tại biến động khó lường, giá nguyên nhiên liệu, hợp kim, phụ tùng thay thế phục vụ sản xuất tiếp tục tăng cao hơn so với năm 2021. Theo thống kê, tính toán sơ bộ trong xây dựng kế hoạch tổng chi phí phát sinh tăng do giá đầu vào làm tăng giá thành sản xuất sản phẩm của Công ty trong năm 2022 ước khoảng 620 tỷ đồng, trong đó chủ yếu do giá than cốc, dự báo giá bình quân năm 14,2 tr.đồng/tấn khiến chi phí tăng ~308 tỷ đồng; than cám 3ª tăng 36 tỷ đồng (TKV điều chỉnh giá tiêu thụ và giá than cám nhập khẩu tăng cao); nguyên liệu (quặng sắt, tinh quặng sắt) tăng ~ 152 tỷ đồng, chi phí liệu nguội (thép phế, gang cục,...) tăng 78 tỷ đồng, chi phí hợp kim chính (FeSi, SiMn...) tăng ~16 tỷ đồng...

III. Các giải pháp chủ yếu thực hiện KH SXKD năm 2022

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2022, Công ty xác định thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu sau trong quản lý điều hành, cụ thể:

1. Giải pháp cung ứng nguyên liệu phục vụ sản xuất

- *Triển khai khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa:* Chủ động làm việc, tiếp xúc với lãnh đạo UBND tỉnh, các sở ngành, UBND thành phố, Phường xã và các đơn vị liên quan cũng như thu xếp vấn đề nguồn vốn để giải quyết các vướng mắc thực hiện việc giải phóng mặt bằng khu bãi thải số 3, triển khai Khu tái định cư phục vụ cho công tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa và coi đây là nhiệm vụ sống còn của Công ty.

- *Tận thu triệt để nguồn tài nguyên tại khai trường khu Nam:* Huy động tối đa nguồn nguyên liệu quặng khai thác tại khai trường, bãi chứa và tận thu các nguồn quặng nghèo tại các bãi thải vào tuyển, đảm bảo mục tiêu sản lượng >88.000 tấn tinh quặng.

- *Giải pháp điều hành tiến độ cung cấp:* Thành lập tổ cung ứng nguyên liệu (quặng sắt, tinh quặng sắt…); xây dựng tiến độ đối với từng nhà cung cấp theo hàng tháng, không để xảy ra hiện tượng sản xuất cầm chừng do thiếu nguyên liệu.

- *Giải pháp cạnh tranh thị trường:* Xây dựng những cơ chế mua sắm linh hoạt như giảm khối lượng từng đợt mua sắm (2.000 tấn/lô; 3.000 tấn/lô...), giá mua phù hợp với diễn biến thị trường để tận dụng ưu thế, thu mua toàn bộ khối lượng quặng sắt được khai thác, sản xuất tại địa bàn tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn...

- *Giải pháp đa dạng nguồn cung nguyên liệu:* Tiến hành chủ động chào hàng và mua các loại quặng nguyên khai thô có các kích cỡ khác nhau (quặng sắt 0-40mm, quặng sắt 0-100mm,…) đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng về nghiền sàng tại Công ty với chi phí phù hợp để chủ động nguyên liệu sản xuất.

- *Giải pháp đa dạng thị trường:* Tìm hiểu thị trường về nguồn cung quặng sắt nhập khẩu (nguồn từ Lào, từ Úc…) để triển khai thực hiện khi giá quặng sắt phù hợp với giá bán phôi thép, đảm bảo hiệu quả.

2. Giải pháp công nghệ sản xuất

- *Giải pháp quản lý, điều hành sản xuất:* Nâng cao trách nhiệm, cụ thể trong chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất từ Công ty đến các Phân xưởng, nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu. Xử lý nghiêm lãnh đạo các đơn vị, phòng không hoàn thành nhiệm vụ được giao, sản xuất không hoàn thành kế hoạch, xảy ra tai nạn lao động, sự cố môi trường.

- *Giải pháp công nghệ khai thác, tuyển khoáng:* Trên cơ sở kết quả công tác khoan khai thác triển khai công tác tận thu tối đa trữ lượng còn lại của các vỉa quặng tại phạm vi khai trường khu Nam, từ đó đảm bảo có nguồn nguyên liệu cho tuyển khoáng cho năm 2022 – 2023.

- *Giải pháp công nghệ luyện kim:*

+ Duy trì kiểm tra bảo dưỡng các thiết bị trong dây chuyền hàng ngày đảm bảo tin cậy phục vụ cho sản xuất. Phối hợp trong công tác vận hành các khâu công nghệ như hệ thống xe thiêu kết, hệ thống phun than, hệ thống lò gió nóng, hệ thống quạt cao áp....mục tiêu năng suất quặng thiêu kết 50,4 tấn/giờ, giảm tiêu hao than cốc <450 kg/Tgl, nhiệt độ nước gang ra lò >1.400^{0}C…

+ Tận thu mê thép từ dây chuyền tuyển mê có hàm lượng Fe = 50 - 70% quay vòng trở lại tại các khâu công nghệ để thu hồi kim loại nhằm tối ưu hóa sản xuất (dự kiến khoảng 10.000 tấn/năm).

+ Duy trì "chế độ nạp liệu" bằng phương pháp thay đổi tỷ trọng mẻ liệu từ 5 tấn/mẻ lên 7 tấn/mẻ đảm bảo tăng năng suất cấp liệu đầu vào, qua đó đa dạng các nguồn nguyên liệu, đặc biệt là quặng sắt có hàm lượng thấp, dự kiến giới hạn tiêu chuẩn %Fe>51% với quặng lomonit, %Fe>58% với quặng manhetit, %Fe>61% với tinh quặng sắt từ đó đảm bảo sản lượng nước gang.

+ Áp dụng thử nghiệm giải pháp cải thiện "chế độ gió" lò cao bằng biện pháp đưa vào sử dụng thử nghiệm mắt gió Ø100 mm thay cho mắt gió Ø95 mm như hiện tại để tăng khả năng hấp thụ gió của lò nhằm nâng cao tối đa năng suất.

+ Cải thiện công tác lấy mẫu - phân tích mẫu kịp thời, chính xác phục vụ điều chỉnh công nghệ cho phù hợp khi có sự biến động, đặc biệt nhanh chóng triển khai đầu tư Máy Quang phổ phân tích phôi thép, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- *Giải pháp đảm bảo an toàn môi trường:* Với mục tiêu sản xuất đảm bảo tuyệt đối an toàn, không để xảy ra sự cố môi trường. Từ đó: Tăng cường triển khai các biện pháp cải thiện môi trường lao động động; Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác AT-VSLĐ, khắc phục triệt để kiến nghị của Đoàn kiểm tra các cấp.

3. Giải pháp quản lý kinh tế

- *Giải pháp quản lý lao động:* Tiếp tục đổi mới cơ cấu, định biên lại các phòng quản lý nghiệp vụ Công ty phù hợp với mô hình sản xuất. Tăng cường công tác đào tạo CNKT vận hành tại các vị trí quan trọng.

- *Giải pháp quản trị chi phí:* Bổ sung đối với quy trình nội bộ của Công ty liên quan đến công tác giao khoán - quản trị chi phí như phương án đánh giá xác định, hình thức thưởng phạt… Giao khoán chỉ tiêu KTKT gắn liền với thu nhập của người lao động, công tác nghiệm thu khối lượng, chi phí sản xuất cần quyết liệt hơn nữa nhằm đảm bảo hiệu quả chung trong các điều kiện biến động của thị trường.

- *Giải pháp mua sắm vật tư:* Duy trì thực hiện việc chào hàng, đấu thầu chào mua vật tư, hàng hóa để tìm được các nhà cung ứng có giá hợp lý, đảm bảo chất lượng nhất là đối với các vật tư có giá trị lớn, phấn đấu giữ ổn định giá vật tư đầu vào trong điều kiện thị trường có nhiều biến động, đặc biệt chi phí logistic, nhập khẩu…

- *Giải pháp tiêu thụ sản phẩm:* Chủ động trong công tác cân đối kế hoạch tiêu thụ sản phẩm phôi thép phù hợp trong từng điều kiện cụ thể của thị trường, đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mở rộng, bám sát nhu cầu của thị trường để đa dạng hóa chủng loại sản phẩm phôi thép theo nhu cầu nâng cao hiệu quả sản xuất.

- *Giải pháp tài chính:* Cân đối dòng tiền để thanh toán đúng kỳ hạn đã cam kết đối với các Nhà cung cấp để tạo uy tín cũng như sự canh tranh của Công ty đối với các đơn vị trong ngành.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng với các phụ biểu chi tiết kèm theo.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Tổng Công ty KS (b/c);
- HĐQT Công ty (b/c);
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT, KHVT.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4800162247-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG TP.CAO BẰNG-T.CAO BẰNG

Nguyễn Văn Phương

BIỂU TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHỦ YẾU

(Kèm Báo cáo số /BC-GTCB ngày tháng năm 2022 của Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng)

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	So sánh (%)	
						TH 2021/ KH 2021	KH 2022/ TH 2021
I	**Sản phẩm sản xuất, tiêu thụ**						
1	**Khai thác**						
-	Đất, đá bóc thải	m^3	195.000	254.538	145.000	131	57
-	Quặng sắt nguyên khai	Tấn	90.000	102.385	44.500	114	43
2	**Tuyển quặng**						
-	Tinh quặng sắt	"	90.000	81.086	88.000	90	109
3	**Luyện kim**	**Tấn**					
-	Phôi thép		**220.000**	**200.006**	**220.000**	91	110
+	*CT5IIC*	*Tấn*	*85.000*	*90.004*	*90.000*	106	100
+	*SD295A+Q235A*	*Tấn*	*135.000*	*110.001*	*130.000*	81	118
-	Quặng thiêu kết	Tấn	351.000	304.751	348.400	87	114
-	Gang lỏng	Tấn	214.280	190.245	214.280	89	113
4	**Tiêu thụ phôi thép**		**225.000**	**197.775**	**225.000**	88	114
-	CT5IIC	Tấn	90.000	91.008	90.000	101	99
-	SD295A+Q235A	Tấn	135.000	106.767	135.000	79	126
II	**Các chỉ tiêu chính**						
1	Doanh thu	Tr.đ	2.935.440	2.899.901	3.538.304	99	122
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	120.328	355.301	98.680	295	28
3	Lợi nhuận sau thuế	"	120.328	341.228	88.812	284	26
4	Giá vốn bán hàng	"	2.685.091	2.443.669	3.323.330	91	136
5	Chi phí quản lý, bán hàng	"	27.487	36.954	35.446	134	96
6	Lãi vay + CP tài chính	"	102.535	63.978	80.848	62	126
III	**Nộp ngân sách**	**Tr.đ**	**68.371**	**134.844**	**92.957**	197	69
IV	**Chế độ người lao động**	"					
1	Lao động sử dụng bình quân	người	845	832	832	98	100
2	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	98.702	115.056	115.623	117	100
3	Tiền lương BQ thực lĩnh	trđ/ng/thg	9,73	11,5	11,6	118	100
V	**ĐTXD, SCL, SCTX**	"					
1	Khấu hao TSCĐ		120.828	121.569	122.903	101	101
2	Đầu tư xây dựng		22.860		27.516	-	
3	Sửa chữa lớn	"	33.842	34.012	45.414	101	134
-	*SCL MMTB*		*32.696*	*33.209*	*44.754*	*102*	*135*
-	*SCL CTKT*		*1.146*	*803*	*660*	*70*	*82*
4	Sửa chữa thường xuyên	"	40.280	41.727	35.923	104	86
-	*SCTX MMTB*		*36.680*	*37.461*	*31.067*	*102*	*83*
-	*SCTX CTKT*		*3.600*	*4.266*	*4.856*	*118*	*114*
5	An toàn - Bảo hộ lao động	"	7.008	5.967	6.277	85	105
6	Môi trường thường xuyên	"	1.547	899	1.495	58	166
VI	**Giá thành, giá bán Phôi thép**						
1	Giá thành sản xuất	10^3đ/t	12.215	12.607	15.000	103	119
2	Giá thành tiêu thụ	"	12.512	12.771	15.300	102	120
3	Giá bán	"	12.992	14.551	15.680	112	108
-	*CT5IIC*	"	*13.460*	15.440	16.100	115	104
-	*SD295A+Q235A*	"	*12.680*	13.794	15.400	109	112
VII	**Giá NVL chính**						
1	Than cốc	10^3đ/t	10.380	11.221	14.100	108	126
2	Liệu nguội	10^3đ/t	10.350	11.416	13.400	110	117
3	Điện năng	đ/kwh	1.635	1.613	1.635	99	101
4	Quặng sắt 0-8mm (limonit)	10^3đ/t	1.350	1.270	1.450	94	114
5	Quặng sắt 0-8mm (manhetit)	10^3đ/t	1.850	2.000	2.150	108	108
6	Quặng sắt 8-38mm (manhetit)	10^3đ/t			2.450		
7	Tinh quặng mua Sin Quyền	10^3đ/t	1.550	1.542	1.650	99	107
8	Tinh quặng mua ngoài khác	10^3đ/t	1.850	2.000	2.250	108	113

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 630/BC-HĐQT

Cao Bằng, ngày 04 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017 - 2022 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2022 - 2027

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng xin báo cáo Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 về kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông, hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2022-2027, như sau:

PHẦN 1: TỔNG QUAN KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2017-2022

I. Khái quát về công ty

1. Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng là công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Công ty có trụ sở tại: Số 052 phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, tp. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 4800162247, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 21/6/2019; Nghành nghề sản xuất kinh doanh chính là khai thác, chế biến quặng sắt và sản xuất phôi thép.

2. Công ty có vốn điều lệ 430 tỷ VNĐ, tại thời điểm 31/12/2021 vốn điều lệ của Công ty là 436,820 tỷ VNĐ, cổ đông góp vốn lớn nhất là Tổng công ty Khoáng sản TKV, chiếm 52,54% vốn điều lệ của Công ty.

II. Nhân sự Hội đồng quản trị

* Về tổ chức nhân sự của Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017-2022, có 05 thành viên:

(1) Ông Trịnh Văn Tuệ - Chủ tịch;
(2) Ông Trịnh Văn Tuấn - Thành viên;
(3) Ông Phạm Thành Đô - Thành viên;
(4) Ông Nông Minh Huyễn - Thành viên;
(5) Ông Vương Thanh Giang - Thành viên.

* Trong nhiệm kỳ 2017 - 2022 nhân sự HĐQT có sự thay đổi như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trịnh Văn Tuệ	Chủ tịch HĐQT		4/2018
2	Đào Minh Sơn	Chủ tịch HĐQT	4/2018	4/2019
3	Bùi Tiến Hải	Chủ tịch HĐQT	4/2019	
4	Vương Thanh Giang	Thành viên HĐQT		6/2020
5	Nông Minh Huyễn	Thành viên HĐQT		6/2020
6	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT	6/2020	
7	Tô Xuân Thanh	Thành viên HĐQT	6/2020	

* Đến thời điểm hiện tại HĐQT Công ty gồm 5 thành viên sau:

(1) Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tịch HĐQT;
(2) Ông Nguyễn Văn Phương - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty;
(3) Ông Trịnh Văn Tuấn - Thành viên HĐQT;
(4) Ông Phạm Thành Đô - Thành viên HĐQT;
(5) Ông Tô Xuân Thanh - Thành viên HĐQT.

III. Đánh giá hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022

Các thành viên HĐQT Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có những đóng góp tích cực trong quá trình điều hành chỉ đạo SXKD của Công ty.

Với vai trò là người đại diện quyền lợi cho cổ đông của Công ty, trong nhiệm kỳ 2017 - 2022 HĐQT đã cùng với Ban điều hành công ty thực hiện nhiệm vụ cẩn trọng theo đúng chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT đã tổ chức, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm đề ra. Hội đồng quản trị đã phối hợp với ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp, điều chỉnh hoạt động SXKD của công ty, chấn chỉnh bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong quản trị doanh nghiệp.

Phối hợp với BKS công ty để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý chỉ đạo công ty thực hiện các mục tiêu Đại hội ĐCĐ của các năm đề ra và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã xác định và triển khai kế hoạch, phương hướng sản xuất kinh doanh hằng năm. Qua nhiệm kỳ 5 năm, HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát để đảm bảo kết quả thực hiện các mục tiêu đã đề ra theo định hướng và kế hoạch đã đề ra. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản cụ thể như sau:

1. Bảo toàn và phát triển vốn

Nội dung	2017	2018	2019	2020	2021	TTBQ (%)
Vốn chủ sở hữu	138.203	157.028	23.662	95.592	436.820	122%
Vốn điều lệ	430.063	430.063	430.063	430.063	430.063	0%

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2017	TH năm 2018	TH năm 2019	TH năm 2020	TH năm 2021	TTBQ (%)
1. Tổng D/thu	Tỷ đồng	2.183	1.803	2.377	2.154	2.900	10%
2. Lợi nhuận	Tr.đ	2.300	18.825	(133.365)	71.930	355.301	37,5%
3. Nộp ngân sách	Tr.đ	74.432	32.446	55.288	86.253	134,8	-7%
4. Các SP chủ yếu							
+ Quặng sắt	Tấn	325.350	277.816	225.066	202.581	102.385	-23%
+ Phôi thép	Tấn	190.169	185.538	220.368	202.009	197.775	1%
5. Lao động BQ	Người	890	885	873	845	832	-2%
6. Thu nhập BQ	Tr.đ	6,5	7,0	7,06	8,4	11,5	16%

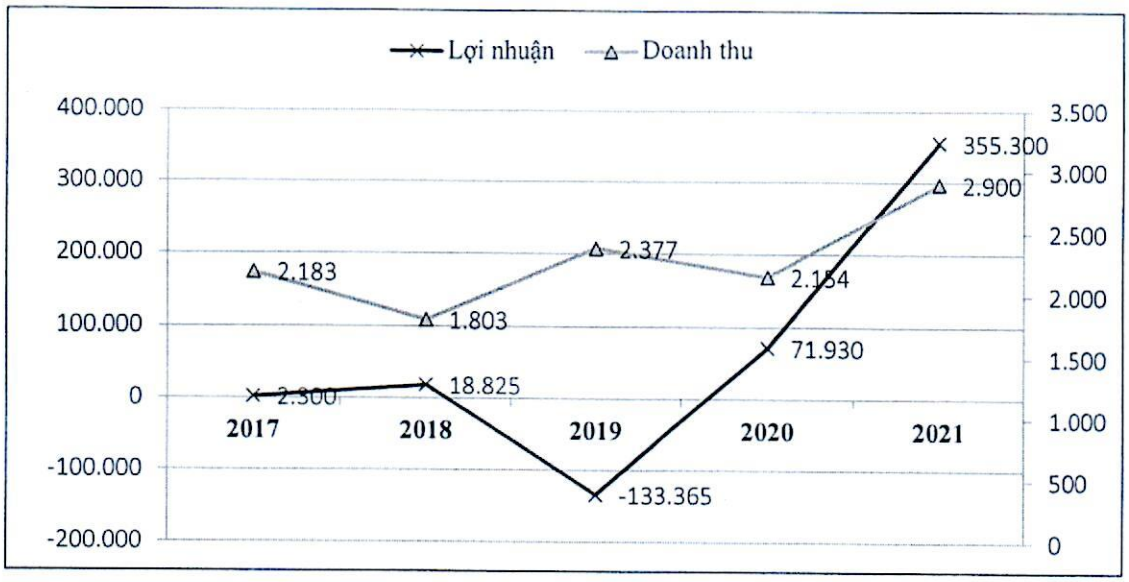

3. Công tác đầu tư

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021
Giá trị đầu tư	211.806	2.461	4.799	4.488	0

Công tác đầu tư trong giai đoạn này chú trọng vào các Dự án Đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa để đưa Xưởng tuyển quặng của Công ty vào hoạt động, đầu tư nâng cao năng lực tuyển quặng sắt, năng lực thiết bị phục vụ cho sản xuất, đầu tư nhà xưởng để chứa nguyên vật liệu với các dự án trọng điểm trong giai đoạn này: Dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa; Dự án Nâng cao thực thu tuyển quặng sắt bằng Bàn đãi; Dự án đầu tư thiết bị bốc xếp phôi thép; Dự án đầu tư máy xúc đào bánh xích; Đầu tư ô tô tải tự đổ; Đầu tư cẩu trục 20 tấn phục vụ sản xuất; Dự án Đầu tư mở rộng nhà sửa chữa cơ điện; Dự án Đầu tư nhà che than cốc.

4. Tình hình quản trị Công ty

Trong nhiệm kỳ qua, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết về Đầu tư; các giao dịch mua bán sản phẩm, nguyên vật liệu; vay vốn; về nhân sự; sửa đổi, bổ sung ban hành lại Điều lệ Công ty, các quy chế hoạt động của HĐQT, BKS, quy chế quản trị nội bộ sau khi đã được ĐHĐCĐ thông qua; các quy chế về quản trị nội bộ, quy chế tài chính, tổ chức bộ máy nhằm định hướng và phát triển Công ty.

5. Tổng kết các cuộc họp và các Nghị quyết của HĐQT

Trong 05 năm qua HĐQT đã tổ chức họp 46 phiên họp, ban hành 124 Nghị quyết liên quan đến hoạt động của Công ty để kịp thời đưa ra các nghị quyết, quyết định định hướng sản xuất kinh doanh. Các cuộc họp đều có đủ số thành viên HĐQT tham dự theo quy định, các thành viên HĐQT đều thể hiện trách nhiệm và thống nhất ý kiến để kịp thời.

6. Kết quả giám sát của HĐQT với Giám đốc và Ban điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị Công ty đã thường xuyên thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của BĐH Công ty; hỗ trợ tạo điều kiện tối đa để BĐH Công ty chủ động và đẩy mạnh các hoạt động SXKD nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm đề ra.

- Giám đốc và Ban điều hành đã luôn bám sát phương hướng, nhiệm vụ đề ra hàng năm, bám sát tình hình thực tiễn, linh hoạt trong quá trình điều hành SXKD của Công ty, quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao đảm bảo năng suất, chất

lượng sản phẩm. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần cũng như các quy chế nội bộ.

- Trong nhiệm kỳ qua, Ban điều hành dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT đã hoạt động nỗ lực, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong điều kiện sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền không gây cản trở hoạt động của Công ty và bộ máy điều hành. Việc kiểm tra, giám sát này giúp cho HĐQT làm việc tốt hơn. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động SXKD của Công ty và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả, hạn chế các rủi ro.

7. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước chưa được thực hiện

- Nội dung: *"Thông qua Hợp đồng Nguyên tắc mua bán phôi thép giai đoạn 2022 - 2027".*

Hợp đồng Nguyên tắc mua bán phôi thép giai đoạn 2022 - 2027 là hợp đồng sẽ ký kết giữa Công ty CP Gang thép Cao Bằng với Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP, thời gian ký kết hợp đồng từ năm 2022 đến năm 2027 và đã được ĐHĐCĐ Thường niên năm 2021 thông qua. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa thực hiện ký kết hợp đồng nguyên tắc trên, lý do: Tại Nghị quyết số 648/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã nêu "Thông qua hợp đồng nguyên tắc tiêu thụ sản phẩm phôi thép với Tổng công ty Khoáng sản – TKV để tiêu thụ toàn bộ sản phẩm phôi thép do Công ty CP Gang thép Cao Bằng sản xuất trong năm 2018 và các năm tiếp theo". Theo đó Hợp đồng Nguyên tắc mua bán phôi thép giai đoạn 2022 – 2027 chưa được thực hiện.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2022-2027

Để giữ vững sự ổn định và phát triển, tạo đủ việc làm cũng như đảm bảo thu nhập cho người lao động trong toàn Công ty, HĐQT xác định phương hướng hoạt động năm 2022 và các năm tiếp theo như sau:

I. Mục tiêu tổng quát:

- Chỉ đạo thực hiện chiến lược SXKD của Công ty: Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh với các thị trường, khách hàng truyền thống mà Công ty hiện đang có, đẩy mạnh chính sách bán hàng, tiếp thị sản phẩm của công ty. Tích cực mở rộng thêm thị trường các khu vực lân cận, thị trường ngoài Tổng công ty, tạo tiền đề cho phát triển các năm tiếp theo. Tìm hiểu thị trường về nguồn cung quặng sắt nhập khẩu (nguồn từ Lào, từ Úc…) để triển khai thực hiện khi giá quặng sắt phù hợp với giá bán phôi thép.

- Nâng cao năng lực tài chính: Tăng cường tích lũy nội bộ, gia tăng lợi nhuận. Sử dụng nguồn vốn hợp lý, tích cực thu hồi các khoản nợ vay, phải thu nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính.

- Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng sản phẩm, đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm điện năng, nguyên vật liệu. Công ty tập trung vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhưng mục tiêu ưu tiên hàng đầu là an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và cảnh quan xung quanh nhà máy cũng như của người dân địa phương, hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

- Nghiên cứu và triển khai chỉ đạo Công ty thực hiện các giải pháp quản trị theo chiều sâu đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ SXKD và tăng năng lực cho Công ty, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh.

II. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 và các năm tiếp theo

Nhiệm kỳ 2022 - 2027 HĐQT công ty tiếp tục chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 và các năm tiếp theo:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KHN 2022	KHN 2023	KHN 2024	KHN 2025	KHN 2026	KHN 2027	Tổng
1. Tổng D/thu	Tỷ đồng	3.538	2.407	3.177	3.177	3.177	3.177	18.653
2. Lợi nhuận	Tr.đ	98.680	21.010	190.345	83.879	17.089	178.412	589.415
3. Các SP chủ yếu								
+ Quặng sắt	Tấn	44.500	0	350.000	350.000	350.000	350.000	1.444.500
+ Phôi thép	Tấn	220.000	165.000	220.000	220.000	220.000	220.000	1.265.000
4. Lao động BQ	Người	832	845	845	845	845	845	843
5. Thu nhập BQ	Tr.đ	11,58	9,47	9,48	9,75	9,76	10,3	10

III. Phương hướng hoạt động của HĐQT HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027

Như nhận định tình hình đã nêu ở trên, nhiệm kỳ 2022-2027 Hội đồng quản trị thực hiện và chỉ đạo thực hiện làm tốt các nhiệm vụ sau:

1. Tốc độ tăng doanh thu sau 5 năm tăng cao hơn so với giai đoạn (2017-2022). Xác định rõ định hướng thị trường chủ yếu để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược phát triển thị trường đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty. Chủ động hơn nữa trong công tác cân đối kế hoạch tiêu thụ sản phẩm phôi thép phù hợp trong từng điều kiện cụ thể của thị trường, đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mở rộng, bám sát nhu cầu của thị trường để đa dạng hóa chủng loại sản phẩm phôi thép theo nhu cầu nâng cao hiệu quả sản xuất.

2. Thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính giai đoạn mới, đảm bảo cân đối và thu xếp vốn để thực hiện đầu tư, đáp ứng yêu cầu SXKD, cố gắng từng bước phát triển nguồn vốn. Đẩy mạnh quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro.

3. Chỉ đạo Ban điều hành công ty thực hiện các giải pháp nâng cao các mặt quản lý, nâng cao, đổi mới công tác quản trị, đẩy mạnh công tác quản lý kỹ thuật cơ bản. Tiếp tục kiện toàn sắp xếp lại tổ chức sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất lao động, tăng cường hiệu quả SXKD. Chỉ đạo tổ chức thực hiện hoàn thành cơ bản cơ cấu nhân sự bộ máy tổ chức quản lý điều hành toàn Công ty. Có kế hoạch cán bộ dài hạn và đào tạo nguồn nhân lực trẻ có trình độ cao trong quy hoạch. Chú trọng phát triển lực lượng sản xuất, đảm bảo đội ngũ công nhân lành nghề và lực lượng cán bộ quản lý có trình độ cao.

4. Phối hợp cùng Ban kiểm soát công ty chỉ đạo Ban điều hành tăng cường nhận diện các rủi ro trong sản xuất, đặc biệt là rủi ro thị trường tiêu thụ để có phương án tiêu thụ tốt hơn.

5. Chú trọng chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa đảm bảo kịp thời cung cấp quặng sắt cho Nhà máy Gang thép từ quý 3/2023, coi đây là nhiệm vụ quan trọng của Công ty.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến cải tiến khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm đảm bảo hiệu quả SXKD trong toàn Công ty. Chỉ đạo Ban điều hành đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

7. Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD vì mục tiêu phát triển Công ty, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động xây dựng Công ty ngày càng phát triển và thịnh vượng.

Trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng về đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông, hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ năm 2022-2027, rất mong được các Quý vị Cổ đông và Quý vị đại biểu tham gia đóng góp ý kiến, giúp cho hoạt động của Hội đồng quản trị ngày càng tốt hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 4800162247-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
TP.CAO BẰNG-T.CAO BẰNG

Bùi Tiến Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 629 /BC-BKS	*Cao Bằng, ngày 09 tháng 09 năm 2022*

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017-2022 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2022-2027

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty kết quả hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2017 - 2022 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2022 - 2027 như sau:

I. Tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát

- Nhân sự của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022 luôn duy trì số lượng 03 người, chi tiết như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Hoàng Văn Sáng	Trưởng Ban	6/2020	
2	Lê Văn Lưỡng	Thành viên	4/2017	
3	Đào Vân Anh	Thành viên	4/2019, 6/2021	4/2020
4	Nguyễn Hữu Cường	Thành viên	4/2020	6/2021
5	Đỗ Ngọc Hải	Thành viên		4/2019

Đến thời điểm hiện tại, BKS Công ty gồm 3 thành viên sau:

(1) Ông Hoàng Văn Sáng - Trưởng Ban;

(2) Ông Lê Văn Lưỡng - Thành viên ;

(3) Bà Đào Vân Anh - Thành viên .

Các thành viên BKS đều độc lập, không giữ các chức vụ quản lý, không làm việc tại bộ phận kế toán của Công ty.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua và ban hành làm cơ sở, căn cứ cho các hoạt động của Ban.

- BKS có các nhiệm vụ chính sau: thực hiện các quyền giám sát việc thực thi Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ; xem xét đánh giá hoạt động điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc, các cán bộ lãnh đạo; giám sát các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh; lựa chọn kiểm toán, thẩm định báo cáo tài chính.

Trong nhiệm kỳ 2017 - 2022, các thành viên BKS đã nỗ lực trong việc thực thi dựa trên chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Báo cáo thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS: thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

II. Kết quả hoạt động của BKS

1. Kết quả giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, Công ty đã đạt kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2017	TH năm 2018	TH năm 2019	TH năm 2020	TH năm 2021	TTBQ (%)
1. Tổng D/thu	Tỷ đồng	2.183	1.803	2.377	2.154	2.900	10%
2. Lợi nhuận	Tr.đ	2.300	18.825	(133.365)	71.930	355.301	37,5%
3. Nộp ngân sách	Tr.đ	74.432	32.446	55.288	86.253	134,8	-7%
4. Các SP chủ yếu							
+ Quặng sắt	Tấn	325.350	277.816	225.066	202.581	102.385	-23%
+ Phôi thép	Tấn	190.169	185.538	220.368	202.009	197.775	1%
5. Lao động BQ	Người	890	885	873	845	832	-2%
6. Thu nhập BQ	Tr.đ	6,5	7,0	7,06	8,4	11,5	16%
7. Giá trị đầu tư xây dựng	Tr.đ	211.806	2.461	4.799	4.488	0	

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc và kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có sự phối hợp hoạt động trên tinh thần xây dựng hợp tác. Các Nghị quyết của HĐQT đều được Ban Kiểm soát giám sát tính đúng đắn và quá trình thực hiện. BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong kỳ, các ý kiến đóng góp của BKS được ghi nhận và thực hiện.

- Kết quả giám sát của BKS:

+ HĐQT trong nhiệm kỳ 2017-2022 đã tiến hành các hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp theo kế hoạch. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các thành viên trong Ban điều hành của mình để đảm bảo tiến độ công việc. Kết quả công việc được báo cáo, chỉnh lý và kiểm soát theo từng giai đoạn thông qua các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc.

+ Các cán bộ quản lý thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng nhiệm vụ và theo quyền hạn được giao, đảm bảo hiệu quả trong công việc. Căn cứ vào kết quả thực hiện chủ trương kế hoạch, các cán bộ quản lý thường xuyên báo cáo lên Ban GĐ, kịp thời xin ý kiến giải quyết.

3. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính các năm 2017-2021

- Một số chỉ tiêu chính của BCTC các năm 2017-2021:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng tài sản	2.295	2.553	2.196	1.863	1.832
Nợ phải trả	2.157	2.396	2.172	1.767	1.396
Vốn chủ sở hữu	138	157	24	96	437
Doanh thu	2.184	1.803	2.370	2.154	2.892
Lợi nhuận sau thuế	2,3	18,8	-133,4	71,9	341,2
Lưu chuyển dòng tiền thuần	-23,74	1,78	0,97	0,46	18,65

Qua xem xét thẩm định Báo cáo tài chính từng năm, Ban kiểm soát có ý kiến như sau :

- Ban kiểm soát thống nhất với số liệu Báo cáo tài chính các năm 2017- 2021 do Công ty CP Gang thép Cao Bằng lập và đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày cuối năm tài chính, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Công ty đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn về sản xuất kinh doanh, về nguồn lực tài chính, đã có sự thay đổi và lựa chọn các nhà thầu kịp thời và phù hợp, tiếp tục nâng cao khả năng làm chủ công nghệ dây chuyền sản xuất, qua đó giảm chi phí, giảm giá thành, cùng với thuận lợi giá đầu ra trong 2 năm gần đây nên lợi nhuận đạt kết quả rất tích cực, đã hết lỗ lũy kế và dương vốn chủ sở hữu, dương dòng tiền thuần về sản xuất kinh doanh và dòng tiền thuần doanh nghiệp.

- Tuy nhiên Ban kiểm soát lưu ý mức lợi nhuận tích lũy tại 31/12/2021 còn thấp (6,7 tỷ đồng), tỷ trọng nợ vay trong tổng tài sản vẫn ở mức cao (76%) cùng với rủi ro thiếu chủ động nguồn cung nguyên liệu lẫn gia tăng giá vật tư đầu vào sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh và khả năng thanh toán của công ty.

4. Kiến nghị

Các thành viên trong Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc. Tuy nhiên, trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, kinh tế vĩ mô chưa ổn định thì công tác kiểm soát cũng không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải quan tâm, nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới. BKS có một số kiến nghị như sau:

- Cần phát huy hơn nữa sự phối hợp giữa các thành viên Ban Kiểm soát với nhau, giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và các phòng ban Công ty.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý điều hành và sản xuất của công ty.

- Xây dựng chiến lược công ty và kế hoạch đầu tư xây dựng, SXKD cho giai đoạn 2022-2027, đảm bảo chủ động trữ lượng khai thác thông qua hoàn thành đầu tư khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa.

- Tiếp tục nâng cao khả năng làm chủ công nghệ dây chuyền, kiểm soát và giảm tiêu hao trong sản xuất; Phân tích và dự báo giá đầu vào đầu ra, lập kế hoạch dự trữ tồn kho hợp lý, đặc biệt là than cốc và quặng sắt.

- Kiểm soát và sử dụng linh hoạt dòng tiền, mở rộng quan hệ và hạn mức với các tổ chức tín dụng khi tình hình tài chính hiện tại đã tốt hơn để đáp ứng kịp thời nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Thường xuyên phân tích đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá tình hình tài chính của Công ty.

III. Kế hoạch hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2022-2027

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty các năm tiếp theo, Ban kiểm soát xin đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, pháp luật Nhà nước; Giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện đầu tư, thực hiện sản xuất kinh doanh.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập. Đồng thời thực hiện thẩm định BCTC định kỳ (quý/bán niên/năm) của Công ty.

- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, nhiệm vụ theo yêu cầu của cổ đông.

Trên đây là toàn bộ nội dung BKS báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Kính mong Quý vị đóng góp ý kiến để BKS làm tốt chức năng, nhiệm vụ cổ đông giao phó và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

BKS xin trân trọng cảm ơn ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng chức năng, phân xưởng trực thuộc và cán bộ CNV Công ty đã ủng hộ và hợp tác để tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Hoàng Văn Sáng

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

Số: 25 /TTr-GTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 04 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; Sửa đổi, bổ sung lần thứ tư ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB ngày 21/7/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã kiểm toán, các chỉ tiêu chính bao gồm:

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Tài sản ngắn hạn	**100-BCĐKT**	**500.341**	**408.754**
II. Tài sản dài hạn	**200-BCĐKT**	**1.332.141**	**1.454.315**
III. Nợ phải trả	**300-BCĐKT**	**1.395.662**	**1.767.476**
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	905.660	1.081.009
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	490.002	686.467
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	**400-BCĐKT**	**436.820**	**95.593**
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	436.820	95.593
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	430.064	430.064
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.756	
V. Kết quả kinh doanh		**Kỳ này**	**Kỳ trước**
1. Tổng doanh thu		2.899.901	2.154.845
2. Tổng chi phí		2.544.600	2.082.915
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	355.301	71.930
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	341.288	71.930
VI. Chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		134.844	63.070
2. Lợi nhuận trước thuế/vốn CSH (%)		81%	75,25%
3. Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH (%)		78%	75,25%
4. Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (%)		18,62%	3,86%
5. Tổng số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)		3,20	18,49

Báo cáo tài chính năm 2021 sau kiểm toán đã được đăng tải trên Website của Công ty http://gtcb.com.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
M.S.D.N: 4800162 C.T.C.P
TP.CAO BẰNG-T.CAO BẰNG

Bùi Tiến Hải

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

Số: 26 /TTr-GTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 09 tháng 09 năm 2022

TỜ TRÌNH
V/v phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; Sửa đổi, bổ sung lần thứ tư ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB ngày 21/7/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã kiểm toán.

Kết quả thực hiện Sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty lợi nhuận sau thuế là 341,228 tỷ đồng, toàn bộ lợi nhuận dùng để bù đắp khoản lỗ lũy kế những năm trước (Lỗ lũy kế đến 31/12/2020 là 334,471 tỷ đồng bù đắp lợi nhuận năm 2021 là 334,471 tỷ đồng, lợi nhuận còn lại được phân phối: 2.296 triệu đồng. Do vậy Công ty sẽ không thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ trong năm 2021 như sau: *(có bảng phân phối kèm theo).*

Theo kế hoạch trình thông qua, dự kiến lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty là 88,8 tỷ đồng. Năm 2022 công ty không chia cổ tức, chỉ trích lập một phần lợi nhuận sau thuế các quỹ phần còn lại toàn bộ lợi nhuận dùng để thực hiện khoản đầu tư, duy trì sản xuất kinh doanh khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Bùi Tiến Hải

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, VỐN CHỦ SỞ HỮU ĐẾN 31/12/2021

(Kèm theo Tờ trình số: 26 /TTr-GTCB ngày 09 tháng 04 năm 2022)

STT	Nội dung	Tỷ lệ (%)	Số tiền dự kiến (Đồng)
I	**Phân phối lợi nhuận**		
1	Tổng Lợi nhuận trước thuế (dự kiến)	x	355.300.604.920
2	Các khoản không được trừ khi tính thuế TNDN (nếu có)		
3	Thu nhập chịu thuế TNDN	x	140.725.908.264
4	Tổng số thuế TNDN phải nộp		14.072.590.826
	- Trong đó: Phải nộp		14.072.590.826
	- Được ưu đãi bổ sung quỹ ĐTPT (nếu có)		
5	Lợi nhuận sau thuế	x	341.228.014.094
6	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	x	(334.471.004.552)
7	Khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đã ghi nhận vào kết quả sản xuất kinh doanh		4.460.178.368
8	Trả cổ tức		-
	- Vốn điều lệ (430,063 tỷ trong đó: Vimico 52,53%, cổ đông khác 47,47%)	x	
	- Tỷ lệ chia cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:		-
9	Lợi nhuận còn lại: 9=(5)+(6)-(7)-(8)	x	2.296.831.174
a	Trích thưởng Ban quản lý điều hành (theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HĐQT, BGĐ)		186.000.000
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (theo kết quả phân loại doanh nghiệp và quỹ lương BQ tháng)		2.110.831.174
	+ Trong đó quỹ khen thưởng	*40%*	*844.332.469*
	+ Quỹ phúc lợi	*60%*	*1.266.498.704*
10	Tổng Quỹ ĐTPT được tăng trong năm	x	-
II	**Một số chỉ tiêu làm cơ sở tính toán:**		
1	**Số liệu trước khi phân phối lợi nhuận năm nay:**		
	- Số dư quỹ bổ sung vốn điều lệ	x	
	- Số dư quỹ dự phòng tài chính	x	
	- Số dư quỹ đầu tư phát triển	x	
	- Quỹ lương bình quân 1 tháng của doanh nghiệp thực hiện trong năm báo cáo	x	
2	**Một số chỉ tiêu đánh giá theo quyết định số 224/ 2006/QĐ- TTg và Thông tư 115/2007/TT-BTC**		
2.1	Công ty tự xếp loại doanh nghiệp (A,B,C)	x	A
2.2	Công ty tự xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HĐQT,BGĐ	x	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
III	**Vốn chủ sở hữu sau khi phân phối lợi nhuận năm nay (Đã bao gồm phần bổ sung từ phân phối lợi nhuận dự kiến năm nay):**		
	Vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/ năm báo cáo:		
	- Vốn điều lệ	x	430.063.660.000
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	x	4.460.178.368
	- Quỹ đầu tư phát triển	x	-
	- Quỹ dự phòng Tài chính	x	-

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Số: 27 /TTr-GTCB

Cao Bằng, ngày 09 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB, ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng số 1056/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2022, cụ thể như sau:

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021:

Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Trưởng BKS, TV Ban KS không chuyên trách chi trả bằng 120% mức thù lao kế hoạch năm.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền thù lao kế hoạch đồng/ng/tháng	Tỷ lệ	Tiền thù lao thực hiện đồng/ng/tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	01	4.800.000	120%	5.760.000	69.120.000
2	Thành viên HĐQT	04	4.200.000	120%	5.040.000	241.920.000
3	Trưởng BKS	01	4.200.000	120%	5.040.000	60.480.000
4	Thành viên BKS	02	3.800.000	120%	4.560.000	109.440.000
	Cộng	**08**				**480.960.000**

(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng./.)

2. Kế hoạch mức chi trả thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2022 như sau:

Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Trưởng BKS, TV Ban KS, tạm tính bằng 20% mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

T	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản Tr.đ/ng/th	Tỷ lệ	Tiền thù lao đồng/ng/tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	01	24.000.000	20%	4.800.000	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	04	21.000.000	20%	4.200.000	201.600.000
3	Trưởng BKS	01	21.000.000	20%	4.200.000	50.400.000
4	Thành viên BKS	02	19.000.000	20%	3.800.000	91.200.000
	Cộng	**08**				**400.800.000**

(Bằng chữ: Bốn trăm triệu, tám trăm nghìn đồng./.)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Bùi Tiến Hải

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 **CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/TTr-BKS	*Cao Bằng, ngày tháng 3 năm 2022*

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; Sửa đổi, bổ sung lần thứ tư ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB ngày 21/7/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

1. Đề xuất về các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

Ban kiểm soát đề xuất với Đại hội đồng cổ đông các tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất các đơn vị kiểm toán độc lập:

Với các tiêu thức như trên, Ban kiểm soát đề xuất 03 công ty kiểm toán độc lập để đưa vào danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA);
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

3. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua phê duyệt danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập nêu trên để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.
- Thông qua việc ủy quyền cho Ban kiểm soát làm đầu mối phối hợp với Công ty lựa chọn một trong 03 công ty kiểm toán độc lập nêu trên làm đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: - ĐHĐCĐ; - HĐQT, BKS; - Lưu: Thư ký Cty, BKS.	**TM. BAN KIỂM SOÁT** **TRƯỞNG BAN** CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG **Hoàng Văn Sáng**

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

Số: 28 /TTr-GTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 09 tháng 09 năm 2022

TỜ TRÌNH
V/v gia hạn Hợp đồng mua bán phôi thép

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng số 1056/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021.

Theo đó Hợp đồng mua bán phôi thép số 266/HĐKT/2021 ngày 31/12/2021 được ký kết giữa Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng với Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét, thông qua việc gia hạn Hợp đồng mua bán phôi thép số 266/HĐKT/2021 ngày 31/12/2021 với Tổng công ty Khoáng sản - TKV, thời gian gia hạn hợp đồng đến kỳ Đại hội đồng cổ đông năm 2023. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký kết phụ lục gia hạn hợp đồng trên.

(Có dự thảo Phụ lục Hợp đồng kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 4800162247-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
TP. CAO BẰNG - T. CAO BẰNG

Bùi Tiến Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

PHỤ LỤC SỐ .... HĐNT SỐ 266
VỀ VIỆC GIAN HẠN THỜI GIAN THỰC HIỆN
Số: /PLHĐ/2022

Căn cứ Luật Dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ban hành ngày 14/6/2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Hợp đồng mua bán phôi thép năm 2022 số 266/HĐKT/2021 ngày 21/12/2021 giữa Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng và Tổng Công ty Khoáng sản – TKV về việc mua bán phôi thép.

Hôm nay, ngày tháng năm 2022, tại trụ sở ……., chúng tôi gồm:

Bên bán: CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG *(Bên A)*

Địa chỉ: 52 Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại: 0206.3953.369 Fax: 0206.3953.268

Mã số thuế: 4800162247

Tài khoản số: 33010000017892, tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển tỉnh Cao Bằng.

Đại diện: Ông **Nguyễn Văn Phương** Chức vụ: **Giám đốc**

Bên Mua: TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP *(Bên B)*

Địa chỉ: 193 Nguyễn Huy Tưởng, p. Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.6285.6561 Fax: 024.6285.6512

Mã số thuế: 0100103087.

Tài khoản: 16010000073585, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 3.

Đại diện : Ông **Trịnh Văn Tuệ** Chức vụ: **Tổng Giám đốc.**

Sau khi bàn bạc, hai bên thỏa thuận ký Phụ lục số.... thuộc Hợp đồng số 266/HĐKT/2021 ngày 31/12/2021 về việc gia hạn thời gian thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh Khoản 9.1 Điều 9:

Nội dung cũ: "Trừ trường hợp được gia hạn thỏa thuận giữa hai bên, Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 hoặc sau khi các

bên tổ chức xong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 – tùy theo điều kiện nào đến sau".

Nội dung mới: "Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 đến khi các bên tổ chức xong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023".

2. Các nội dung khác: Thực hiện theo quy định tại Hợp đồng số 266/HĐKT/2021 ngày 31/12/2021.

3. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 266/HĐKT/2021 ngày 31/12/2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Phụ lục hợp đồng gồm 02 (hai) trang, được lập thành 06 bản, có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày. Mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện/.

ĐẠI DIỆN BÊN A **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **TỔNG GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Văn Phương	**Trịnh Văn Tuệ**

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 **CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29 /TTr-HĐQT	*Cao Bằng, ngày 09 tháng 09 năm 2022*

TỜ TRÌNH
V/v bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Theo quy định tại Điều 26 và Điều 37 Điều lệ Công ty quy định:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội cổ đông bầu và bãi miễn. Số thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Số lượng thành viên BKS là 03 người.

Nhiệm kỳ của HĐQT và BKS không quá 5 năm. Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017-2022 đã hết nhiệm kỳ. Do vậy, để đáp ứng yêu cầu về quản trị doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới với mục tiêu tăng trưởng ổn định, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 thông qua việc bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022-2027, với nội dung như sau:

- Về thời gian của nhiệm kỳ: 05 năm từ 2022-2027;
- Về số lượng thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027:
  - ✓ Số lượng thành viên HĐQT là: 05 người,
  - ✓ Số lượng thành viên BKS là: 03 người.

Thực hiện thủ tục cho việc bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027, Công ty đã thực hiện gửi thông báo tới các cổ đông, đăng công bố thông tin liên quan trên Website của Công ty để nhận Đơn đề cử, ứng cử ứng viên để bầu vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027.

Đến hết ngày 22/04/2022, Ban tổ chức đã nhận được các đề cử, ứng cử ứng viên để bầu vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027 như sau:

1. Danh sách ứng viên HĐQT: *(Theo đơn đề cử, ứng cử ứng viên của cổ đông)*

STT	Họ và tên	Số CMND	Địa chỉ
1			
2			
3			
4			
5			

2. Danh sách ứng viên BKS: *(Theo đơn đề cử, ứng cử ứng viên của cổ đông)*

STT	Họ và tên	Số CMND	Địa chỉ
1			
2			
3			

Thông tin ứng viên được công bố tại địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Bùi Tiến Hải

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022 **CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 621 /TB-GTCB	*Cao Bằng, ngày 09 tháng 4 năm 2021*

THÔNG BÁO
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2022 - 2027 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027 của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, nội dung cụ thể như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu cử nhiệm kỳ 2022 - 2027: 05 thành viên.

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát bầu cử nhiệm kỳ 2022 - 2027: 03 thành viên.

- Thời gian và địa điểm thực hiện bầu cử: Thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

- Hướng dẫn về việc đề cử, ứng cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị Công ty thông báo và đăng tải trên website Công ty (*http://gtcb.com.vn*). Quý cổ đông xin vui lòng xem kỹ Hướng dẫn đề cử, ứng cử này để thực hiện quyền đề cử, ứng cử là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ 2022 - 2027 một cách phù hợp và đúng theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Dự thảo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: được Hội đồng quản trị Công ty công bố, đăng tải trên website của Công ty và sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 trước khi tiến hành bỏ phiếu bầu.

Trân trọng./.

Nơi nhận: - HĐQT; BKS; - Các cổ đông CBI; - Lưu: VP, HĐQT	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH HĐQT** CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG **Bùi Tiến Hải**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022 **CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 628 /CV-GTCB	*Cao Bằng, ngày 09 tháng 4 năm 2021*

HƯỚNG DẪN ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ ỨNG VIÊN ĐỂ BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2022-2027

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng xin thông báo đến các Quý Cổ đông quy định cụ thể về việc đề cử, ứng cử để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

I. CƠ CẤU HĐQT, BKS, NHIỆM KỲ

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: **05 thành viên.**
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát: **03 thành viên**
- Nhiệm kỳ HĐQT, BKS là 05 (năm) năm, **từ 2022-2027.**

II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

Quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:

Quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020, và Điều lệ Công ty.

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

3. Điều kiện ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát *(Theo Quy định tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ Công ty):*

3.1. Ứng cử, đề cử ứng viên bầu vào HĐQT:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3.2. Ứng cử, đề cử ứng viên bầu vào BKS:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

III. HỒ SƠ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ ỨNG VIÊN ĐỂ BẦU VÀO HĐQT, BKS

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT, BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT, BKS (***theo mẫu đính kèm***); hoặc Biên bản họp nhóm (nếu nhóm cổ đông đề cử);
- Bản cung cấp thông tin tự khai (***theo mẫu đính kèm***);
- Bản sao CMND/CCCD hoặc hộ chiếu và các văn bằng chứng chỉ chứng minh trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn (nếu có);

IV. LỰA CHỌN CÁC ỨNG VIÊN

Dựa trên các Đơn ứng cử, đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, HĐQT sẽ lập và thông qua danh sách các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định trình Đại hội cổ đông thông qua để bầu vào HĐQT, BKS.

Chỉ những hồ sơ đề cử hoặc ứng cử đáp ứng đủ điều kiện và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào danh sách công bố tại Đại hội.

V. THỜI HẠN VÀ ĐỊA CHỈ GỬI HỒ SƠ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ

HĐQT kính đề nghị Quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông có đủ điều kiện ứng cử và đề cử gửi văn bản đề cử, ứng cử người có đủ tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT, BKS về công ty **trước 16h00 ngày 14/4/2022** để hoàn thiện thủ tục công bố thông tin theo quy định. Hồ sơ gửi về địa chỉ sau:

Văn phòng, Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại: 0206 3953 369.

Người liên hệ trực tiếp bà Lê Thị Linh Đa - Thư ký Công ty. Số điện thoại: 0989789503. Email: linhda.le3@gmail.com

Nơi nhận:
- HĐQT; BKS;
- Các cổ đông CBI;
- Lưu: VP, HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 4800162247-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
TP.CAO BẰNG-T.CAO BẰNG

Bùi Tiến Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2022-2027
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Kính gửi: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Tên tôi là: ....

Số CMND: .... Ngày cấp: ....Nơi cấp:.....

Địa chỉ:..... ....

Điện thoại: .....

Trình độ học vấn:..... .....Chuyên ngành:..... .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần

Số cổ phần nắm giữ là : ..... cổ phần, chiếm .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của CBI.

(Bằng chữ:..... ....).

Đề nghị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng cho tôi được ứng cử vào ..... của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2022-2027 trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên ....., tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Trân trọng cảm ơn./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022
Người ứng cử
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tài liệu gửi kèm:
- Bản cung cấp thông tin tự khai (theo mẫu);
- Bản sao CMND (hoặc hộ chiếu)
- Tài liệu chứng minh người ứng cử sở hữu cổ phần CBI.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2022-2027
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Kính gửi: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Tôi cá nhân/Tổ chức: ....

Số CMND/ĐKDN: .... Ngày cấp: ....Nơi cấp:.....

Địa chỉ:..... ....

Điện thoại: .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần

Số cổ phần nắm giữ là : ..... cổ phần, chiếm .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của CBI.

(Bằng chữ:..... ....).

Đề nghị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng cho tôi/chúng tôi được đề cử:

Ông (Bà): ....

CMND số: .... Ngày cấp: ....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:..... ....

Trình độ học vấn:..... .....Chuyên ngành:..... .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần

(Bằng chữ:..... ....)

Làm ứng viên tham gia ..... Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2022-2027 trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Trân trọng cảm ơn./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022

Người được đề cử	**Cổ đông**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)*

Tài liệu gửi kèm:

- Bản cung cấp thông tin tự khai (theo mẫu);
- Bản sao CMND (hoặc hộ chiếu)
- Tài liệu chứng minh người đề cử sở hữu cổ phần CBI.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THEO NHÓM
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2022-2027
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Hôm nay, ngày / /2022, tại .....

Tên đại diện nhóm cổ đông: ....
CMND/ĐKDN số: .... Ngày cấp: ....Nơi cấp:.....
Địa chỉ:..... ....
Điện thoại: .....
Là đại diện được ủy quyền cho nhóm cổ đông của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đang nắm giữ : ..... cổ phần, chiếm .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của CBI, có tên trong Danh sách dưới đây:

Cổ đông	Số CMND/ĐKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
		Tổng cộng		

Cùng nhất trí đề cử:
Ông (Bà): ....
CMTND số: .... Ngày cấp: ....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:..... .....
Trình độ học vấn:..... .....Chuyên ngành:..... .....
Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần
(Bằng chữ:..... .....)
Làm ứng cử viên tham gia ..... Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2022-2027 trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Người được đề cử	**Đại diện nhóm cổ đông**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)*

Tài liệu gửi kèm:
- Bản cung cấp thông tin tự khai (theo mẫu);
- Bản sao CMND (hoặc hộ chiếu)
- Tài liệu chứng minh các cổ đông thuộc nhóm cổ đông nắm giữ số lượng cổ phần CBI.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2022

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. Số CMND/ hộ chiếu: do: cấp ngày:.
6. Quốc tịch:
7. Dân tộc:
8. Địa chỉ thường trú:
9. Số điện thoại liên lạc
10. Địa chỉ email:
11. Trình độ chuyên môn
12. Quá trình công tác
13. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:
14. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
15. Số cổ phần nắm giữ: ..... cổ phần , chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

    Trong đó:

    - ✓ Sở hữu cá nhân: ..... cổ phần
    - ✓ Đại diện vốn của .....: ..... cổ phần
16. Các cam kết nắm giữ khác (nếu có)
17. Danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan của người khai:

STT	Họ và tên	Số CMND/ ĐKDN/ngày cấp/nơi cấp	SLCP CBI đang sở hữu, tỷ lệ sở hữu	Mối quan hệ với người khai
I	Tổ chức có liên quan (nếu có)			
II	Cá nhân có liên quan			

18. Các khoản nợ đối với Công ty:
19. Lợi ích liên quan đối với Công ty:
20. Quyền lợi và mâu thuẫn với Công ty

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Cao Bằng, ngày tháng năm 2022

QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2022 - 2027 CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng thông qua quy chế bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

I. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết *(theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/3/2022).*

II. Danh sách ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027

Theo danh sách do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng tổng hợp và được ĐHĐCĐ thông qua. Danh sách ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

III. Phiếu bầu và các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

1. Phiếu bầu:

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền bầu cử theo mã số tham dự, có đóng dấu treo của Công ty;
- Phiếu bầu thành viên HĐQT được in màu xanh, phiếu bầu thành viên BKS được in màu vàng;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu HĐQT, BKS theo mã số tham dự;
- Trường hợp phiếu bầu ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác.

2. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;
- Phiếu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền bầu cử cho những ứng viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền bầu cử của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền;
- Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.

IV. Số thành viên được bầu

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 thành viên
- Số lượng thành viên BKS: 03 thành viên

V. Phương thức bầu cử

Việc bầu cử thực hiện bằng cách bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó:

- Mỗi cổ đông có tổng số quyền bầu cử tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết *(bao gồm sở hữu và được ủy quyền)*: nhân với **05** *(số thành viên HĐQT được bầu)* và nhân với **03** *(số thành viên BKS được bầu)*.

- Cổ đông thực hiện bầu cử bằng cách ghi trực tiếp số quyền bầu cử của mình cho các ứng viên mà mình lựa chọn. Số quyền bầu cử cho từng ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng viên.

- Tổng số quyền bầu cử cổ đông bầu cho các ứng viên không được vượt quá tổng số quyền bầu cử của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

- Cổ đông có thể lựa chọn chia đều số quyền bầu cho các ứng viên (tích dấu X hoặc V) vào cột "Số phiếu bầu" trên Phiếu bầu cử.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi bỏ phiếu và được kiểm tra với sự chứng kiến của cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

VI. Nguyên tắc trúng cử

- Người trúng cử được xác định theo số quyền bầu cử nhận được từ các cổ đông thực hiện bầu cử, tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số quyền bầu cử cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT, BKS cần bầu;

- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để lựa chọn.

Quy chế này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV **CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-ĐHĐCĐ	*Cao Bằng, ngày 25 tháng 4 năm 2022*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng ngày 25 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021, Kế hoạch SXKD năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2021:

- Doanh thu: 2.900/2.935 tỷ đồng bằng 99%KH.
- Lợi nhuận trước thuế: 355,3/120,3 tỷ đồng bằng 295%KH.
- Nộp ngân sách: 134,8/68,3 tỷ đồng bằng 197%KH.
- Tổng quỹ lương: 115,056 tỷ đồng bằng 117%KH.
- Lao động sử dụng bình quân: 832 người bằng 98%KH.
- Tiền lương bình quân: 11,5 tr.đ/ng/thg bằng 118%KH.
- Quặng nguyên khai đạt: 102.385/90.000 tấn bằng 114%KH.
- Phôi thép sản xuất đạt: 200.006/220.000 tấn bằng 91%KH.
- Phôi thép tiêu thụ đạt: 197.775/225.000 tấn bằng 88%KH.

2. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2022:

- Doanh thu kế hoạch năm 3.538 tỷ đồng bằng 122% so với TH năm 2021.
- Lợi nhuận kế hoạch năm đạt 98,68 tỷ đồng bằng 28% so với TH năm 2021.
- Nộp ngân sách 92,9 tỷ đồng bằng 69% so với TH năm 2021.
- Tổng quỹ lương 115,6 tỷ đồng bằng 100% so với TH năm 2021.
- Lao động sử dụng bình quân 832 bằng 100% so với TH năm 2021.
- Tiền lương bình quân: 11,58 tr.đồng/ng-tháng bằng 100% so với TH năm 2021.
- Phôi thép sản xuất 220.000 tấn bằng 110% so với TH năm 2021.

- Phôi thép tiêu thụ 225.000 tấn bằng 114% so với TH năm 2021.
- Quặng sắt nguyên khai 44.500 tấn bằng 43% so với TH năm 2021.
- Đầu tư xây dựng: 27,516 tỷ đồng:

+ Dự án chuyển tiếp từ năm 2021: 7,146 tỷ đồng;

+ Kế hoạch năm 2022: 20,370 tỷ đồng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, căn cứ vào tình hình thực tế, biến động giá cả của thị trường chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp nhằm đảm bảo được mục tiêu kế hoạch lợi nhuận, duy trì sản xuất ổn định, bảo toàn, phát triển vốn.

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 và phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2022-2027.

Điều 3. Thông qua báo cáo hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2017-2022 và kế hoạch nhiệm kỳ 2022-2027.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022. *(Có bảng phân phối lợi nhuận kèm theo)*

- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2021: 341.228 triệu đồng
- Tổng lợi nhuận còn lại được phân phối: 2.296 triệu đồng

+ Trích thưởng Ban quản lý điều hành: 186 triệu đồng

+ Trích quỹ khen thưởng: 844,332 triệu đồng

+ Trích quỹ phúc lợi: 1.266 triệu đồng

Theo kế hoạch trình thông qua, dự kiến lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty là 88,8 tỷ đồng. Năm 2022 công ty không chia cổ tức, chỉ trích lập một phần lợi nhuận sau thuế các quỹ phần còn lại toàn bộ lợi nhuận dùng để thực hiện khoản đầu tư, duy trì sản xuất kinh doanh khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa.

Điều 6. Thông qua việc thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

7.1. Thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2021:

Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Trưởng BKS, TV Ban KS không chuyên trách chi trả bằng 120% mức thù lao kế hoạch năm.

TT	Chức danh	Số người	Tiền thù lao kế hoạch đồng/ng/tháng	Tỷ lệ	Tiền thù lao thực hiện đồng/ng/tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	01	4.800.000	120%	5.760.000	69.120.000
2	Thành viên HĐQT	04	4.200.000	120%	5.040.000	241.920.000
3	Trưởng BKS	01	4.200.000	120%	5.040.000	60.480.000
4	Thành viên BKS	02	3.800.000	120%	4.560.000	109.440.000
	Cộng	**08**				**480.960.000**

7.2. Kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022:

Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Trưởng BKS, TV Ban KS, tạm tính bằng 20% mức lương cơ bản.

TT	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản Tr.đ/ng/th	Tỷ lệ	Tiền thù lao đồng/ng/tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	01	24.000.000	20%	4.800.000	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	04	21.000.000	20%	4.200.000	201.600.000
3	Trưởng BKS	01	21.000.000	20%	4.200.000	50.400.000
4	Thành viên BKS	02	19.000.000	20%	3.800.000	91.200.000
	Cộng	**08**				**400.800.000**

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và BKS sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban kiểm soát làm đầu mối phối hợp với Công ty lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán sau để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA);
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Điều 8. Thông qua việc gia hạn Hợp đồng mua bán phôi thép.

Thông qua việc gia hạn Hợp đồng mua bán phôi thép số 266/HĐKT/2021 ngày 31/12/2021 với Tổng công ty Khoáng sản - TKV, thời gian gia hạn hợp đồng đến kỳ Đại hội đồng cổ đông năm 2023. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký kết phụ lục gia hạn hợp đồng trên.

(Có dự thảo Phụ lục Hợp đồng kèm theo)

Điều 9. Thông qua Tờ trình bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027.

- Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027.
- Thông qua cơ cấu số lượng thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027:

+ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người

+ Số lượng thành viên BKS là 03 người.

- Thông qua danh sách ứng viên bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027:

➢ *Hội đồng quản trị:*

1) .....
2) .....
3) .....

4) .....
5) .....

➢ *Ban kiểm soát:*

1) .....
2) .....
3) .....

Điều 10. Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027.

- Thông qua danh sách trúng cử thành viên HĐQT, BKS Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2022-2027:

➢ *Hội đồng quản trị:*

1) .....
2) .....
3) .....
4) .....
5) .....

➢ *Ban kiểm soát:*

1) .....
2) .....
3) .....

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 tổ chức phiên họp đầu tiên bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS:

+ Ông ..... – TV HĐQT được bầu làm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2022-2027. *(có văn bản kèm theo)*

+ Ông ..... – TV BKS được bầu làm Trưởng BKS Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2022-2027. *(có văn bản kèm theo)*

Điều 11. Phê duyệt quyết toán dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

Phê duyệt báo cáo quyết toán Dự án hoàn thành Dự án: Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng với nội dung như sau:

(1) Nội dung cơ bản:

- Tên dự án: Dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng;
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng;
- Địa điểm đầu tư: Xã Chu Trinh - Thành phố Cao Bằng - tỉnh Cao Bằng;
- Thời gian khởi công, hoàn thành: Quý IV 2007 đến 31/12/2015.

(2) Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán (NQ số 916)	Giá trị quyết toán
Tổng số	**1.911.492.892.122**	**1.837.655.710.353**
1. Xây dựng	524.186.254.144	471.371.235.057
2. Thiết bị	1.020.071.471.695	1.019.883.211.994
3. Quản lý dự án	25.567.984.610	25.567.984.610
4. Tư vấn	51.981.366.184	49.890.664.822
5. Đền bù GPMB	27.861.293.142	27.861.293.142
6. Khác	243.428.247.460	243.081.320.728
7. Dự phòng	18.396.274.887	0

(Kèm theo Báo cáo Tổng hợp Quyết toán Dự án hoàn thành)

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ 17 giờ 00 phút ngày 25/4/2022.

3. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể Cổ đông Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Nơi nhận:
- Các cổ đông Công ty (website);
- UBCKNN;HNX;VSD (để b/c);
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GĐ, Kế toán trưởng;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CHỦ TỌA

Bùi Tiến Hải

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 **CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Số: 30 /TTr-GTCB	*Cao Bằng, ngày 04 tháng 4 năm 2022*

TỜ TRÌNH
Về việc: Phê duyệt báo cáo quyết toán Dự án hoàn thành
Dự án: Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 Về quy định quyết toán dự án hoàn sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội Cổ đông thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2006; sửa đổi bổ sung lần thứ tư được ban hành theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB ngày ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ báo cáo kiểm toán độc lập về giá trị quyết toán Dự án hoàn thành của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam ngày 28 /02/2022;

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng số 916/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2020 về việc Thông qua điều chỉnh cơ cấu Tổng mức đầu tư Dự án khu Liên hợp Gang thép Cao Bằng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng phê duyệt báo cáo quyết toán Dự án hoàn thành với nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung cơ bản:

- Tên dự án: Dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần gang thép Cao Bằng;
- Địa điểm đầu tư: Xã Chu Trinh thành phố Cao Bằng – tỉnh Cao Bằng;
- Thời gian khởi công, hoàn thành: Quý IV/2007 đến 31/12/2015;

2. Kết quả đầu tư

2.1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

STT	Nguồn vốn	Đơn vị tính	Được duyệt	Thực hiện	
				Đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	Vốn tự có	Đồng	300.000.000.000	238.986.691.233	0
2	Vốn vay	Đồng	1.611.492.000.000	1.596.874.093.702	0
2.1	Vay Eximbank China	Đồng	862.579.857.622		
2.2	Vay BIDV	Đồng	449.308.929.118		
2.3	Vay Tổng Công ty	Đồng	284.985.306.961		

2.2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán (NQ số 916)	Giá trị quyết toán
Tổng số	**1.911.492.892.122**	**1.837.655.710.353**
1. Xây dựng	524.186.254.144	471.371.235.057
2. Thiết bị	1.020.071.471.695	1.019.883.211.994
3. Quản lý dự án	25.567.984.610	25.567.984.610
4. Tư vấn	51.981.366.184	49.890.664.822
5. Đền bù GPMB	27.861.293.142	27.861.293.142
6. Khác	243.428.247.460	243.081.320.728
7. Dự phòng	18.396.274.887	0

*** Ghi chú:**

Giá trị quyết toán bao gồm cả gói thầu số 4: San nền, mương nước, kè nội bộ và phụ lục hợp đồng phá đá phát sinh là: 82.957.161.500 đồng. Phần phá đá phát sinh các Nhà thầu đã quyết toán và xuất hóa đơn đầy đủ là: 22.115.341.500 đồng; Phần san nền kè nội bộ mương nước Nhà thầu quyết toán: 60.841.820.000 đồng. Liên danh Nhà thầu đã xuất hóa đơn GTGT cho Công ty là: 47.302.173.441 đồng. Công ty TNHH XNK - TM và XD Quang Thành Đạt xuất: 34.756.980.024 đồng, Công ty Đầu tư xây dựng và TM Hồng Diệp xuất: 12.545.193.417 đồng. (*Trong số 34.756.980.024 đồng Công ty TNHH XNK- TM và XD Quang Thành Đạt xuất cho Công ty có 7.074.707.483 đồng Công ty Đầu tư xây dựng và TM Hồng Diệp xuất cho Công ty TNHH XNK – TM và xây dựng Quang Thành Đạt*).

2.3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

(35.108.489.711 đồng thuế GTGT)

2.4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
1	2	3	4	5
Tổng số	**1.802.547.220.642**	**1.802.547.220.642**		
1. Tài sản cố định	1.780.063.007.202	1.780.063.007.202		
2. Tài sản lưu động	22.484.213.440	22.484.213.440		

3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

3.1.Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

- Nguồn vốn đầu tư từ vốn vay TD Nhà nước bảo lãnh là: 40.547.460,40 USD *(tương đương 862.579.857.622 VNĐ)*.

- Nguồn vốn đầu tư từ vốn vay thương mại và vốn khác là: 734.294.236.080 đồng.

- Nguồn vốn đầu tư từ vốn tự có của doanh nghiệp là: 238.986.691.233 đồng.

+) Tổng các khoản công nợ phải thu tính đến ngày phê duyệt quyết toán là: 13.595.169.559 đồng.

+) Tổng các khoản công nợ phải trả tính đến ngày phê duyệt quyết toán là: 1.794.925.418 đồng.

3.2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản cố định, quản lý và sử dụng tài sản cố định theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng xem xét, phê duyệt./.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Bùi Tiến Hải

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

BÁO CÁO

QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH
DỰ ÁN: KHU LIÊN HỢP GANG THÉP CAO BẰNG

Cao Bằng, tháng 3 năm 2022

Mẫu số: 01/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 16 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành

1. Tên dự án: Dự án Khu liên hợp gang thép Cao Bằng

2. Tổng mức đầu tư được duyệt: 1.911.492.000.000 đồng. (Bằng chữ: Một nghìn, chín trăm mười một tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn.)

3. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

I/ Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên nguồn vốn	Theo quyết định đầu tư điều chỉnh lần cuối	Vốn kế hoạch được giao	Vốn đã giải ngân
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Tổng cộng	**1.911.492.000.000**	**1.911.492.000.000**	**1.835.860.784.935**
1	Vốn tự có	300.000.000.000	300.000.000.000	238.986.691.233
2	Vốn vay	1.611.492.000.000	1.611.492.000.000	1.596.874.093.702
2.1	Vay Eximbank China			862.579.857.622
2.2	Vay BIDV			449.308.929.119
2.3	Vay Tổng Công ty			284.985.306.961

II/ Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án (NQ 916/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2020)	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị đề nghị quyết toán tăng, giảm so với tổng mức đầu tư.
1	*2*	*3*	*4*	*5*
	Tổng số	**1.911.491.892.122**	**1.837.655.710.353**	**(73.836.181.769)**
1	Bồi thường, hỗ trợ, TĐC	27.861.293.142	27.861.293.142	-
2	Xây dựng	524.186.254.144	471.371.235.057	(52.815.019.087)
3	Thiết bị	1.020.071.471.695	1.019.883.211.994	(188.259.701)
4	Quản lý dự án	25.567.984.610	25.567.984.610	-
5	Tư vấn	51.981.366.184	49.890.664.822	(2.090.701.362)
6	Chi phí khác	243.428.247.460	243.081.320.728	(346.926.732)
7	Dự phòng phát sinh + trượt tỷ giá	18.395.274.887		(18.395.274.887)

III/ Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

STT	Nhóm	Giá trị tài sản (đồng)
	Tổng số	**1.802.547.220.642**
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	1.780.063.007.202
2	Tài sản ngắn hạn	22.484.213.440

IV/ Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

1. Chi phí đầu tư thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không

2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không

V/ Thuyết minh báo cáo quyết toán

1. Tình hình thực hiện dự án:

- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được duyệt:

+ Nguồn vốn, tổng mức đầu tư: Không vượt tổng mức đầu tư nhưng có một số nội dung chi phí quyết toán cao hơn chi phí dự toán được duyệt.

+ Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi Chủ đầu tư, hình thức lựa chọn nhà thầu cơ bản không thay đổi

+ Giá trị quyết toán cả gói thầu số 4: San nền, mương nước, kè nội bộ và phụ lục hợp đồng phá đá phát sinh là: 82.957.161.500 đồng. Phần phá đá phát sinh các Nhà thầu đã quyết toán và xuất hóa đơn đầy đủ là: 22.115.341.500 đồng; Phần san nền kè nội bộ mương nước Nhà thầu quyết toán: 60.841.820.000 đồng. Liên danh Nhà thầu đã xuất hóa đơn GTGT cho Công ty là: 47.302.173.441 đồng. Công ty TNHH XNK - TM và XD Quang Thành Đạt xuất: 34.756.980.024 đồng, Công ty Đầu tư xây dựng và TM Hồng Diệp xuất: 12.545.193.417 đồng. (Trong số 34.756.980.024 đồng Công ty TNHH XNK- TM và XD Quang Thành Đạt xuất cho Công ty có 7.074.707.483 đồng Công ty Đầu tư xây dựng và TM Hồng Diệp xuất cho Công ty TNHH XNK – TM và xây dựng Quang Thành Đạt).

2. Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư và xây dựng của Nhà nước.
- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư tương đối tốt.

3. Kiến nghị:

Đề nghị HĐQT Công ty phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Cao Bằng, Ngày 16 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*
Đàm Thị Thư	**Đỗ Ngọc Hải**	**Nguyễn Văn Phương**

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Mẫu số: 02/QTDA

(Ban hành Kèm theo Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ, HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
A	**Các văn bản pháp lý**				
I	**Chuyển nhượng dự án từ tổng công ty Sông Hồng**				
1	Đầu tư Dự án Khu liên hợp luyện thép Cao Bằng	745/CP-CN ngày 31/5/2004	Chính Phủ		
2	CV của Bộ công nghiệp v/v đồng ý chủ trương TCT khoáng sản VN hợp tác với TCT xây dựng Sông Hồng đầu tư DA KLHGTCB	4110/CV-CLH ngày 03/8/2005	Bộ công nghiệp		
3	CV của Bộ xây dựng v.v đầu tư KLHGTCB của TCT XD Sông Hồng	355/BXD-KHTK ngày 07/3/2006	Bộ xây dựng		
4	Bản thỏa thuận v/v ủy quyền cho Cty CPGTCB thực hiện dự án thăm dò mỏ sắt Nà Rụa thuộc KLH luyện kim CB	Ngày 07/11/2006	Tổng công ty XD Sông Hồng và Tổng công ty Khoáng sản - TKV		
5	QĐ của UBND tỉnh phê duyệt cấp địa điểm xây dựng KLHGTCB	1196/QĐ-UB ngày 27/6/2006	UBND tỉnh Cao Bằng		
6	BB thống nhất về việc giao toàn bộ hồ sơ đã thực hiện DAĐTXD KLHGTCB	Ngày 7/11/2006			
7	Chuyển giao quyền thăm dò mỏ sắt Nà Rụa	1091/TCT-KHĐT ngày 08/11/2006	Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng		
II	**Dự án đầu tư xây dựng công trình KLHGTCB**				
1	Thỏa thuận v/v thành lập Cty CP GTCB	Ngày 06/7/2006			
2	QĐ phê duyệt đề án thành lập Cty CP GTCB	2155/QĐ-HĐQT ngày 5/10/2006	Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam		
3	NQ của Đại hội đồng cổ đông v/v thành lập Cty CP GTCB	Ngày 11/10/2006			

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
4	Giấy chứng nhận đăng ký KD Cty CP	Số 1103000068 ngày 18/10/2006	Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cao Bằng		
5	QĐ phê duyệt cấp địa điểm xây dựng công trình Khu LHGTCB	2691/QĐ-UBND ngày 01/12/2006	Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng		
6	QĐ thu hồi đất để XD CT KLHGTCB	3047/QĐ-UBND ngày 27/12/2006	Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng		
7	- Phần 1: Thuyết minh tổng hợp tập 1, 2 - Phần 2: Thiết kế cơ sở tập 1, thiếu tập 2				
8	Giới thiệu về DA và gói thầu (Tiếng Anh)				
9	Thuyết minh thiết kế cơ sở (Tiếng Việt + Tiếng Anh)				
10	Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư công trình của Sở công nghiệp	159/KQTĐ-SCN ngày 05/4/2007	Sở Công nghiệp Cao Bằng		
11	Báo cáo kết quả tư vấn thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình	316/THIKECO-KHDA ngày 14/6/2007	Công ty CP tư vấn PT và XD THIKECO		
12	Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Tháng 6 năm 2007	Công ty CP gang thép Cao Bằng		
13	QĐ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của DA ĐTXD công trình	133/QĐ-HĐTĐ ngày 18/7/2007	Hội đồng thẩm định ĐTM UBND tỉnh Cao Bằng		
14	QĐ phê duyệt dự án đầu tư xây dựng KLHGTCB	88/QĐ-HĐQT ngày 29/8/2007	Hội đồng quản trị Công ty CP gang thép Cao Bằng		
15	KHĐT khu LHGT		Công ty CP gang thép Cao Bằng		
16	QĐ phê duyệt KHĐT DA KLHGTCB	103/QĐ-HĐQT ngày 02/10/2007	Hội đồng quản trị Công ty CP gang thép Cao Bằng		
17	Thuyết minh điều chỉnh tổng mức đầu tư DA KLHGTCB	Tháng 7/2008	Công ty CP gang thép Cao Bằng		
18	QĐ phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án khu liên hợp GTCB	72/QĐ-HĐQT ngày 14/7/2008	Hội đồng quản trị Công ty CP gang thép Cao Bằng		
19	QĐ phê duyệt KHĐT điều chỉnh	73/QĐ-HĐQTngày 11/01/2008	Hội đồng quản trị Công ty CP gang thép Cao Bằng		
20	Giấy phép xây dựng	819/GPXD ngày 18/8/2008	Sở xây dựng Cao Bằng		

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
21	Triển khai thực hiện dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng công suất 221.600 tấn/năm	135/CVĐN-GTCB ngày 15/12/2007	Công ty CP gang thép Cao Bằng		
22	Điều chỉnh quy hoạch phát triển CN giai đoạn 2006-2010 định hướng đến 2020	684/SCN-KHTH ngày 19/12/2007	Sở Công nghiệp tỉnh Cao Bằng		
23	Điều chỉnh công suất Dự án Khu liên hợp thép và bổ sung quy hoạch thép	11320/BCT-CNNg ngày 26/11/2008	Bộ Công thương		
24	Thông báo cơ chế sử dụng và cho vay lại nguồn tín dụng người nua ưu đãi vay NH XNK TQ	347/BTC-QLN ngày 19/1/2009	Bộ Tài chính		(HSPL chung)
25	Đăng ký sử dụng nguồn tín dụng người mua ưu đãi vay NH XNK TQ	58/CV-GTCB ngày 27/02/2009	Công ty CP gang thép Cao Bằng		(HSPL chung)
26	Danh mục dự án sử dụng vốn tín dụng ưu đãi bên mua lần 2 của China Eximbank	7377/BTC-QLN ngày 25/5/2009	Bộ Tài chính		(HSPL chung)
27	Phê duyệt danh mục dự án sử dụng vốn tín dụng ưu đãi bên mua đợt 2 của China Eximbank	959/TTg-KTTH ngày 16/6/2009	Thủ tướng Chính Phủ		(HSPL chung)
28	Cho thuê đất xây dựng công trình Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng	584/QĐ-UBND ngày 20/4/2010	UBND tỉnh Cao Bằng		
B	**Hợp đồng xây dựng**				
I	**Bồi thường, hỗ trợ, TĐC**				
1	Xây dựng chuyển điểm ranh giới thiết kế ra thực địa KLHGTCB	Ngày 04/02/2007	Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Cao Bằng	17.500.000	
2	Cắm mốc địa giới KLHGTCB	06/HĐKT 06/02/2007	HTX sản xuất vật liệu Tân Tiến	9.970.400	
3	Đo đạc lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 phục vụ đền bù GPMB khu tái định cư dự án KLHGTCB	Ngày 07/4/2007	Công ty TNHH tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	229.229.312	
4	Đo đạc lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 phục vụ đền bù GPMB khu tái định cư dự án KLHGTCB	Ngày 16/7/2007	Công ty TNHH tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	12.122.000	
5	Di chuyển đường cáp bưu điện nằm trong diện tích đất xây dựng KLHGTCB	17-2007/HĐXL 01/11/2007	Công ty Điện báo Điện thoại tỉnh Cao Bằng	34.479.620	
6	Di chuyển đường dây 35KV và 0,4KV tại xóm Khuổi Sảo, xã Chu Trinh, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng	12/HĐKT-ĐCB 02/8/2007	Điện lực Cao Bằng	Theo hiện hành	

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
7	Thi công xây dựng công trình Khu tái định cư	04/2008/HĐXD 25/02/2008	Liên danh nhà thầu Doanh nghiệp xây dựng và thương mại Nam Hồng và Chi nhánh Công ty Việt Bắc - Bộ Quốc phòng	5.831.570.000	
	(Điều chỉnh giá HĐ)	Phụ lục 09A ngày 25/6/2008	"	5.839.570.000	
8	Thi công xây dựng hạng mục Cấp nước sinh hoạt - Khu tái định cư KLHGTCB (bổ sung tuyến đầu nguồn)	23/HĐ-XD 30/8/2010	Doanh nghiệp xây dựng Cao Hùng Cao Bằng	298.492.000	
		Giấy giao nhiệm vụ	Đoàn thanh niên Công ty		
9	Di chuyển vị trí đoạn dây 35kV trạm biến áp 35/0,4kV Khu liên hợp gang thép Cao Bằng	1601.15/HĐ-TCXD 16/01/2015	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nguyễn Lương	70.000.000	
II	**Xây dựng**				
1	Gói thầu EPC	25/CISCO-COMPLANT 16/01/2009	Liên danh COMPLANT	446.106.846.000 VNĐ và 29.680.000USD	
	"	353/HĐKT-GTCB 28/11/2009	Liên danh COMPLANT	446.106.846.000 VNĐ và 29.680.000USD	
	"	01-EPC 27/02/2011	Tổng công ty XD Công nghiệp Cơ khí Trung Quốc	446.106.846.000 VNĐ và 36.910.000USD	
	"	Các phụ lục (...PL 12...) 17/5/2012		2.357.005 USD	
2	Dọn mặt bằng & lớp đất hữu cơ để thi công XDCT khu LH	18/HĐKT 09/11/2007	Cty TNHH Quang Thành Đạt	720.312.000	
3	Gói thầu San nền, kè nội bộ, mương nước	07/2008/HĐXD	Liên danh Cty TNHH Quang Thành Đạt và Công ty ĐTXD - TM Hồng Diệp	71.231.300.000	
		Phụ lục 6	"	16.000.000.000	
		05/609/HĐTC 19/6/2009	Công ty TNHH Công nghệ cao Hồng Tuân		
		20/HĐTC 15/10/2009	Doanh Nghiệp Tư Nhân Tuấn Hưởng		

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
		21/HĐTC 06/11/2009	Cty CP XD & TM Hồng Diệp	2.406.600.000	
		Phụ luc 23	"	811.284.000	
	Thi công xây dựng hạng mục mương nước - Bổ sung phần kết nối giữa mương nước 10.5 và mương nước 26, kè rọ đá chắn đất - KLHGTCB	46/HĐKT 10/5/2011	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và TM Hồng Diệp	406.501.000	
4	Xây dựng, lắp đặt đường dây 35KV và Trạm biến áp 35/0,4KV cấp điện thi công KLHGTCB	04/HĐXL 10/4/2009	Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng Cao Bằng	644.900.000	
5	Mua sắm vật tư, thiết bị Trạm biến áp 35/0,4KV cấp điện thi công KLHGTCB	03/HĐ-HĐKT 20/4/2009	Công ty cổ phần chế tạo biến thế và vật liệu điện Hà Nội	1.121.195.000	
6	Thi công xây dựng Đường vào nhà máy và cổng, tường rào bảo vệ, rãnh đỉnh	06/2014/TCXD 24/7/2014	Liên danh Công ty TNHH xây dựng 569 và Công ty TNHH đầu tư và xây dựng	9.973.112.000	
	"	Phụ lục 01/2015	"	345.450.000	
		Phụ lục 02/2015	"		
7	Thi công xây dựng Trụ sở làm việc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng	08/2010/HĐXD 08/4/2010	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - Vinaconex	15.080.208.000	
		340?QĐ/TĐ-TGĐ	Tổng công ty Khoáng sản TKV	12.907.000.000	
	(Cung cấp thiế bị)	30/2010/HĐKT	Liên danh Công ty TNHH Thang máy và TB Thăng Long và Công ty CP Cơ điện Asean	12.662.423.000	
		Giấy giao nhiệm vụ	Công đoàn Công ty CP gang thép Cao Bằng	99.443.000	
8	Thi công xây dựng Bãi nguyên liệu	26/2010/HĐXD 27/11/2010	Công ty đầu tư xây dựng và thương mại Hồng Diệp	16.453.228.000	
		Phụ lục	"		
9	Thử cọc	02/HĐTC - GTCB 28/01/2011	Công ty HH kỹ thuật công trình Hòa Nhuận Hà Bắc		

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
10	Thi công xây dựng Nhà điều hành BQLDA KLHGTCB	24/HĐ-XD ngày 05/12/2009	Doanh nghiệp XD Cao Hùng	451.587.000	
		Phụ lục 27/12/2009	"	46.276.000	
11	Thuê máy xúc (Nạo vét mương)	10/HĐ-GTCB 14/5/2012	Công ty TNHH 1 Thành viên Châu Huy		
	Thuê máy xúc (Nạo vét cống thoát nước dọc quốc lộ 4a thuộc địa phận KLHGTCB)	22/HĐ-GTCB 15/4/2013	Công ty TNHH xây dựng 569	đơn giá 1.000.000 đ/h	
	Thuê máy xúc (đào rãnh thoát nước)	23A/HĐ-GTCB 26/10/2012	Công ty TNHH xây dựng 569	đơn giá 1.000.000 đ/h	
12	Cấp nước tạm cho thi công	Giấy giao nhiệm vu số 124/ ngày 23/4/2009	Đoàn thanh niên Công ty	53.535.667	
	"	Giấy giao nhiệm vu số 255/ ngày 06/9/2011	Đoàn thanh niên Công ty	72.537.000	
III	**Thiết bị**				
1	Mua xe ô tô 7 chỗ ngồi (PAJERO)	05/HĐMB 11/01/2007	Công ty An Dân	52.550USD	
2	Mua xe ô tô U OÁT	Ngày 02/3/2007	Công ty Thương mại Thái Trường	35.000.000	
3	Xe ô tô 10 chỗ (Toyota Hiace Super Wagon)	000956 TMV-K-THKC 18/6/2008	Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	37.600 USD	
4	Xe ô tô 4 chỗ ngồi (Toyota Camry)	AT19/12/2009/HĐMB 19/12/2009	Công ty TNHH Anh Tâm	1.193.000.000	
5	Cung cấp thiết bị vật tư và xây lắp Trạm biến áp 110/10KV cấp điện cho KLHGTCB	27/2010/HĐXD 29/11/2010	Liên danh Công ty cổ phần XNK Than - Vinacomin và Công ty cổ phần Alphanam cơ điện	52.981.898.203	
	"	Phụ lục 11	"	1.928.028.184	
	"	Phụ lục 05	"	3.317.666.674	
6	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, tính toán tham số chỉnh định rơ le, XD quy định phối hợp vận hành TBA 110KV	1502-01/HĐKT/GTCB-NEC ngày 04/7/2014	Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng hệ thống điện Miền Bắc	1.381.770.000	

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
7	Lập hồ sơ thỏa thuận hệ thống Rơ-le bảo vệ tự động; Cung cấp lắp đặt thiết bị, thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống truyền dẫn thông tin Rơ-le bảo vệ công trình TBA 110	1502-02/HĐKT/GTCB-NEC ngày 26/6/2014	Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng hệ thống điện Miền Bắc	1.210.000.000	
8	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật tổ chức đào tạo, bồi huấn chuyên đề điều độ hệ thống điện cho cán bộ kỹ thuật, nhân viên vận hành TBA 110kV khu liên hợp gang thép Cao Bằng	152-02/2015/HĐDV/GTCB-NEC ngày 12/5/2015	Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng hệ thống điện Miền Bắc	482.552.000	
	Mua sắm thiết bị VP	21/HĐMB 18/7/2001	Công ty CP kiến trúc Tỷ lệ vàng	1.950.200.000	
11	Cung cấp vật tư, thiết bị và xây lắp hệ thống cấp nước ngoài hàng rào	04/2013/HĐXD 16/01/2013	Liên danh Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng và Công ty	14.242.000.000	
	(Bổ sung)	Phụ lục 02 ngày 12/8/2014	"	542.171.000	
12	Mua sắm thiết bị kho bãi nguyên liệu và thiết bị vận tải trong khu liên hợp gang thép	95/2015/CCTB ngày 28/8/2015	Công ty cổ phần xây lắp Trường Sơn Miền Bắc	11.480.000.000	
13	Mua máy phát điện dự phòng 1000KVA	96/2015/CCTB ngày 28/8/2015	Công ty cổ phần Cơ điện ASEAN	2.979.900.000	
14	Mua máy toàn đạc điện tử	21//HĐMB 19/7/2010	Công ty cổ phần khoa học và công nghệ AVA Việt Nam	297.990.000	
15	Thi công lắp đặt Hệ thống thông tin - Trụ sở văn phòng Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng	09/2011/HĐKT 08/4/2011	Trung tâm viễn thông I - Viễn thông Cao Bằng	188.259.701	
16	Thiết bị nhà ăn công nghiệp	112/2015/HĐKT 08/9/2015	Công ty TNHH Thiết bị Hưng Phát	248.039.000	
	"	111/2015/HĐKT 08/9/2015	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	78.201.200	
IV	**Quản lý dự án**				
	Làm pa nô nhà máy	54/2008/TVKTNĐ 28/7/2008	Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt đới	62.657.000	
V	**Tư vấn**				
1	Khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng công trình NM gang thép Cao Bằng	03/HDKT01/1/2007	Công ty TNHH Thiết bị và Cơ điện gang thép Bắc Kinh - Trung Quốc	240.000 CNY	

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
2	CP khảo sát lập dự án XD Khu LH (phần kiến trúc)	01/HĐ-TVKTNĐ	Công ty TNHH tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	Theo quy định hiện hành	
3	Tư vấn thẩm định dự án KHLGTCB	1269-1B-1TT-01 15/5/2007	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển và Xây dựng THIKECO	92.307.000	
4	Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án KLHGTCB	09/HĐ-GTCB 15/5/2007	Công ty cổ phần Tư vấn và Xây lắp Giang Tô	72.950.000	
5	Tư vấn lập dự án, lập hồ sơ thiết kế BVTC và HSMT thi công xây dựng Trụ sở văn phòng	2446/HĐTV-ĐTPT 14/12/2007	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và phát triển đô thị Việt Nam	600.987.000	
	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu các gói thầu thiết bị thuộc dự án Trụ sở văn phòng Công ty	16/2008/HĐXD 07/10/2008	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng dân dụng Công nghiệp Hà Nội		
6	Tư vấn khảo sát xây dựng (Lập đề cương và thiết kế khảo sát địa chất công trình KHLHGTCB)	08/HĐ-XD 18/3/2007	Công ty cổ phần Tư vấn và Xây lắp Giang Tô	6% x tổng dự toán	123.442.424
		Phụ lục 01 ngày 02/01/2008	"	4.675.000	
7	Thẩm tra phương án KT khảo sát ĐC CT Khu LH	11/2007/HĐ-TĐ 03/5/2007	Trung tâm kiểm định chất lượng CTXD Cao Bằng		
8	Khảo sát địa chất công trình KLHGTCB	16/HĐKT-XD 16/10/2007	Liên đoàn Địa chất Đông Bắc	1.799.784.713	
9	Thẩm tra phương án kỹ thuật khảo sát địa chất công trình, địa chất thuỷ văn	11/2007/HĐ-TĐ 03/5/2007	Trung tâm kiểm định chất lượng CTXD Cao Bằng	3.337.880	
10	CP giám sát thi công gói khảo sát Đ/C CT	36/HĐTV 20/10/2007	Cty CP Tư vấn & Xây lắp Giang Tô	40.671.000	
11	CP khảo sát địa hình công trình Khu TĐC		Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới		
12	CP lập TKKT, TKBVTC công trình Khu TĐC	06/HĐ-TVKTNĐ 20/4/2007	Công ty TNHH tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	Theo giá trị hiện hành của NN	
13	Khảo sát địa hình KLHGTCB	05/HĐ-TVKTNĐ 20/4/2007	Công ty TNHH tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	197.326.000	
14	CP khảo sát TK di chuyển đường điện 35KV	06/KĐKT-ĐCB 25/4/2007	Điện lực Cao Bằng	Theo giá trị hiện hành của NN	

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
15	Kè nhà máy $N_0$10.7 KLHGTCB	58/HĐ-TVKTNĐ 25/12/2007	Công ty TNHH tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	Theo giá trị hiện hành của NN	
16	CP Thiết kế thoát nước trong nhà máy $N_0$10.5 KLHGTCB	59/HĐ-TVKTNĐ 25/12/2007	Công ty TNHH tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	Theo giá trị hiện hành của NN	
17	Thiết kế mương nước $N_0$26 KLHGTCB	57/HĐ-TVKTNĐ 25/12/2007	Công ty TNHH tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	Theo giá trị hiện hành của NN	
18	Thiết kế san nền KLHGTCB	07/HĐ-TVKTNĐ 20/4/2007	Công ty TNHH tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	Theo giá trị hiện hành của NN	
19	Giám sát thi công xây dựng Gói thầu số 4	08-08/HĐ-CPPTXD 21/5/2008	Công ty Cổ phần phát triển xây dựng Cao Bằng	480.000.000	
20	Thẩm tra TKBVTC dự toán Nhà trụ sở văn phòng	378/08/CTTV 20/7/2008	Công ty tư vấn Đại học Xây dựng	50.000.000	
21	T.kế cấp điện nhà trụ sở VP	04/HĐNT-KT-20 01/4/2011	Công ty TNHH tư vấn Thiết kế XD ACC	32.024.243	
22	Tư vấn giám sát xây dựng, lắp đặt thiết bị Trụ sở làm việc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng	19/2010/HĐTVGS-GTCB 19/5/2010	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Bắc Việt	433.874.000	
23	Thiết kế sửa đổi công trình Khu tái định cư KLHGTCB	05/2009/HĐ-TVXD 29/5/2009	Công ty TNHH tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	30.888.401	
24	Thẩm tra thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán Trạm biến áp 110/10KV cấp điện KLHGTCB	05/05/2009/TTTKKT-TDT 27/5/2009	Công ty cổ phần dịch vụ tư vấn xây dựng điện Việt Nam	33.408.557	
25	Khảo sát thiết kế đường dây 35KV và trạm biến áp 35/0,4KV KLHGTCB	38/HĐNT-KH-2008 20/12/2008	Điện lực Cao Bằng	48.353.912	
26	Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán, thiết kế bản vẽ thi công trạm biến áp 110/10KV cấp điện KLHGTCB	10/2009/HĐTV 10/4/2009	Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế điện Việt Nam và Công ty Cổ phần khảo sát thiết kế xây dựng công trình	1.390.000.000	1.438.000.000
27	Tư vấn giám sát Trạm biến áp 110/10KV cấp điện KLHGTCB	25/INE-TVGS 25/11/2010	Công ty cổ phần khảo sát thiết kế công trình điện Toàn Đức	466.450.000	

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
28	Tư vấn lập bổ sung quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2011-2015, có xét đến 2020 (Trạm 110KV khu liên hợp và TBA phân phối và đường dây trung áp cấp mỏ sắt Nà Rụa	06/2014/HĐ-DVTV 02/7/2014	Viện Năng lượng	162.000.000	
29	Khảo sát, thiết kế bãn vẽ thi công và dự toán công trình Hệ thống cấp nước ngoài hàng rào	22/HĐTV-GTCB 28/7/2010	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng BPT	496.765.000	
	(Điều chỉnh giá)	Phụ lục 01 ngày 10/10/2012	"	337.644.000	
	(Bổ sung)	Phụ lục 02 ngày 05/01/2015	"	57.636.000	
30	Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình - Hệ thống cấp nước ngoài hàng rào	18/2013/HĐTVGS 27/3/2013	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Bắc Việt	250.270.000	
31	Tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng - Cổng, hàng rào, rãnh đỉnh	71/2011/HĐ-TK 30/12/2011	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Trường Thịnh	384.171.000	
32	T. vấn giám sát XD cổng, tường rào rãnh đỉnh	12a/2014/HĐTVGS-BV 21/7/2014	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Bắc Việt	256.283.000	
	"	Phụ lục 01 ngày 28/4/2015		9.078.000	
33	Khảo sát địa chất, địa hình, lập phương án thiết kế cơ sở và dự toán - Nhà ở CBCNV	15/2014/KSTK 06/6/2014	LD Công ty CP TVĐT XD Trường Thịnh và Công ty CPTV TK Thí nghiệm và XD Hồng Minh	379.723.000	
35	Lập hồ sơ mời thầu gói thầu EPC	1269/-1B-2TV-02 07/9/2007	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển và Xây dựng THIKECO	1.799.784.713	
36		63.2007/HĐ-TVXD 12/12/2007	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Bảo Tín	336.100.000	
37	Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế công nghệ và tổng dự toán gói thầu số 01 - EPC	51/HĐ-TTR 07/12/2011	Viện Luyện kim đen	493.240.000	
38	Tư vấn giám sát xây dựng, lắp đặt thiết bị gói thầu số 01 - EPC dự án KLHGTCB	HC/09-042 10/12/2009	Công ty TNHH APAVE Việt Nam & Đông Nam Á	4.905.161.000	
	Phụ lục hợp đồng Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình "Móng cọc khoan nhồi" (Kèm theo HĐ số HC/09-042)	01/2010/PL 08/12/2010	"	1.141.020.000	

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
		Phụ lục số 02/2013 21/5/2013	"	2.839.543.000	
39	Giám định thiết bị Gói thầu số 01 - EPC	20/CISCO-SGS/2010 08/7/2010	Công ty TNHH SGS Việt Nam	2.989.933.000	
40	Lập hồ sơ khảo sát địa hình, thiết kế kỹ thuật thi công, dự toán bổ sung điều chỉnh gói thầu số 4 thuộc dự án KLHGTCB	121/2009/HĐTK 27/02/2009	Công ty cổ phần Khảo sát thiết kế Xây dựng Cao Bằng	284.000.000	
41	Khảo sát, lập BCTC, dự toán, lập HSMT bãi nguyên liệu	36/2010/HĐ-KTXD 20/7/2010	Công ty CP tư vấn đầu tư XD Trường Thịnh	274.077.000	
42	Thiết kế sửa đổi gói số 4	56A/2008/HĐ-TVKTNĐ	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	79.146.000	
43	Thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục Móng cọc thuộc dự án KLHGTCB	29/HĐTV 08/10/2010	Công ty cổ phần xây dựng G7	222.092.000	
44	Thẩm tra hồ sơ thiết kế xử lý nền móng các hạng mục thuộc gói thầu số 01 - EPC		Công ty cổ phần xây dựng EKOSS	116.829.000	
45	Lập hồ sơ TKBVTC nhà văn phòng điều hành BQL dự án KLHGTCB	46/HĐ-XD 15/9/2009	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hồng Hưng	12.966.357	
46	Lập lưới khống chế và đo đạc lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500	134/HĐKT 25/12/2008	Trung tâm hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật	207.460.000	
47	Trích đo bản đồ đường ống dẫn nước gói cấp nước	27/2014/HĐKT 05/9/2014	Trung tâm kỹ thuật tài nguyên MT Cao Bằng	20.900.880	
VI	**Chi phí khác**				
1	Dò tìm, xử lý, rà phá bom mìn, vật nổ trên mặt bằng KLHGTCB	13/2007/HĐ-BM-KH 26/7/2007	Lữ đoàn 575/QKI	2.759.170.780	
2	Chi phí rà phá bom min vật liệu nổ Khu TĐC	19/2007/HĐ-BM-KH	Lữ đoàn 575/QKI	128.068.439	
3	Bảo hiểm xây dựng: Khu tái định cư KLHGTCB	CBA.D02.CAR.08.HD03	Công ty Bảo Việt Cao Bằng	26.000.000	
4	Bảo hiểm xây dựng: Gói thầu số 4	CBA.D02.CAR.08.HD14	Công ty Bảo Việt Cao Bằng	315.000.000	
5	Bảo hiểm mọi rủi ro trong xây dựng, lắp đặt và trách nhiệm đối với bên thứ ba cho gói thầu số 01 - EPC	Số: 11090668 20/3/2009	Chi nhánh Công ty Bảo hiểm ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam tại Hà Nội	2.999.939.800	

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
	"	"	Công ty Bảo hiểm BIDV Thái Nguyên	613.974.705	
6	BH gói XD trụ sở VP (TSCĐ ngoài gói EPC)		Công ty Bảo Việt Cao Bằng		
7	Dịch vụ tư vấn pháp lý và dịch thuật	12/2008/HDDV/GTCB-BDL 22/9/2008	Cty TNHHBD và Cộng Sự	Theo đơn giá 2.000.000 đ/h	
	"	14/BDL-GTCB/2008 ngày 23/9/2008	"	12.000.000	
	"	02/HĐKT/GTCB ngày 20/4/2009	"	Theo đơn giá 2.000.000 đ/h và 100.000 đ/trang	
	"	23/09/08/HĐKT 23/9/2008	Cty dịch thuật - Đào tạo và du lịch Hà nội	7.500.000 chưa bao gồm VAT	
9	Chi phí thẩm tra - phê duyệt quyết toán				
10	Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án KLHGTCB	09/HĐGT 26/4/2010	Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam	1.117.000.000	
11	Lãi vay trong thời gian XD	10/2011/ĐLUT 11/11/2011	BIDV-Sở giao dịch III		
		01.2013.HĐTD	BIDV Cao Bằng		
		440BHĐTD/TKS-CPGTCB/2009	Tổng công ty Khoáng sản - Vimico		
		(các phụ lục)	"		
14	Chi phí chạy thử				
14.1	Vật tư thiết bị thay thế	37/2014/HĐKT 25/11/2014	Công ty CP Vật tư mỏ địa chất - VIMICO	20.666.872.000	
14.2	Điện sản xuất	15/000052 18/7/2015	Tổng công ty Điện lực Miền Bắc		
14.3	Quặng sắt	052/HĐKT/2014 17/11/2014	Công ty CP Xây lắp điện I	24.750.000.000	
14.4	Vận chuyển quặn sắt	01/2015/VCQ-GT 06/4/2014	Công ty TNHH Xây dựng 569	625.000.000	

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
14.5	Khai thác quặng	26/2013/HĐTC 16/9/2013	Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico		
14.6	Đào tạo	52/HĐ-GTCB 04/6/2015	Trường Cao đẳng nghề than - Khoáng sản Việt Nam	147.000.000	
14.7	Huấn luyện an toàn	53/HĐ-GTCB 04/6/2015	Trường cao đẳng nghệ Than Khoáng sản Việt Nam	343.654.000	
14.8	Đào tạo	56/HĐ-GTCB 18/6/2015	Trường cao đẳng nghề điện	270.600.000	
14.9	Than cám 3a	85/2015/HĐMB-TBT-GTCB 04/8/2015	Công ty kinh doanh than Bắc Thái	3.007.600.000	
	(Đ/c giá bán than)	Phụ lục 01	"		
14.10	Đá vôi	87/2015/HĐKT 12/8/2015	Công ty TNHH Xây dựng 569	917.501.750	
14.11	Trang bị dụng cụ công nghiệp an toàn trạm biến áp 110 KV	88/2015/KĐKT - GTCB 15/8/2015	Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp GTN Việt Nam	643.126.000	
14.12	Hợp kim Fero	88/2015/HĐKT 15/8/2015	Công ty Vật tư mỏ địa chất - Vimico	23.752.300.000	
14.13	Bảo hộ lao động	89/2015/HĐKT 01/10/2015	Công ty Vật tư hóa chất mỏ Hà Nội - Chi nhánh Tổng công ty CN hóa chất mỏ - Vinacomin	130.137.480	
14.14	Thép phế	89/2015/HĐKT 15/8/2015	Công ty CP Vật tư mỏ địa chất - VIMICO	Đơn giá 6.800.000đ/tấn	
14.15	Vôi nung	90/2015/HĐKT 18/8/2015	Công ty CP Công nghệ mỏ và luyện kim Việt Nam	10.663.400.000	
14.16	Vận chuyển quặn sắt	91/2015/VCQ-GTCB 18/8/2015	Công ty TNHH Xây dựng 569	đơn giá 25.000đ/tấn	
14.17	Nghiền quặng	95/HĐKT/2015 04/5/2015	Công ty CP Xây lắp điện I		
	"	Phụ lục 01		theo đơn giá 65.000 đ/tấn	

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
14.18	Máy cảnh báo khí than và bộ bình dường khí	97/2015/HĐKT 28/8/2015	Công ty CP vận tải và TM Liên Việt	65.098.000	
14.19	Đá Đôlômi	107/2015-HĐKT 01/9/2015	Công ty TNHH Toàn Trung	348.150.000	
14.20	Máy bộ đàm	108/2015/HĐKT 01/9/2015	Công ty CP Viễn thông Khu vực I	72.050.000	
14.21	Xếp dỡ hàng hóa	108A/2015/HĐKT 01/9/2015	Công ty CP Vật tư mỏ địa chất - VIMICO	165.000.000	
14.22	Gia công chế tạo thiết bị	109/2015/HĐKT 03/9/2015	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai	88.017.500	
14.23	Bảo hộ lao động	110/2015/HĐKT 03/9/2015	Công ty CP vận tải và TM Liên Việt	452.539.928	
14.24	Bùn ướt cho súng bắn bùn	114/2015/HĐKT-22/9/2015	Công ty CP Quang Tiến		
	"	Phụ lục 01	"	245.850.000	
14.25	Vật tư công nghệ	115/2015/HĐKT 22/9/2015	Công ty Cp xúc tiến đầu tư và sản xuất Phúc Sơn	2.245.276.000	
14.26	Nguyên liệu phụ	118/2015/HĐKT 23/9/2015	Công ty Khoáng sản và TM Tiến Hiếu	493.900.000	
		Phụ lục 01	"	431.200.000	
14.27	Trang bị công cu, dụng cụ sửa chữa Cơ điện	119/2015/HĐKT GTCB 23/9/2015	Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp GTN Việt Nam	597.454.000	
14.28	Củi phục vụ sản xuất	120A/2015/HĐKT 01/10/2015	Trương Văn Bành	370.000 đ/m3	
14.29	Hóa chất	121/2015/HĐKT ngày 02/10/2015	Doanh nghiệp tư nhân Huệ Lâm	637.423.275	
14.30	Bùn khô dùng cho súng bắn bùn	121A/2015/HĐKT 02/10/2015	Công ty CP Quang Tiến	374.000.000	
14.31		Phụ lục 01	"	748.000.000	
14.32	Máy đục xi	122/2015/CCHH 02/10/2015	Công ty CP XNK ASE Việt Nam	3.894.000.000	

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
14.33	Mua bán các loại khí	122A/2015/HĐMB 05/10/2015	Công ty TNHH Khí công nghiệp Đại Thành	129.850.000	
14.34	Thép ống	123/2015/HĐKT 06/10/2015	Doanh nghiệp tư nhân Tùng Quang	117.590.000	
14.35	Khí ga hóa lỏng	123A/2015/HĐKT	Công ty xăng dầu Cao Bằng		
14.36	Cung cấp suất ăn	125/HĐDV 06/10/2015	Công ty CP Du lịch TM Bằng Giang	247.544.000	
14.37	Chất tăng các bon	127/2015/HĐKT 20/10/2015	Công ty CP Vật tư mỏ địa chất - VIMICO	241.000.000	
14.38	Điện cực	128/2015/HĐKT 19/10/2015	Công ty Vật tư mỏ địa chất - Vimico	399.699.500	
14.39	Trang bị bảo hộ	128A/2015/HĐKT 19/10/2015	Công ty CP 286 Hà Nội	421.506.030	
14.40	Nhôm cục	129/2015/HĐKT	Công ty CP Vật tư mỏ địa chất - VIMICO	481.800.000	
14.41	Máy ô xy, bình dường khí	129A/2015/HĐKT 22/10/2015	Công ty CP SX và TM Tổng hợp Đại Hải	179.177.400	
14.42	Chất khử ô xy	130/2015/HĐKT 22/10/2015	Công ty CP Vật tư mỏ địa chất - VIMICO	361.020.000	
14.43	Cung cấp suất ăn bồi dưỡng	132/HDDV 31/10/2015	Công ty TNHH MTV Nơi Phùng	340.000.000đ/tháng	
14.44	Ống thổi thẳng	137/2015/HĐKT 11/11/2015	Công ty TNHH Cơ khí đúc Thành Long	98.049.600	
14.45	Thép tròn	141/2015/HĐKT 12/11 2015	Doanh nghiệp tư nhân Tùng Quang	69.850.000	
14.46	Thép tấm	145/2015/HĐKT 23/11/2015	HTX cơ khí cao cấp Giang Nam	63.078.950	
14.47	Công cụ, dụng cụ sửa chữa cơ điện	148/2015/HĐKT-GTCB 23/11/2015	Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp GTN Việt Nam	792.224.400	
14.48	Máy nhiệt điện lưu hóa	154/2015/HĐKT	Công ty CP Ngân Lợi	379.500.000	

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
14.49	Bê tông chịu lửa rãnh ra gang	155/2015/HĐKT 01/12/2015	Công ty CP Phát triển Vật liệu chịu lửa	1.020.800.000	
14.50	Thép ống	156/2015/HĐKT	Doanh nghiệp tư nhân Tùng Quang	163.900.000	
14.51	Thanh ghi xe thiêu kết	159/2015/HĐKT 06/12/2015	Công ty CP sản xuất TM và DV Kỹ thuật Quang Đạo	472.560.000	
14.52	Máy cảnh báo khí than	162/2015/HĐKT 10/12/2015	Công ty CP 286 Hà Nội	23.672.000	
14.53	Xăng dầu	172/2015/HĐMB 01/9/2015	Công ty xăng dầu Cao Bằng	784.804.992	
14.54	Than cốc	278/2015/HĐKT ngày 06/8/2015	Công ty cổ phần vật tư mỏ địa chất - Vimico	53.020.000.000	
15	Đường và hàng rào tạm phục vụ thi công	24/HĐKT 20/9/2010	Công ty ĐTXD và TM Hồng Diệp		
16	Kiểm định chất lượng công trình (gói thầu số 4)	09/HĐKT 23/6/2009	Cty CP TV Đầu tư XD 306	7.920.000	
...					

Cao Bằng, ngày 16 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*
Đàm Thị Thư	**Đỗ Ngọc Hải**	**Nguyễn Văn Phương**

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Mẫu số: 03/QTDA
(Kèm theo Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Nguồn vốn: TD Nhà nước bảo lãnh

Tên dự án: *Dự án Khu liên hợp gang thép Cao Bằng*

Tên công trình, hạng mục công trình:

Chủ đầu tư: *Công ty Cổ phần gang thép Cao Bằng*

Tên cơ quan cho vay, thanh toán: China Eximbnak (giải ngân qua Sở giao dịch 3 BIDV Việt Nam)

I/ Tình hình cấp vốn, cho vay, thanh toán:

Đơn vị: USD

STT	Chỉ tiêu	Số liệu của Chủ đầu tư			Số liệu của cơ quan thanh toán			Chênh lệch
		Tổng số (USD)	Thanh toán KLHT	Tạm ứng	Tổng số	Thanh toán KLHT	Tạm ứng	
1	*2*		*3*			*4*		*5*
1	Lũy kế vốn đã cấp, cho vay, thanh toán từ khởi công.	**40.547.067,04**	**40.547.067,04**					
2	Chi tiết số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán hàng năm.							
	Năm 2012	1.528.460,40	1.528.460,40					
	Năm 2013	9.673.423,57	9.673.424					
	Năm 2014	10.262.927,92	10.262.928					
	Năm 2015	13.883.848,88	13.883.849					
	Năm 2016	5.198.406	5.198.406					

II/ Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch của cơ quan kiểm soát thanh toán:

1. Nhận xét về việc chấp hành trình tự quản lý đầu tư, chấp hành chế độ quản lý tài chính đầu tư:

2. Giải thích nguyên nhân chênh lệch (nếu có):

3. Kiến nghị:

Ngày 05 tháng 5 năm 2020
CHỦ ĐẦU TƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Nguyễn Văn Thương

Ngày 05 tháng 5 năm 2020
CƠ QUAN CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 03/QTDA
(Kèm theo Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Nguồn vốn: Vay BIDV

Tên dự án: DỰ ÁN KHU LIÊN HỢP GANG THÉP CAO BẰNG

Tên công trình, hạng mục công trình:

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng

Tên cơ quan cho vay, thanh toán: Ngân hàng BIDV chi nhánh Cao Bằng

I/ Tình hình cấp vốn, cho vay, thanh toán:

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu của Chủ đầu tư			Số liệu của cơ quan thanh toán			Chênh lệch	Ghi chú
		Tổng số thanh toán	Thanh toán KLHT	Tạm ứng	Tổng số thanh toán	Thanh toán KLHT	Tạm ứng		
1	*2*		*3*			*4*		*5*	*6*
1	Lũy kế vốn đã cấp, cho vay, thanh toán từ khởi công	**449,308,929,119**	**449,308,929,119**		**449,308,929,119**	**449,308,929,119**			
2	Chi tiết số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán hàng năm.								
	Năm 2013	59,268,866,807	59,268,866,807		59,268,866,807	59,268,866,807			
	Năm 2014	67,479,957,952	67,479,957,952		67,479,957,952	67,479,957,952			
	Năm 2015	322,560,104,360	322,560,104,360		322,560,104,360	322,560,104,360			

II/ Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch của cơ quan kiểm soát thanh toán:

1. Nhận xét về việc chấp hành trình tự quản lý đầu tư, chấp hành chế độ quản lý tài chính đầu tư:

2. Giải thích nguyên nhân chênh lệch (nếu có):

3. Kiến nghị:

Ngày tháng năm 2017
CHỦ ĐẦU TƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Viên

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Vương Thanh Giang

Ngày 25 tháng 09 năm 2017
CƠ QUAN CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cao Thị Việt Hà

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH CAO BẰNG

KT. GIÁM ĐỐC

Vy Thị Thuỳ Anh

Mẫu số: 04/QTDA

(Ban hành Kèm theo Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị đề nghị quyết toán			Nguyên nhân, tăng giảm
				Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế GTGT	
	Tổng số	**1.911.491.892.122**	**1.911.491.892.122**	**1.802.547.220.642**	**35.108.489.711**	**1.837.655.710.353**	-
I	**Bồi thường, hỗ trợ, TĐC**	**27.861.293.142**	**27.861.293.142**	**27.238.039.742**	**623.253.400**	**27.861.293.142**	
1	CP XD chuyển địa điểm danh giới TK ra thực địa	17.500.000	17.500.000	17.500.000	-	17.500.000	
2	Chi phí cắm mốc địa giới khu LH	9.970.400	9.970.400	9.064.000	906.400	9.970.400	
3	CP đo đạc lập bản đồ địa chính phục vụ ĐB GPMB Khu LH	229.299.312	229.299.312	208.453.920	20.845.392	229.299.312	
4	CP đo đạc lập bản đồ địa chính phục vụ ĐB GPMB Khu TĐC	12.122.000	12.122.000	11.019.695	1.102.305	12.122.000	
5	CP di chuyển đường cáp bưu điện	33.411.000	33.411.000	33.411.000		33.411.000	
6	CP di chuyển đường dây 35KV	670.149.134	670.149.134	609.226.486	60.922.648	670.149.134	
7	CP đền bù GPMB Khu LH	19.550.743.226	19.550.743.226	19.550.743.226	-	19.550.743.226	
8	CP đền bù rừng phòng hộ Khu LH	78.780.924	78.780.924	78.780.924	-	78.780.924	
9	Hỗ trợ di chuyển mồ mả	19.750.000	19.750.000	19.750.000	-	19.750.000	
10	CP ban giải phóng mặt bằng	314.065.000	314.065.000	314.065.000	-	314.065.000	
11	CP đền bù GPMB Khu TĐC	523.491.117	523.491.117	523.491.117	-	523.491.117	
12	CP đền bù rừng phòng hộ Khu TĐC	5.617.800	5.617.800	5.617.800	-	5.617.800	
13	CP thi công XD Khu TĐC, cấp nước sinh hoạt Khu TĐC	5.927.079.812	5.927.079.812	5.394.466.793	532.613.019	5.927.079.812	
13.1	LD nhà thầu ĐNX & TM Nam Hồng					5.559.501.000	
13.2	DN XD Cao Hùng			5.394.466.793	532.613.019	298.445.812	
13.3	Đoàn thanh niên công ty					69.133.000	
14	CP đền bù di chuyển đường điện 35KV	39.377.650	39.377.650	39.377.650	-	39.377.650	

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị đề nghị quyết toán			Nguyên nhân, tăng giảm
				Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế GTGT	
15	Di chuyển vị trí đoạn dây 35kV trạm biến áp 35/0,4kV Khu liên hợp gang thép Cao Bằng	70.000.000	70.000.000	63.636.364	6.363.636	70.000.000	
16	CP thẩm định đền bù Khu LH + TĐC	19.619.000	19.619.000	19.619.000	-	19.619.000	
17	CP bồi thường GPMB Khu nhà ở CBCNV					-	
17	CP sửa chưa tái định cư	5.500.000	5.500.000	5.000.000	500.000	5.500.000	
18	Đền bù tuyến đường ống gói cấp nước ngoài hàng rào	334.816.767	334.816.767	334.816.767	-	334.816.767	
II	**Xây dựng**	**524.186.254.144**	**524.186.254.144**	**450.304.755.383**	**21.066.479.674**	**471.371.235.057**	
1	Gói EPC	338.958.726.443	338.958.726.443	329.631.414.181	9.327.312.262	338.958.726.443	Gói EPC
1.1	Nhà nhà máy thiêu kết			53.046.527.288	2.191.877.618	55.238.404.906	Gói EPC
1.2	Nhà máy luyện gang			41.433.952.886	1.712.047.114	43.146.000.000	Gói EPC
1.3	Nhà máy thép			43.401.148.704	1.793.331.464	45.194.480.168	Gói EPC
1.4	Nhà máy oxy			17.236.777.925	712.222.075	17.949.000.000	Gói EPC
1.5	Hệ thống xử lý nước vào			8.014.944.962	331.176.787	8.346.121.749	Gói EPC
1.6	Tủ khí than			1.887.988.490	78.011.510	1.966.000.000	Gói EPC
1.7	Hệ thống hạ tầng và KT phụ trợ			13.102.601.705	541.398.295	13.644.000.000	Gói EPC
1.8	Đường nội bộ nhà máy			31.936.468.082	1.319.611.918	33.256.080.000	Gói EPC
1.9	Khuôn viên cây xanh			6.467.176.849	267.223.151	6.734.400.000	Gói EPC
1.10	Bể nước trên cao			9.206.514.470	380.412.330	9.586.926.800	Gói EPC
1.11	Móng cọc			103.897.312.820	-	103.897.312.820	Gói EPC
2	Cầu vào Nhà máy	-	-				
3	Đường nội bộ (Chuyển vào gói EPC)						
4	Khuôn viên cây xanh (Chuyển vào gói EPC)						
5	Bể nước (Chuyển vào gói EPC)						
6	CP dọn đất hữu cơ Khu LH					-	
7	Gói số 4 san nền và phá đá	93.346.441.524	93.346.441.524	75.415.601.364	7.541.560.136	82.957.161.500	
7.1	Gói số 4 san nền (Quang Thành Đạt+Hồng Diệp)			55.310.745.455	5.531.074.545	60.841.820.000	
7.2	Phá đá phát sinh (Quang Thành Đạt)			10.229.216.364	1.022.921.636	11.252.138.000	

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị đề nghị quyết toán			Nguyên nhân, tăng giảm
				Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế GTGT	
7.3	Phá đá phát sinh (Hồng Diệp)			4.806.341.818	480.634.182	5.286.976.000	
7.4	Phá đá phát sinh (Hồng Tuân)			3.147.454.545	314.745.455	3.462.200.000	
7.5	Phá đá phát sinh (Tuấn Hưởng)			1.921.843.182	192.184.318	2.114.027.500	
8	Thi công xây dựng hạng mục mương nước - Bổ sung phần kết nối giữa mương nước 10.5 và mương nước 26, kè rọ đá chắn đất - KLHGTCB	399.256.000	399.256.000	362.960.000	36.296.000	399.256.000	
9	XD, lắp đặt đường dây 35KV và trạm biến áp 35/0,4 KV	1.729.467.312	1.729.467.312	1.606.602.102	122.865.210	1.729.467.312	
9.1	XD, lắp đặt đường dây 35KV và trạm biến áp 35/0,4 KV					608.272.312	
9.2	Cung cấp vật tư, thiết bị trạm biến áp 35/0,4KV					1.121.195.000	
10	Xây lắp cổng, tường rào rãnh đỉnh, nhà trạm BA dự phòng	10.279.643.176	10.279.643.176	9.345.130.160	934.513.016	10.279.643.176	
12	XD trạm biến áp 110KV	6.153.090.646	6.153.090.646	5.593.718.769	559.371.877	6.153.090.646	
13	XD hệ thống cấp nước ngoài hàng rào	10.610.311.697	10.610.311.697	9.645.738.088	964.573.609	10.610.311.697	
14	Bãi nguyên liệu	16.700.651.400	16.700.651.400	15.182.410.000	1.518.241.400	16.700.651.400	
15	Xử lý thoát nước tạm thời bãi nguyên liệu chính	11.683.883	11.683.883	11.683.883		11.683.883	
16	Thử cọc	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000		2.800.000.000	
17	Nhà điều hành văn phòng ban quản lý	499.900.000	499.900.000	454.454.546	45.445.454	499.900.000	
18	Thuê nạo vét mương	130.414.000	130.414.000	118.558.182	11.855.818	130.414.000	
18.1	Do Công ty TNHH 1 Thành viên Châu Huy thi công					13.000.000	
18.2	Do Cty TNHH XD 569 thi công					117.414.000	
19	Cấp nước tạm cho thi công	140.929.000	140.929.000	136.484.108	4.444.892	140.929.000	
19.1	Do Đoàn thanh niên công ty thực hiện					124.097.000	
19.2	Do Ban quản lý Dự án thực hiện					16.832.000	
III	**Thiết bị**	**1.020.071.471.695**	**1.020.071.471.695**	**1.011.628.251.744**	**8.254.960.250**	**1.019.883.211.994**	
1	Xe ô tô Pajero 11K - 2949	886.426.550	886.426.550	809.679.664	76.746.886	886.426.550	

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị đề nghị quyết toán			Nguyên nhân, tăng giảm
				Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế GTGT	
2	Xe ô tô Toyota 11K - 3553	645.349.100	645.349.100	587.831.354	57.517.746	645.349.100	
3	Xe u oát 11K - 1801	35.000.000	35.000.000	33.333.333	1.666.667	35.000.000	
4	Xe ô tô Camry 4 chỗ 11K - 9858	1.252.650.000	1.252.650.000	1.195.840.476	56.809.524	1.252.650.000	
5	Thiết bị gói EPC (bao gồm cả chi phí đào tạo)	942.055.949.462	942.055.949.462	940.808.550.662	1.247.398.800	942.055.949.462	
5.1	Nhà nhà máy thiêu kết			229.390.911.313	311.005.895	229.701.917.208	
5.2	Nhà máy luyện gang			264.572.482.000	358.704.715	264.931.186.715	
5.3	Nhà máy thép			320.726.747.323	434.838.105	321.161.585.428	
5.4	Nhà máy oxy			92.983.657.170	126.066.309	93.109.723.479	
5.5	Hệ thống xử lý nước vào			6.637.430.756	8.998.962	6.646.429.718	
5.6	Hệ thống hạ tầng và KT phụ trợ			2.272.152.091	3.080.561	2.275.232.652	
5.7	Thiết bị thí nghiệm			3.469.750.444	4.704.253	3.474.454.697	
5.8	Vật tư thiết bị dự phòng			20.755.419.565		20.755.419.565	
6	Thiết bị trạm biến áp 110 KV	50.809.206.819	50.809.206.819	46.190.188.017	4.619.018.802	50.809.206.819	
7	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, tính toán tham số chỉnh định rơ le, XD quy định phối hợp vận hành TBA 110KV	1.381.770.000	1.381.770.000	1.256.154.545	125.615.455	1.381.770.000	
8	Lập hồ sơ thỏa thuận hệ thống Rơ-le bảo vệ tự động; Cung cấp lắp đặt thiết bị, thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống truyền dẫn thông tin Rơ-le bảo vệ công trình TBA 110	1.210.000.000	1.210.000.000	1.100.000.000	110.000.000	1.210.000.000	
9	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật tổ chức đào tạo trạm 110KV	482.552.000	482.552.000	438.683.636	43.868.364	482.552.000	
10	Dịch vụ truyền số liệu 110KV	58.234.000	58.234.000	52.940.000	5.294.000	58.234.000	
11	Mua sắm thiết bị VP	1.940.836.563	1.940.836.563	1.764.396.875	176.439.688	1.940.836.563	
11.1	Bàn phòng họp 24 chỗ			48.000.000	4.800.000	52.800.000	
11.2	Bục quầy lễ tân			36.000.000	3.600.000	39.600.000	
11.3	Máy photocopy			35.240.000	3.524.000	38.764.000	
11.4	Ti vi 55 inh			64.955.000	6.495.500	71.450.500	
11.5	Hệ thống âm thanh hội trường			81.990.000	8.199.000	90.189.000	
11.6	Chi phí vận chuyển lắp đặt			43.241.875	4.324.188	47.566.063	

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị đề nghị quyết toán			Nguyên nhân, tăng giảm
				Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế GTGT	
11.7	Bàn làm việc Chủ tịch HĐQT			12.850.000	1.285.000	14.135.000	
11.8	Ghế giám đốc			5.800.000	580.000	6.380.000	
11.9	Ghế tiếp khách			2.560.000	256.000	2.816.000	
11.10	Tủ tài liệu cao giám đốc			28.000.000	2.800.000	30.800.000	
11.11	Tủ tài liệu thấp giám đốc			9.600.000	960.000	10.560.000	
11.12	Bàn làm việc PGĐ			18.900.000	1.890.000	20.790.000	
11.13	Ghế tiếp khách			5.120.000	512.000	5.632.000	
11.14	Ghế PGĐ			10.400.000	1.040.000	11.440.000	
11.15	Tủ tài liệu PGĐ			36.000.000	3.600.000	39.600.000	
11.16	Tủ tài liệu thấp PGĐ			14.000.000	1.400.000	15.400.000	
11.17	Bàn làm việc trưởng phòng			39.840.000	3.984.000	43.824.000	
11.18	Ghế trưởng phòng			11.100.000	1.110.000	12.210.000	
11.19	Ghế tiếp khách			7.680.000	768.000	8.448.000	
11.20	Tủ tài liệu trưởng phòng			57.000.000	5.700.000	62.700.000	
11.21	Bàn làm việc nhân viên			137.700.000	13.770.000	151.470.000	
11.22	Ghế xoay			37.500.000	3.750.000	41.250.000	
11.23	Tủ tài liệu cao nhân viên			119.280.000	11.928.000	131.208.000	
11.24	Sô fa tiếp khách lãnh đạo			66.000.000	6.600.000	72.600.000	
11.25	Bàn ghế sô fa đơn tiếp khách TP			38.000.000	3.800.000	41.800.000	
11.26	Bàn ghế sô fa đơn tiếp khách khánh tiết			19.000.000	1.900.000	20.900.000	
11.27	Ghế khách đợi			18.600.000	1.860.000	20.460.000	
11.28	Bàn họp nhỏ 12 chỗ			24.800.000	2.480.000	27.280.000	
11.29	Ghế tiếp khách			46.080.000	4.608.000	50.688.000	
11.30	Ghế hội trường chân gỗ			253.440.000	25.344.000	278.784.000	
11.31	Bàn đại biểu phòng họp hội trường			24.000.000	2.400.000	26.400.000	
11.32	Ghế đợt khách			12.400.000	1.240.000	13.640.000	
11.33	Máy tính VP			145.725.000	14.572.500	160.297.500	
11.34	Màn hình máy tính 18,5"			55.020.000	5.502.000	60.522.000	
11.35	Máy in laser Canon LBP 3050			32.870.000	3.287.000	36.157.000	

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị đề nghị quyết toán			Nguyên nhân, tăng giảm
				Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế GTGT	
11.36	Máy chiếu Sony VPL-EX100			39.980.000	3.998.000	43.978.000	
11.37	Ti vi màu SONY 40"			125.725.000	12.572.500	138.297.500	
12	Cung cấp vật tư, thiết bị trạm biến áp 35/0,4KV						
12	Cung cấp thiết bị hệ thống cấp nước ngoài hàng rào	3.996.308.500	3.996.308.500	3.633.007.546	363.300.954	3.996.308.500	
13	Mua sắm thiết bị kho bãi nguyên liệu và TB vận tải Khu LH	11.524.800.000	11.524.800.000	10.481.163.636	1.043.636.364	11.524.800.000	
13.1	Máy xúc lật bánh lốp Liugong CL836 số 1			737 552 200			
13.2	Máy xúc lật bánh lốp Liugong CL836 số 2			737 552 200			
13.3	Máy xúc lật bánh lốp Liugong ZL50CN số 1			1 074 060 392			
13.4	Máy xúc lật bánh lốp Liugong ZL50CN số 2			1 074 060 392			
13.5	Máy xúc lật bánh lốp Liugong ZL50CN số 3			1 074 060 392			
13.6	Máy xúc lật bánh lốp Liugong ZL50CN số 4			1 074 060 392			
13.7	Xe nâng Liugong model CLG2050H			599 261 163			
13.8	Xe nâng Liugong model CPCD25			322 679 087			
13.9	Máy ủi T160-5 Sinomach			1 677 931 256			
13.10	Ô tô tải 8,3 tấn Forlan thaco FLD900A số 1			810 068 616			
13.11	Ô tô tải 8,3 tấn Forlan thaco FLD900A số 2			810 068 616			
13.12	Ô tô tải 4,995 tấn Forlan thaco LLIN 500B-CS/TL			489 808 930			
14	Mua máy phát điện dự phòng 1000KVA	2.979.900.000	2.979.900.000	2.709.000.000	270.900.000	2.979.900.000	
16	Mua sắm một xe 7 chỗ ngồi						
17	Mua sắm một xe 15 chỗ ngồi						
18	Mua sắm một xe 4 chỗ ngồi						
19	Mua 02 xe ca 30 chỗ ngồi						
20	Mua 02 xe tải nhẹ phục vụ nội bộ						
21	Mua 01 xe cứu thương						
15	Máy toàn đạc điện tử	297.990.000	297.990.000	270.900.000	27.090.000	297.990.000	
17	Thiết bị nhà ăn công nghiệp	326.239.000	326.239.000	296.582.000	29.657.000	326.239.000	

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị đề nghị quyết toán			Nguyên nhân, tăng giảm
				Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế GTGT	
17.1	Tủ cơm ga 100kg số 1			33.000.000	6.598.800	72.598.800	
17.2	Tủ cơm ga 100kg số 2			33.000.000			
17.3	Tủ lạnh TOSHIBA			19.850.000	1.985.000	21.835.000	
17.4	Tủ đông Sanaky			18.000.000	1.800.000	19.800.000	
17.5	"			36.000.000	3.600.000	39.600.000	
17.6	Xe đẩy inox 3 tầng			6.900.000	690.000	7.590.000	
17.7	Nồi canh loại 100			2.000.000	200.000	2.200.000	
17.8	Chảo to			900.000	90.000	990.000	
17.9	Khay chia cơm			24.500.000	2.450.000	26.950.000	
17.10	Bát đựng canh			8.750.000	875.000	9.625.000	
17.11	Khay phục vụ inox			600.000	60.000	660.000	
17.12	Mâm nhôm tròn			550.000	55.000	605.000	
17.13	Thìa ăn			3.500.000	350.000	3.850.000	
17.14	Đũa gỗ			7.600.000	760.000	8.360.000	
17.15	Muôi canh, bàn sản các loại			900.000	90.000	990.000	
17.16	Quạt trần			5.440.000	544.000	5.984.000	
17.17	Bàn xếp inox			52.500.000	5.250.000	57.750.000	
17.18	Ghế đôn			37.500.000	3.750.000	41.250.000	
17.19	Bếp ga công nghiệp			5.092.000	509.200	5.601.200	
IV	**Quản lý dự án**	**25.567.984.610**	**25.567.984.610**	**25.562.288.519**	**5.696.091**	**25.567.984.610**	
1	CP quản lý dự án (Quản lý công ty đến 2011)	25.505.327.610	25.505.327.610	25.505.327.610	-	25.505.327.610	
2	CP lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định						
3	CP hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của Nhà thầu						
4	Lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật						
5	Lệ phí thẩm định tổng dự toán						
6	CP động thổ khởi công, khánh thành công trình						

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị đề nghị quyết toán			Nguyên nhân, tăng giảm
				Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế GTGT	
7	CP tuyên truyền, quảng cáo					-	
2	Làm pa nô nhà máy	62.657.000	62.657.000	56.960.909	5.696.091	62.657.000	
9	CP tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán						
10	CP tổ chức nghiệm thu bàn giao công trình						
11	CP tổ chức, XD hệ thống quản lý chất lượng						
12	CP tổ chức đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường của ctrinh						
V	**Tư vấn**	**51.981.366.184**	**51.981.366.184**	**45.448.215.999**	**4.442.448.823**	**49.890.664.822**	
1	Chi phí thiết kế gói EPC	24.047.259.800	24.047.259.800	21.866.383.437	2.180.876.363	24.047.259.800	Gói EPC
2	CP khảo sát lập dự án XD Khu LH (phần công nghệ)	507.000.000	507.000.000	507.000.000		507.000.000	
3	CP khảo sát lập dự án XD Khu LH (phần kiến trúc)	420.888.000	420.888.000	382.625.455	38.262.545	420.888.000	
4	CP thẩm đinh dự án ĐT XD Khu LH	92.307.000	92.307.000	92.307.000		92.307.000	
5	CP thẩm đinh dự án thiết kế cơ sở XD Khu LH	47.104.000	47.104.000	47.104.000		47.104.000	
6	CP lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	72.950.000	72.950.000	69.302.500	3.647.500	72.950.000	
8	CP lập đề án, khảo sát ĐC công trình Khu LH	123.442.424	123.442.424	112.220.385	11.222.039	123.442.424	
9	CP khảo sát địa chất công trình	1.515.363.000	1.515.363.000	1.388.090.273	127.272.727	1.515.363.000	
10	Thẩm tra phương án KT khảo sát ĐC CT Khu LH	3.337.700	3.337.700	3.337.700		3.337.700	
11	CP giám sát thi công gói khảo sát Đ/C CT	30.053.000	30.053.000	27.320.909	2.732.091	30.053.000	
12	CP khảo sát địa hình công trình Khu TĐC	44.899.999	44.899.999	40.818.181	4.081.818	44.899.999	
13	CP lập TKKT, TKBVTC công trình Khu TĐC	85.238.146	85.238.146	77.489.224	7.748.922	85.238.146	
14	CP khảo sát ĐH Khu LH	195.743.000	195.743.000	177.948.182	17.794.818	195.743.000	
15	CP khảo sát TK di chuyển đường điện 35KV	36.149.443	36.149.443	32.863.130	3.286.313	36.149.443	
16	CP thiết kế TC kè nội bộ Khu Liên hợp	410.624.000	410.624.000	373.294.545	37.329.455	410.624.000	
17	CP thiết kế TC thoát nước trong nhà máy Khu Liên hợp	40.158.800	40.158.800	36.508.000	3.650.800	40.158.800	

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị đề nghị quyết toán			Nguyên nhân, tăng giảm
				Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế GTGT	
18	CP thiết kế TC mương nước Khu Liên hợp	121.674.500	121.674.500	110.613.181	11.061.319	121.674.500	
19	CP thiết kế TC san nền Khu Liên hợp	238.672.000	238.672.000	216.974.545	21.697.455	238.672.000	
20	CP giám sát thi công XD công trình san nền Khu liên hợp	240.000.000	240.000.000	218.181.819	21.818.181	240.000.000	
21	Thiết kế XD công trình trường tiểu học					-	
25	Lập HS MT các gói thầu thuộc dự án trụ sở VP						
26	CP khảo sát TK XD đường điện 35KV						
27	Dịch vụ tư vấn pháp lý và dịch thuật						
28	Cp thiết kế sửa đổi khu TĐC	30.888.000	30.888.000	28.079.909	2.808.091	30.888.000	
29	Thẩm tra TKBVTC- tổng dự toán trạm điện 110KV	25.636.737	25.636.737	23.306.123	2.330.614	25.636.737	
30	Khảo sát TK trạm 110KV	1.501.437.000	1.501.437.000	1.364.942.727	136.494.273	1.501.437.000	
31	Tư vấn giám sát thi công lắp đặt TB trạm 110KV	530.229.236	530.229.236	482.026.941	48.202.295	530.229.236	
32	T. vấn lập bổ sung quy hoạch phát triển điện GĐ 2011-2015	162.000.000	162.000.000	147.272.727	14.727.273	162.000.000	
33	Khảo sát, TKKT lập dự toán gói cấp nước ngoài hàng rào	395.279.000	395.279.000	359.344.545	35.934.455	395.279.000	
34	Giám sát XD, lắp đặt TB hệ thống cấp nước ngoài hàng rào	263.760.000	263.760.000	239.781.818	23.978.182	263.760.000	
35	Khảo sát, TK cổng tường rào rãnh đỉnh	356.527.000	356.527.000	324.115.455	32.411.545	356.527.000	
36	T. vấn giám sát XD cổng, tường rào rãnh đỉnh	265.361.000	265.361.000	241.237.273	24.123.727	265.361.000	
37	Lập dư án, Tkế, giám sát XD nhà ở CBCNV			-	-	-	
38	Thiết kế nhà ở CBCNV	379.723.000	379.723.000	345.202.727	34.520.273	379.723.000	
39	Tư vấn giám sát XD nhà ở CBCNV			-	-	-	
40	Chi phí lập HSMT gói thầu EPC	413.198.500	413.198.500	385.875.259	27.323.241	413.198.500	
40.1						321.398.500	
40.2						91.800.000	
41	Tư vấn thẩm tra TKKT,BVTC dự toán gói EPC	336.600.000	336.600.000	306.000.000	30.600.000	336.600.000	

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị đề nghị quyết toán			Nguyên nhân, tăng giảm
				Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế GTGT	
42	Tư vấn giám sát gói số 1	12.837.103.689	12.837.103.689	11.670.094.259	1.167.009.430	12.837.103.689	
43	Giám định thiết bị	2.989.933.000	2.989.933.000	2.718.120.910	271.812.090	2.989.933.000	
44	Tư vấn giám sát 1 số gói thầu ngoài gói EPC			-	-		
45	Lập HS TKBVTC dự toán bổ sung gói 4	196.597.000	196.597.000	178.724.545	17.872.455	196.597.000	
46	Khảo sát, lập BCTC, dự toán, lập HSMT bãi nguyên liệu	274.077.000	274.077.000	249.160.909	24.916.091	274.077.000	
47	Thiết kế sửa đổi gói số 4	79.145.611	79.145.611	71.950.555	7.195.056	79.145.611	
48	Thẩm tra TK BVTC hạng mục móng cọc	55.523.000	55.523.000	55.523.000	-	55.523.000	
49	Thẩm tra TK BVTC hạng mục xử lý nền móng	116.829.000	116.829.000	106.208.182	10.620.818	116.829.000	
50	TK bản vẽ nhà VP Ban QL	12.966.357	12.966.357	11.787.597	1.178.760	12.966.357	
51	Lập lưới khống chế và đo đạc lập bản đồ địa hình	374.085.000	374.085.000	340.077.272	34.007.728	374.085.000	
52	Trích đo bản đồ đường ống dẫn nước gói cấp nước	20.900.880	20.900.880	19.000.800	1.900.080	20.900.880	
VI	**Chi phí khác**	**243.428.247.460**	**243.428.247.460**	**242.365.669.255**	**715.651.473**	**243.081.320.728**	
1	Chi phí đào tạo						
2	CP chạy thử dây truyền (trong gói EPC) CP đào tạo						
1	Chi phí rà phá bom min vật liệu nổ Khu LH	2.741.481.000	2.741.481.000	2.741.481.000		2.741.481.000	
2	Chi phí rà phá bom min vật liệu nổ Khu TĐC	128.068.439	128.068.439	128.068.439		128.068.439	
3	BH gói XD Khu TĐC	26.000.000	26.000.000	23.636.364	2.363.636	26.000.000	
4	BH gói số 4 san nền	315.000.000	315.000.000	286.363.636	28.636.364	315.000.000	
5	BH gói EPC	3.666.698.075	3.666.698.075	3.333.361.887	333.336.188	3.666.698.075	
7	Dịch vụ tư vấn pháp lý và dịch thuật	929.632.000	929.632.000	845.120.000	84.512.000	929.632.000	
7.1	Cty TNHHBD và Cộng Sự					919.732.000	
7.2	Cty dịch thuật - Đào tạo và du lịch Hà nội					9.900.000	
8	Hỗ trợ xi măng cho trường Chu Trình	6.391.600	6.391.600	6.087.238	304.362	6.391.600	
9	Chi phí thẩm tra - phê duyệt quyết toán	1.503.389.160	1.503.389.160	1.366.717.418	136.671.742	1.503.389.160	
11	Chi phí kiểm toán quyết toán	1.117.000.000	1.117.000.000	1.015.454.545	101.545.455	1.117.000.000	
12	Lãi vay trong thời gian XD	136.482.816.491	136.482.816.491	136.482.816.491		136.482.816.491	

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Giá trị đề nghị quyết toán			Nguyên nhân, tăng giảm
				Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế GTGT	
12.1	Eximbank China					37.865.098.897	
12.2	BIDV Cao Bằng					33.706.913.633	
12.3	Tổng công ty Khoáng Sản					64.910.803.961	
15	Vốn lưu động cho sản xuất						
13	Chi phí chạy thử	70.594.832.241	70.594.832.241	70.594.832.241		70.594.832.241	
14	Đường và hàng rào tạm phục vụ thi công	303.597.000	303.597.000	275.997.273	27.599.727	303.597.000	
15	Kiểm định chất lượng công trình gói số 4	7.502.000	7.502.000	6.820.000	682.000	7.502.000	
16	Phí quản lý khoản vay China	9.651.180.000	9.651.180.000	9.651.180.000		9.651.180.000	
17	Phi cam kết và phí cho vay lại của khoản vay China	14.518.368.722	14.518.368.722	14.518.368.722		14.518.368.722	
18	Lệ phí XD Khu liên hợp	1.089.364.000	1.089.364.000	1.089.364.000		1.089.364.000	
VII	**Dự phòng phát sinh + Dự phòng trượt giá tỷ giá ngoại tệ USD**	**18.395.274.887**	**18.395.274.887**				

Cao Bằng, ngày 16 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
Đàm Thị Thư	**Đỗ Ngọc Hải**	Nguyễn Văn Phương

M.S.D.N: 4800162247 CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG TP.CAO BẰNG-T.CAO BẰNG

Mẫu số: 05/QTDA

(Ban hành Kèm theo Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÀI SẢN DÀI HẠN (CỐ ĐỊNH) MỚI TĂNG

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên và ký hiệu tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Tổng nguyên giá (đồng)	Ngày đưa TSDH vào sử dụng	Nguồn vốn đầu tư	Đơn vị tiếp nhận sử dụng (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số				**1.780.063.007.202**			
I	**TSCĐ gói EPC**							
1	Thiết bị							
1.1	*Nhà nhà máy thiêu kết*	Hệ thống	1	307.720.105.763	*307.720.105.763*	01/01/2016	Tự có + Eximbak + BIDV	Công ty CP GTCB
1.2	*Nhà máy luyện gang*	Hệ thống	1	354.914.986.287	*354.914.986.287*	01/01/2016	"	"
1.3	*Nhà máy thép*	Hệ thống	1	430.244.023.367	*430.244.023.367*	01/01/2016	"	"
1.4	*Nhà máy oxy*	Hệ thống	1	124.734.413.647	*124.734.413.647*	01/01/2016	"	"
1.5	*Hệ thống xử lý nước vào*	Hệ thống	1	8.903.887.615	*8.903.887.615*	01/01/2016	"	"
1.6	*Hệ thống hạ tầng và KT phụ trợ*	Hệ thống	1	3.048.014.752	*3.048.014.752*	01/01/2016	"	"
1.7	*Thiết bị thí nghiệm*	Hệ thống	1	4.654.552.212	*4.654.552.212*	01/01/2016	"	"
2	Xây dựng						"	"
2.1	*Nhà nhà máy thiêu kết*	công trình	1	96.343.646.041	*96.343.646.041*	01/01/2016	"	"
2.2	*Nhà máy luyện gang*	công trình	1	75.252.769.503	*75.252.769.503*	01/01/2016	"	"
2.3	*Nhà máy thép*	công trình	1	78.825.610.691	*78.825.610.691*	01/01/2016	"	"
2.4	Nhà máy oxy	công trình	1	31.305.612.567	*31.305.612.567*	01/01/2016	"	"
2.5	*Hệ thống xử lý nước vào*	công trình	1	14.556.825.111	*14.556.825.111*	01/01/2016	"	"
2.6	*Tủ khí than*	công trình	1	3.428.984.028	*3.428.984.028*	01/01/2016	"	"
2.7	*Hệ thống hạ tầng và KT phụ trợ*	công trình	1	23.797.079.383	*23.797.079.383*	01/01/2016	"	"
2.8	*Đường nội bộ nhà máy*	công trình	1	58.003.340.351	*58.003.340.351*	01/01/2016	"	"
2.9	*Khuôn viên cây xanh*	công trình	1	11.745.752.815	*11.745.752.815*	01/01/2016	"	"

STT	Tên và ký hiệu tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Tổng nguyên giá (đồng)	Ngày đưa TSDH vào sử dụng	Nguồn vốn đầu tư	Đơn vị tiếp nhận sử dụng (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2.10	*Bể nước trên cao*	công trình	1	16.720.965.852	*16.720.965.852*	01/01/2016	"	"
II	**Các TSCĐ khác**							
1	XD, lắp đặt đường dây 35KV và trạm biến áp 35/0,4 KV	công trình	1	2.759.066.499	2.759.066.499	*22/9/2009*	Tự có	"
2	Xây lắp cổng, tường rào rãnh đỉnh, nhà trạm BA dự phòng							
	Xây lắp	công trình	1	12.027.283.208	12.027.283.208	20/7/2015	BIDV + Tự có	"
3	Trạm biến áp 110KV							
	Thiết bị	Hệ thống	1	60.931.509.412	60.931.509.412	12/9/2015	BIDV + Tự có	"
	Xây dựng	công trình	1	7.378.920.556	7.378.920.556	12/9/2015	"	"
4	Bãi nguyên liệu	công trình	1	18.622.235.643	18.622.235.643	01/01/2016	Tự có	"
5	Nhà điều hành văn phòng ban quản lý	công trình	1	562.217.691	562.217.691	7/2011	Tự có	
6	Cấp nước ngoài hàng rào							
	Thiết bị	hệ thống	1	4.695.249.674	4.695.249.674	01/6/2015	BIDV + Tự có	"
	Xây dựng	công trình	1	12.466.021.070	12.466.021.070	01/6/2015	"	"
7	Xe ô tô Pajero 11K - 2949	xe	1	809.679.664	809.679.664	01/2008	Tự có	"
8	Xe ô tô Toyota 11K - 3553	xe	1	587.831.354	587.831.354	08/2008	Tự có	"
9	Xe u oát 11K - 1801	xe	1	33.333.333	33.333.333		Tự có	"
10	Xe ô tô Camry 4 chỗ 11K - 9858	xe	1	1.195.840.476	1.195.840.476	01/2010	Tự có	"
11	Bàn phòng họp 24 chỗ	Cái	1	48.000.000	48.000.000	T9/2011	Tự có	
12	Bục quầy lễ tân	Cái	1	36.000.000	36.000.000	T9/2011	Tự có	
13	Máy photocopy	Cái	1	35.240.000	35.240.000	T9/2011	Tự có	
14	Ti vi 55 inh	Cái	1	64.955.000	64.955.000	T9/2011	Tự có	
15	Hệ thống âm thanh hội trường	Hệ thống	1	81.990.000	81.990.000	T9/2011	Tự có	
16	Máy xúc lật bánh lốp Liugong CL836 số 1	Cái	1	737.552.200	737.552.200	1/11/2015	BIDV + Tự có	
17	Máy xúc lật bánh lốp Liugong CL836 số 2	Cái	1	737.552.200	737.552.200	1/11/2015	BIDV + Tự có	
18	Máy xúc lật bánh lốp Liugong ZL50CN số 1	Cái	1	1.074.060.392	1.074.060.392	1/11/2015	BIDV + Tự có	
19	Máy xúc lật bánh lốp Liugong ZL50CN số 2	Cái	1	1.074.060.392	1.074.060.392	1/11/2015	BIDV + Tự có	

STT	Tên và ký hiệu tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Tổng nguyên giá (đồng)	Ngày đưa TSDH vào sử dụng	Nguồn vốn đầu tư	Đơn vị tiếp nhận sử dụng (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
20	Máy xúc lật bánh lốp Liugong ZL50CN số 3	Cái	1	1.074.060.392	1.074.060.392	1/11/2015	BIDV + Tự có	
21	Máy xúc lật bánh lốp Liugong ZL50CN số 4	Cái	1	1.074.060.392	1.074.060.392	1/11/2015	BIDV + Tự có	
22	Xe nâng Liugong model CLG2050H	Cái	1	599.261.163	599.261.163	1/11/2015	BIDV + Tự có	
23	Xe nâng Liugong model CPCD25	Cái	1	322.679.087	322.679.087	1/11/2015	BIDV + Tự có	
24	Máy ủi T160-5 Sinomach	Cái	1	1.677.931.256	1.677.931.256	1/11/2015	BIDV + Tự có	
25	Ô tô tải 8,3 tấn Forlan thaco FLD900A số 1	Cái	1	810.068.616	810.068.616	1/11/2015	BIDV + Tự có	
26	Ô tô tải 8,3 tấn Forlan thaco FLD900A số 2	Cái	1	810.068.616	810.068.616	1/11/2015	BIDV + Tự có	
27	Ô tô tải 4,995 tấn Forlan thaco LLIN 500B-CS/TL	Cái	1	489.808.930	489.808.930	1/11/2015	BIDV + Tự có	
28	Máy phát điện dự phòng 1000KVA	Máy phát	1	2.709.000.000	2.709.000.000	1/11/2015	BIDV	"
29	Máy toàn đạc điện tử	Máy phát	1	270.900.000	270.900.000	1/10/2010	Tự có	"
30	Tủ cơm ga 100Kg số 1	Cái	1	33 000 000	33.000.000	1/12/2015	Tự có	
31	Tủ cơm ga 100Kg số 2	Cái	1	33 000 000	33.000.000	1/12/2015	Tự có	

Trong đó nguồn vốn	**1.780.063.007.202**
+ Tự có	202.099.373.108
+ Vay Tổng công ty	284.985.306.961
+ Vay BIDV Cao Bằng	449.078.347.119
+ Vay China Eximbnak	843.899.980.014

Cao Bằng, ngày 16 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
Đàm Thị Thư	Đỗ Ngọc Hải	Nguyễn Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
M.S.D.N: 4800162... TP.CAO BẰNG-T.CAO BẰNG

Mẫu số: 06/QTDA

(Ban hành Kèm theo Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÀI SẢN NGẮN HẠN BÀN GIAO

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Giá trị	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
	Tổng số				**22.484.213.440**	
1	Bàn làm việc Chủ tịch HĐQT		01	12.850.000	12.850.000	VP Công ty
2	Ghế giám đốc		01	5.800.000	5.800.000	"
3	Ghế tiếp khách		02	1.280.000	2.560.000	"
4	Tủ tài liệu cao giám đốc		01	28.000.000	28.000.000	"
5	Tủ tài liệu thấp giám đốc		01	9.600.000	9.600.000	"
6	Bàn làm việc PGĐ		02	9.450.000	18.900.000	"
7	Ghế tiếp khách		04	1.280.000	5.120.000	"
8	Ghế PGĐ		02	5.200.000	10.400.000	"
9	Tủ tài liệu PGĐ		02	18.000.000	36.000.000	"
10	Tủ tài liệu thấp PGĐ		02	7.000.000	14.000.000	"
11	Bàn làm việc trưởng phòng		06	6.640.000	39.840.000	"
12	Ghế trưởng phòng		06	1.850.000	11.100.000	"
13	Ghế tiếp khách		06	1.280.000	7.680.000	"
14	Tủ tài liệu trưởng phòng		06	9.500.000	57.000.000	"
15	Bàn làm việc nhân viên		30	4.590.000	137.700.000	"
16	Ghế xoay		30	1.250.000	37.500.000	"
17	Tủ tài liệu cao nhân viên		28	4.260.000	119.280.000	"
18	Sô fa tiếp khách lãnh đạo		3	22.000.000	66.000.000	"
19	Bàn ghế sô fa đơn tiếp khách TP		4	9.500.000	38.000.000	"
20	Bàn ghế sô fa đơn tiếp khách khánh tiết		2	9.500.000	19.000.000	"
21	Ghế khách đợi		3	6.200.000	18.600.000	"

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Giá trị	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
22	Bàn họp nhỏ 12 chỗ		01	24.800.000	24.800.000	"
23	Ghế tiếp khách		36	1.280.000	46.080.000	"
24	Ghế hội trường chân gỗ		198	1.280.000	253.440.000	"
25	Bàn đại biểu phòng họp hội trường		4	6.000.000	24.000.000	"
26	Ghế đợt khách		2	6.200.000	12.400.000	"
27	Máy tính VP		15	9.715.000	145.725.000	"
28	Màn hình máy tính 18,5"		15	3.668.000	55.020.000	"
29	Máy in laser Canon LBP 3050		10	3.287.000	32.870.000	"
30	Máy chiếu Sony VPL-EX100		02	19.990.000	39.980.000	"
31	Ti vi màu SONY 40"		05	25.145.000	125.725.000	"
32	Chi phí vận chuyển lắp đặt				43.241.875	"
33	Tủ lạnh TOSHIBA		1	19.850.000	19.850.000	"
34	Tủ đông Sanaky		1	18.000.000	18.000.000	"
35	"		2	18.000.000	36.000.000	"
36	Xe đẩy inox 3 tầng		3	2.300.000	6.900.000	"
37	Nồi canh loại 100		2	1.000.000	2.000.000	"
38	Chảo to		3	300.000	900.000	"
39	Khay chia cơm		350	70.000	24.500.000	"
40	Bát đựng canh		350	25.000	8.750.000	"
41	Khay phục vụ inox		5	120.000	600.000	"
42	Mâm nhôm tròn		5	110.000	550.000	"
43	Thìa ăn		350	10.000	3.500.000	"
44	Đũa gỗ		400	19.000	7.600.000	"
45	Muôi canh, bàn sản các loại		10	90.000	900.000	"
46	Quạt trần		4	1.360.000	5.440.000	"
47	Bàn xếp inox		25	2.100.000	52.500.000	"
48	Ghế đôn		250	150.000	37.500.000	"
49	Bếp ga công nghiệp		4	1.273.000	5.092.000	"
50	Cân băng tải điện		3	21.845.000	65.535.000	"
51	Máy cấp liệu		1	109.270.082	109.270.082	"
52	Máy rung vách si lô		2	546.125.000	1.092.250.000	"

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Giá trị	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
53	Băng tải		200	4.369.000	873.800.000	"
54	Máy trộn liệu		1	393.210.000	393.210.000	"
55	Máy cấp liệu (bộ giảm tốc)		1	226.052.060	226.052.060	"
56	Xe thiêu kết		2	109.225.000	218.450.000	"
57	Thanh ghi thiêu kết		100	436.900	43.690.000	"
58	ống tăng nhiệt điện hệ thống thanh lọc sàng phân tử		4	109.225.000	436.900.000	"
59	Van tháp phân lưu		1	44.913.320	44.913.320	"
60	Đầu nối tháp phân lưu		1	1.529.150.000	1.529.150.000	"
61	Trục tua bin		1	2.184.500.000	2.184.500.000	"
62	Bộ cảm biến		10	21.845.000	218.450.000	"
63	Bộ biến tần		10	87.248.930	872.489.300	"
64	Cáp điện chuyên dùng hệ thống cân		100	13.107	1.310.700	"
65	Can nhiệt		1	114.729.940	114.729.940	"
66	Bảng hiển thị		2	120.147.500	240.295.000	"
67	Công tắc		60	10.922.500	655.350.000	"
68	Cửa lò nước mát		1	109.225.000	109.225.000	"
69	Thìa lấy mẫu		2	10.922.500	21.845.000	"
70	Nhiệt điện ngẫu đo nhiệt độ		10	120.147.500	1.201.475.000	"
71	Vòi phun oxy		2	436.900.000	873.800.000	"
72	Bộ kết tinh		2	764.575.000	1.529.150.000	"
73	Thùng trung gian		2	655.350.000	1.310.700.000	"
74	Máy kéo thẳng		2	546.125.000	1.092.250.000	"
75	Cửa nước trượt		4	54.612.500	218.450.000	"
76	Điện cực		1	87.380.000	87.380.000	"
77	Bộ kẹp điện cực		1	36.240.855	36.240.855	"
78	Cáp điện mềm		1	218.450	218.450	"
79	Thanh cái đồng cứng		1	54.394.050	54.394.050	"
80	Bộ điều khiển cầu trục 63 T		2	38.228.750	76.457.500	"
81	Bộ biến tần xe thùng nước gang		1	218.450.000	218.450.000	"
82	Máy bón sợi		1	436.900.000	436.900.000	"
83	Mắt gió lò cao		1	10.992.500	10.992.500	"

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Giá trị	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
84	Cửa tháo xỉ		1	32.670.000	32.670.000	"
85	Súng bắn bùn		1	65.535.000	65.535.000	"
86	Van		15	43.690.000	655.350.000	"
87	Hệ thống lên liệu		1	236.065.808	236.065.808	"
88	Bộ lọc bột than		2	436.900.000	873.800.000	"
89	Bộ ngắt ngược bù khí		2	109.225.000	218.450.000	"
90	Van bi		15	43.690.000	655.350.000	"
91	Bộ lưu hóa		1	436.900.000	436.900.000	"
92	Súng phun than		15	65.535.000	983.025.000	"

Trong đó nguồn vốn **22.484.213.440**

+ Tự có 3.573.753.832

+ Vay Tổng công ty -

+ Vay BIDV Cao Bằng 230.582.000

+ Vay China Eximbnak 18.679.877.608

Cao Bằng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
Đàm Thị Thư	Đỗ Ngọc Hải	Nguyễn Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Mẫu số: 07/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/01/2021 của Bộ Tài chính))

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

(Tính đến ngày khóa sổ lập Báo cáo quyết toán)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	giá trị còn lại	Đơn vị tiếp nhận hoặc xử lý theo quy định
1	*2*	*3*	*4*	*5=3x4*	*6*	*7*
	Tổng số					
I	**Vật tư, thiết bị tồn đọng giao cho đơn vị tiếp nhận**					
	- Không có					
II	**Vật tư, thiết bị tồn đọng xử lý theo quy định**					
	- Không có					

Cao Bằng, ngày 16 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
Đàm Thị Thư	Đỗ Ngọc Hải	Nguyễn Văn Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Mẫu số: 08/QTDA

(Ban hành Kèm theo Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

(Tính đến ngày khóa sổ lập Báo cáo quyết toán)

Đơn vị: đồng

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số		**1.837.655.710.353**	**1.835.860.784.935**	**1.794.925.418**	**13.595.169.559**	
I	**Bồi thường, hỗ trợ, TĐC**		**27.861.293.142**	**27.861.293.142**	**-**	**-**	
1	Trung tâm KTTNMT tỉnh Cao Bằng	CP XD chuyển địa điểm danh giới TK ra thực địa	17.500.000	17.500.000	-		
2	Trung tâm KTTNMT tỉnh Cao Bằng	Chi phí cắm mốc địa giới khu LH	9.970.400	9.970.400	-		
3	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	CP đo đạc lập bản đồ địa chính phục vụ ĐB GPMB Khu LH	229.299.312	229.299.312	-		
4	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	CP đo đạc lập bản đồ địa chính phục vụ ĐB GPMB Khu TĐC	12.122.000	12.122.000	-		
5	Cty Điện báo điện thoại Cao Bằng	CP di chuyển đường cáp bưu điện	33.411.000	33.411.000	-		
6	Điện lực Cao Bằng	CP di chuyển đường dây 35KV	670.149.134	670.149.134	-		
7	Ban giải phóng mặt bằng Hoà An	CP đền bù GPMB Khu LH	19.550.743.226	19.550.743.226	-		
8	Ban giải phóng mặt bằng Hoà An	CP đền bù rừng phòng hộ Khu LH	78.780.924	78.780.924	-		

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
9	Ban giải phóng mặt bằng Hoà An	Hỗ trợ di chuyển mồ mả	19.750.000	19.750.000	-		
10	Ban giải phóng mặt bằng Hoà An	CP ban giải phóng mặt bằng	314.065.000	314.065.000	-		
11	Ban giải phóng mặt bằng Hoà An	CP đền bù GPMB Khu TĐC	523.491.117	523.491.117	-		
12	Ban giải phóng mặt bằng Hoà An	CP đền bù rừng phòng hộ Khu TĐC	5.617.800	5.617.800	-		
13	LD nhà thầu ĐNX & TM Nam Hồng	CP thi công XD Khu TĐC, cấp nước sinh hoạt Khu TĐC	5.559.501.000	5.559.501.000	-		
14	DN XD Cao Hùng	"	298.445.812	298.445.812	-		
15	Đoàn thanh niên công ty	"	69.133.000	69.133.000	-		
16	Công ty Điện Lực	CP đền bù di chuyển đường điện 35KV	39.377.650	39.377.650	-		
17	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nguyễn Lương	Di chuyển vị trí đoạn dây 35kV trạm biến áp 35/0,4kV Khu liên hợp gang thép Cao Bằng	70.000.000	70.000.000	-		
18	Sở Tài Chính Cao Bằng	CP thẩm định đền bù Khu LH + TĐC	19.619.000	19.619.000	-		
19	Ban quản lý Dự án	CP sửa chưa tái định cư	5.500.000	5.500.000	-		
20		Đền bù tuyến đường ống gói cấp nước ngoài hàng rào	334.816.767	334.816.767	-		
II	**Xây dựng**	**513.672.787.929**	**471.371.235.057**	**471.247.248.799**	**123.986.258**	**13.539.646.559**	
1	Nhà Thầu EPC	Gói EPC	338.958.726.443	338.958.726.443	-		
		Cầu vào Nhà máy (Chuyển vào gói EPC)			-		
		Đường nội bộ (Chuyển vào gói EPC)			-		

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
		Khuôn viên cây xanh (Chuyển vào gói EPC)			-		
		Bể nước (Chuyển vào gói EPC)			-		
2	Cty TNHH Quang Thành Đạt	CP dọn đất hữu cơ Khu LH			-		
3	Cty TNHH Quang Thành Đạt	Gói số 4 san nền (Quang Thành Đạt+Hồng Diệp)	60.841.820.000	60.717.833.742	123.986.258	13.539.646.559	+ Giá trị quyết toán cả gói thầu số 4: San nền, mương nước, kè nội bộ và phụ lục hợp đồng phá đá phát sinh là: 82.957.161.500 đồng. Phần phá đá phát sinh các Nhà thầu đã quyết toán và xuất hóa đơn đầy đủ là: 22.115.341.500 đồng; Phần san nền kè nội bộ mương nước Nhà thầu quyết toán: 60.841.820.000 đồng. Liên danh Nhà thầu đã xuất hóa đơn GTGT cho Công ty là: 47.302.173.441 đồng. Công ty TNHH XNK - TM và XD Quang Thành Đạt xuất: 34.756.980.024 đồng, Công ty Đầu tư xây dựng và TM Hồng Diệp xuất: 12.545.193.417 đồng. (Trong số 34.756.980.024 đồng Công ty TNHH XNK- TM và XD Quang Thành Đạt xuất cho Công ty có 7.074.707.483 đồng Công ty Đầu tư xây dựng và TM Hồng Diệp xuất cho Công ty TNHH XNK – TM và xây dựng Quang Thành Đạt).
		Quang Thành Đạt (phá đá)	11.252.138.000	11.252.138.000			

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
	Cty CP XD & TM Hồng Diệp	Hồng Diệp (phá đá)	5.286.976.000	5.286.976.000	-		
	Công ty TNHH Cao Hồng Tuân	Hồng Tuân (phá đá)	3.462.200.000	3.462.200.000	-		
	Doanh Nghiệp Tư Nhân Tuấn Hưởng	Tuấn Hưởng (phá đá)	2.114.027.500	2.114.027.500	-		
	Cty CP XD & TM Hồng Diệp	Thi công xây dựng hạng mục mương nước - Bổ sung phần kết nối giữa mương nước 10.5 và mương nước 26, kè rọ đá chắn đất - KLHGTCB	399.256.000	399.256.000	-		
4	Cty CP sản xuất vật liệu XD Cao Bằng	XD, lắp đặt đường dây 35KV và trạm biến áp 35/0,4 KV	608.272.312	608.272.312	-		
	Công ty chế tạo biến thế và Vật liệu Điện Hà Nội	Cung cấp vật tư, thiết bị trạm biến áp 35/0,4KV	1.121.195.000	1.121.195.000	-		
5	LD Công ty TNHH XD 569 và Công ty XD Anh Long	Xây lắp cổng, tường rào rãnh đỉnh, nhà trạm BA dự phòng	10.279.643.176	10.279.643.176	-		
8	LD Cty CP XNK Than - Vinacomin & Cty CP ANphanam Cơ Điện	XD trạm biến áp 110KV	6.153.090.646	6.153.090.646	-		
9	LD Cty TNHH 1TV Cấp nước CB với Cty TM&XD Hiếu Nguyên	XD hệ thống cấp nước ngoài hàng rào	10.610.311.697	10.610.311.697	-		
10	Cty Đầu tư XD và TM Hồng Diệp	Bãi nguyên liệu	16.700.651.400	16.700.651.400	-		
11	"	Xử lý thoát nước tạm thời bãi nguyên liệu chính	11.683.883	11.683.883	-		

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
12	Công ty HH kỹ thuật công trình Hòa Nhuận Hà Bắc	Thử cọc	2.800.000.000	2.800.000.000	-		
13	DN XD Cao Hùng	Nhà điều hành văn phòng ban quản lý	499.900.000	499.900.000	-		
14	Công ty TNHH 1 Thành viên Châu Huy	Thuê nạo vét mương	13.000.000	13.000.000	-		
15	Cty TNHH XD 569	"	117.414.000	117.414.000	-		
16	Đoàn thanh niên công ty	Cấp nước tạm cho thi công	124.097.000	124.097.000	-		
17	Ban quản lý Dự án	Thi công tuyến ống nước phục vụ thi công	16.832.000	16.832.000	-		
III	**Thiết bị**		**1.019.883.211.994**	**1.019.883.211.994**	-	-	
1	Công ty An Dân	Xe ô tô Pajero 11K - 2949	886.426.550	886.426.550	-		
2	Toyo ta Hoàn kiếm	Xe ô tô Toyota 11K - 3533	645.349.100	645.349.100	-		
3	Công ty TM Thái Trường	Xe u oát 11K - 1801	35.000.000	35.000.000	-		
4	Công ty Anh Tâm	Xe ô tô Camry 4 chỗ 11K - 9858	1.252.650.000	1.252.650.000	-		
5	NHà Thầu EPC	Thiết bị gói EPC + thuế nhập khẩu TB	942.055.949.462	942.055.949.462	-		
6	LD Cty CP XNK Than - Vinacomin & Cty CP ANphanam Cơ Điện	Thiết bị trạm biến áp 110 KV	50.809.206.819	50.809.206.819	-		
7	Công ty CP Tư vấn và XD hệ thống điện Miền Bắc	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, tính toán tham số chỉnh định rơ le, XD quy định phối hợp vận hành TBA 110KV	1.381.770.000	1.381.770.000	-		

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
8	"	Lập hồ sơ thỏa thuận hệ thống Rơ-le bảo vệ tự động; Cung cấp lắp đặt thiết bị, thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống truyền dẫn thông tin Rơ-le bảo vệ công trình TBA 110	1.210.000.000	1.210.000.000	-		
9	"	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật tổ chức đào tạo trạm 110KV	482.552.000	482.552.000	-		
10	"	Dịch vụ truyền số liệu 110KV	58.234.000	58.234.000	-		
11	Cty Cổ phần kiến trúc tỉ lệ vàng	Mua sắm thiết bị VP	1.940.836.563	1.940.836.563	-		
12	LD Cty TNHH 1TV Cấp nước CB với Cty TM&XD Hiếu Nguyên	Cung cấp thiết bị hệ thống cấp nước ngoài hàng rào	3.996.308.500	3.996.308.500	-		
13	Công ty CP trường Sơn Miền Bắc	Mua sắm thiết bị kho bãi nguyên liệu và TB vận tải Khu LH	11.524.800.000	11.524.800.000	-		
15	Công ty CP Cơ Điện Asean	Mua máy phát điện dự phòng 1000KVA	2.979.900.000	2.979.900.000	-		
16	Công ty CP Khoa Học Và Công Nghệ Ava Việt Nam	Máy toàn đạc điện tử	297.990.000	297.990.000	-		
18	Công ty TNHH Vật tư thiết bị Hưng Phát	Thiết bị nhà ăn công nghiệp	326.239.000	326.239.000	-		
IV	**Quản lý dự án**		**25.567.984.610**	**25.567.984.610**	-	-	
1		CP quản lý dự án (từ 2006 đến 2011)	25.505.327.610	25.505.327.610	-		
2		CP động thổ khởi công, khánh thành công trình					

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
3		CP tuyên truyền, quảng cáo					
2	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	Làm pa nô nhà máy	62.657.000	62.657.000	-		
5		CP tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán					
6		CP tổ chức nghiệm thu bàn giao công trình					
V	**Tư vấn**		**49.890.664.822**	**49.890.664.822**	**-**	**55.523.000**	
1	Nhà Thầu EPC	Chi phí thiết kế gói EPC	24.047.259.800	24.047.259.800	-		
2	Cty TNHH Thiết bị và cơ Điện gang thép Bắc Kinh – Trung Quốc	CP khảo sát lập dự án XD Khu LH (phần công nghệ)	507.000.000	507.000.000	-		
3	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	CP khảo sát lập dự án XD Khu LH (phần kiến trúc)	420.888.000	420.888.000	-		
4	THIKECO	CP thẩm đinh dự án ĐT XD Khu LH	92.307.000	92.307.000	-		
5	Sở Công Nghiệp	CP thẩm đinh dự án thiết kế cơ sở XD Khu LH	47.104.000	47.104.000	-		
6	Cty CP Tư vấn & Xây lắp Giang Tô	CP lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	72.950.000	72.950.000	-		
8	Cty CP Tư vấn & Xây lắp Giang Tô	CP lập đề án, khảo sát ĐC công trình Khu LH	123.442.424	123.442.424	-		
9	Liên đoàn địa chất Đông Bắc	CP khảo sát địa chất công trình	1.515.363.000	1.515.363.000	-		
10	Trung tâm kiểm định chất lượng CTXD Cao Bằng	Thẩm tra phương án KT khảo sát ĐC CT Khu LH	3.337.700	3.337.700	-		
11	Cty CP Tư vấn & Xây lắp Giang Tô	CP giám sát thi công gói khảo sát Đ/C CT	30.053.000	30.053.000	-		
12	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	CP khảo sát địa hình công trình Khu TĐC	44.899.999	44.899.999			

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
13	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	CP lập TKKT, TKBVTC công trình Khu TĐC	85.238.146	85.238.146	-		
14	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	CP khảo sát ĐH Khu LH	195.743.000	195.743.000	-		
15	Điện lực Cao Bằng	CP khảo sát TK di chuyển đường điện 35KV	36.149.443	36.149.443	-		
16	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	CP thiết kế TC kè nội bộ Khu Liên hợp	410.624.000	410.624.000	-		
17	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	CP thiết kế TC thoát nước trong nhà máy Khu Liên hợp	40.158.800	40.158.800	-		
18	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	CP thiết kế TC mương nước Khu Liên hợp	121.674.500	121.674.500	-		
19	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	CP thiết kế TC san nền Khu Liên hợp	238.672.000	238.672.000	-		
20	Cty CPPT Xây dựng Cao Bằng	CP giám sát thi công XD công trình san nền Khu liên hợp	240.000.000	240.000.000	-		
26	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	Cp thiết kế sửa đổi khu TĐC	30.888.000	30.888.000	-		
29	Công ty CP dịch vụ Tư vấn XD Điện Việt Nam	Thẩm tra TKBVTC- tổng dự toán trạm điện 110KV	25.636.737	25.636.737	-		
30	LD Cty CP tư vấn TKế Điện Việt Nam & Cty CP KS TK	Khảo sát TK trạm 110KV	1.501.437.000	1.501.437.000	-		
32	Cty CP Khảo sát thiết kế công trình Toàn Đức	Tư vấn giám sát thi công lắp đặt TB trạm 110KV	530.229.236	530.229.236	-		
33	Viện năng lượng	T. vấn lập bổ sung quy hoạch phát triển điện GĐ 2011-2015	162.000.000	162.000.000	-		
34	Cty TNHH TV và XD BPT	Khảo sát, TKKT lập dự toán gói cấp nước ngoài hàng rào	395.279.000	395.279.000	-		

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
35	Cty TNHH Tư vấn XD Bắc Việt	Giám sát XD, lắp đặt TB hệ thống cấp nước ngoài hàng rào	263.760.000	263.760.000	-		
36	Cty CP Tư vấn Đầu tư XD Trường Thịnh	Khảo sát, TK cổng tường rào rãnh đỉnh	356.527.000	356.527.000	-		
37	Cty TNHH Tư vấn XD Bắc Việt	T. vấn giám sát XD cổng, tường rào rãnh đỉnh	265.361.000	265.361.000	-		
39	Cty CP Tư vấn Đầu tư XD Trường Thịnh	Thiết kế nhà ở CBCNV	379.723.000	379.723.000	-		
41	Công ty CPTV Đầu Tư XD Bảo Tín	Chi phí lập HSMT gói thầu EPC	321.398.500	321.398.500	-		
42	THIKECO	"	91.800.000	91.800.000	-		
43	Viện Luyện Kim Đen	Tư vấn thẩm tra TKKT,BVTC gói EPC	336.600.000	336.600.000	-		
44	Công ty TNHH APAVE Việt Nam Và Đông Nam Á	Tư vấn giám sát gói số 1	12.837.103.689	12.837.103.689	-		
45	Công ty SGS	Giám định thiết bị	2.989.933.000	2.989.933.000	-		
47	Cty CP Khảo sát Thiết kế XD Cao Bằng	Lập HS TKBVTC dự toán bổ sung gói 4	196.597.000	196.597.000	-		
48	Cty CP Tư vấn Đầu tư XD Trường Thịnh	Khảo sát, lập BCTC, dự toán, lập HSMT bãi nguyên liệu	274.077.000	274.077.000	-		
49	Cty TNHH Tư vấn kiến trúc Nhiệt Đới	Thiết kế sửa đổi gói số 4	79.145.611	79.145.611	-		
50	Cty CP XD G7	Thẩm tra TK BVTC hạng mục móng cọc	55.523.000	55.523.000	-	55.523.000	
51	Công ty CP XD EKOSS	Thẩm tra TK BVTC hạng mục xử lý nền móng	116.829.000	116.829.000	-		
52	Cty TNHH Hồng Hưng	TK bản vẽ nhà VP Ban QL	12.966.357	12.966.357	-		

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
53	TT hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật	Lập lưới khống chế và đo đạc lập bản đồ địa hình	374.085.000	374.085.000	-		
54	TT Kỹ Thuật TNMT Cao Bằng	Trích đo bản đồ đường ống dẫn nước gói cấp nước	20.900.880	20.900.880	-		
55		Tư vấn thẩm tra quyết toán hoàn thành gói thầu số 04	-		-		Chưa TH
56		Tư vấn đánh giá kết thúc, đánh giá tác động của dự án Khu LH GT CB theo	-		-		Chưa TH
VI	**Chi phí khác**		**243.081.320.728**	**241.410.381.568**	**1.670.939.160**	**-**	
1	Lữ đoàn 575/QKI	Chi phí rà phá bom min vật liệu nổ Khu LH	2.741.481.000	2.741.481.000	-		
2	Lữ đoàn 575/QKI	Chi phí rà phá bom min vật liệu nổ Khu TĐC	128.068.439	128.068.439	-		
3	Công ty Bảo Việt Cao Bằng	BH gói XD Khu TĐC	26.000.000	26.000.000	-		
4	Công ty Bảo Việt Cao Bằng	BH gói số 4 san nền	315.000.000	315.000.000	-		
5	Chi nhánh cty Bảo hiểm Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam	BH gói EPC	3.666.698.075	3.666.698.075	-		
7	Cty TNHHBD và Công Sự	Dịch vụ tư vấn pháp lý và dịch thuật	919.732.000	919.732.000	-		
8	Cty dịch thuật - Đào tạo và du lịch Hà	Dịch vụ tư vấn pháp lý và dịch thuật	9.900.000	9.900.000	-		
9	Trường tiểu học Chu trinh	Hỗ trợ xi măng cho trường Chu Trình	6.391.600	6.391.600	-		
10		Chi phí thẩm tra - phê duyệt quyết toán	1.503.389.160	-	1.503.389.160		Chưa TH
12	Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	Chi phí kiểm toán quyết toán	1.117.000.000	949.450.000	167.550.000		Chưa QT

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
13	Eximbank China	Lãi vay trong thời gian XD	37.865.098.897	37.865.098.897	-		
14	BIDV Cao Bằng	Lãi vay trong thời gian XD	33.706.913.633	33.706.913.633	-		
15	Tổng công ty Khoáng Sản	Lãi vay trong thời gian XD	64.910.803.961	64.910.803.961	-		
16	BIDV Cao Bằng	Chi phí chạy thử	70.594.832.241	70.594.832.241	-		
17	Công ty ĐTXD và TM Hồng Diệp	Đường và hàng rào tạm phục vụ thi công	303.597.000	303.597.000	-		
18	Cty CP Tư vấn ĐTXD 306	Kiểm định chất lượng công trình gói số 4	7.502.000	7.502.000	-		
19	Sở giao dịch 3 ngân hàng BIDV	Phí quản lý khoản vay China	9.651.180.000	9.651.180.000	-		
20	Sở giao dịch 3 ngân hàng BIDV	Phi cam kết và phí cho vay lại của khoản vay China	14.518.368.722	14.518.368.722	-		
21	Sở XD Cao Bằng	Lệ phí XD Khu liên hợp	1.089.364.000	1.089.364.000	-		
VII	**Dự phòng**						

Cao Bằng, ngày 16 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
Đàm Thị Thư	**Đỗ Ngọc Hải**	Nguyễn Văn Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
M.S.D.N: 4800162241 C.T.C.P
TP.CAO BẰNG-T.CAO BẰNG